VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

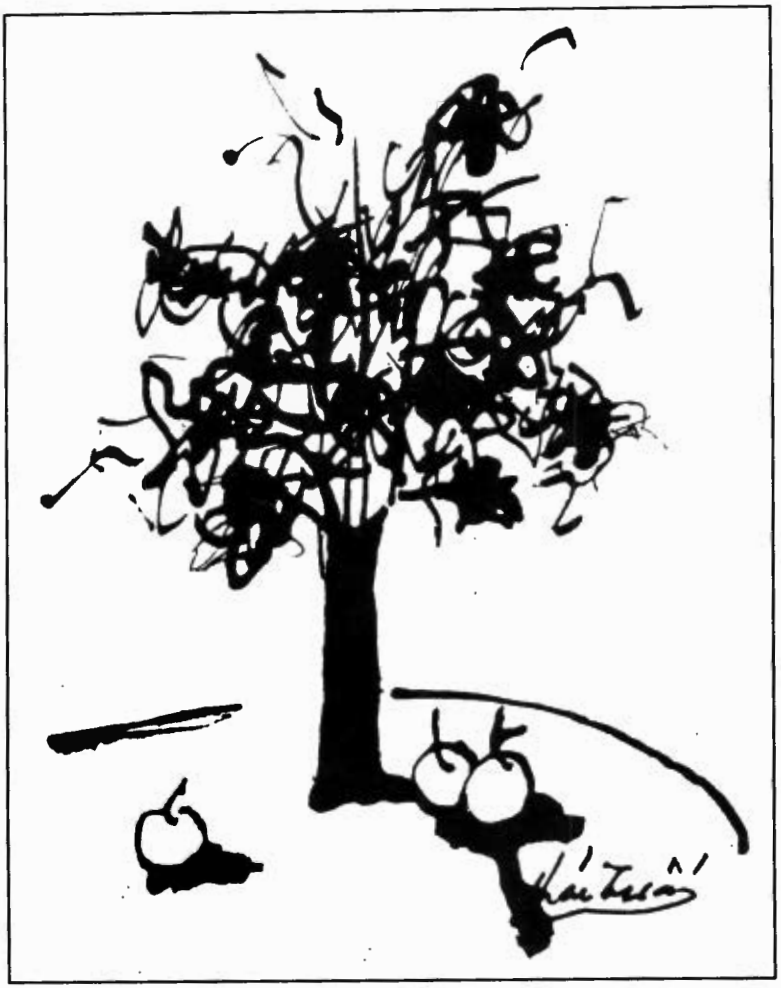

Thái Tuấn

số 78 . tháng 10 năm 1992

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.
Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359, USA
Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO - TIỂU LUẬN

Nguyễn Khắc Xuyên	*Tìm hiểu thêm về thi sĩ Hồ Dzếnh*	*3*
Trương Vũ	*Xu hướng nhân bản của thời đại*	*16*

PHỎNG VẤN

Thế Uyên	*Nói chuyện với nhà văn Thế Uyên*	*26*

SÁNG TÁC

Võ Phiến	*Vườn xưa / thơ*	*24*
Khế Iêm	*Phiêu Khúc / thơ*	*24*
Ngô Nguyên Dũng	*Ở một thời gian và không gian khác*	*37*
Đài Sử	*Mưa Trắng / thơ*	*43*
Trần Thị Diệu Tâm	*Em / truyện ngắn*	*44*
Huỳnh Liễu Ngạn	*Một tiếng chim vang cõi hữu hình / thơ*	*52*
Trần Long Hồ	*Mưa chiều bên sông / truyện ngắn*	*53*
Đặng Phú Phong	*Đăm đăm / thơ*	*66*
Đinh Trọng Hiếu	*Các ông tá ta / tạp bút*	*67*
A.B.C.	*Một khoảng việt nam cộng hòa nối dài*	*75*
Phan Ni Tấn	*Chim bay sen nở trăng tròn / thơ*	*82*
Võ Đình	*Động đất ở Montréal / tạp ghi*	*83*
Nguyễn T. Hoàng Bắc	*Montréal: lại "bên lở bên bồi" / tạp ghi*	*89*
Trang Châu	*Gởi những người không phải là bạn tôi / thơ*	*93*
Mai Kim Ngọc	*Chị em / truyện dài*	*98*

ĐIỂM SÁCH

Nguyễn Mạnh Trinh	*Đọc "Bên lở bên bồi"*	*95*

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

Ghi nhận đó đây	*107*
Văn học cười	*112*
Hộp thư Văn Học	*114*

Bìa: Thái Tuấn

thư tòa soạn

Có thể nói *Văn Học* đã tạm vượt qua được giai đoạn nguy nan về tài chính cũng như bài vở. Chúng tôi thành thực cảm tạ sự đóng góp của các thân hữu xa gần. Qua những bức thư nhận được, chúng tôi hoàn toàn vững tin vào chủ trương và chiều hướng nội dung tờ báo, nhưng vẫn phải cố gắng hơn nữa để *Văn Học* luôn luôn là tờ báo văn chương có giá trị và đứng đắn nhất hải ngoại. Số lượng bài vở gửi về cũng mỗi ngày mỗi gia tăng. Kết quả, số báo này chúng tôi phải xếp lại khuôn chữ, thu hẹp khoảng cách giữa hai dòng chữ lại. Làm vậy, số lượng bài vở tăng lên mà giá tiền in báo không thay đổi.

Như đã loan báo trong một số báo trước, *Văn Học* sẽ lần lượt thực hiện những số báo chủ đề. Chủ đề cho số tới là "Truyện Ngắn", gồm một số bài viết về thể loại Truyện ngắn trong văn chương Việt Nam hải ngoại/nội địa, và các khuynh hướng mới trong Truyện ngắn thế giới.

Phần bài vở, trong số này, cây bút biên khảo Nguyễn Khắc Xuyên soi sáng một vài chi tiết trong quá trình làm thơ của thi sĩ Hồ Dzếnh, trong đó ông cho thấy suốt mấy chục năm làm thơ, từ thời tiền chiến cho đến lúc trước khi mất vào năm 1990, nhà thơ này, trước nhau như một, lúc nào cũng chỉ có hình ảnh một *Nàng Thơ*, mà theo tác giả, chính là "Người em gái" ông yêu khi còn thiếu thời, nhưng vì gia đình nên tình duyên trắc trở. Bài tiểu luận của nhà phê bình Trương Vũ đưa ra "mô thức" Ba Lan trong cuộc cách mạng của dân tộc này thoát ra khỏi chủ nghĩa độc tài Cộng sản, rồi qui chiếu về hiện trạng của Việt Nam. Nhưng theo ông, ". . . chúng ta có thể rút tỉa được từ cuộc tranh đấu của Ba Lan . . . Tuy nhiên, cũng vẫn là một điều rất hữu ích nếu dựa vào kinh nghiệm riêng của họ để nhìn lại mình một cách trung thực. Để biết rõ sức mình hơn. Để biết những phương thức nào đã lỗi thời thì cứ việc bỏ đi mà dùng những phương thức hữu hiệu hơn vì hợp với thời đại hơn . . ." Phần phỏng vấn, *Văn Học* nói chuyện với nhà văn Thế Uyên về tình hình văn học Việt Nam hiện nay, nhân dịp nhà văn về Việt Nam trong một phái đoàn làm công tác sưu khảo về chữ quốc ngữ của Nam kỳ trong thời kỳ 1864-1929. Phần sáng tác, bên cạnh bài thơ mang nhiều tính biểu cảm của nhà văn Võ Phiến (nhà văn Võ Phiến rất ít làm thơ), là thơ văn của các cây bút được yêu mến nhất ở hải ngoại.

Văn Học

NGUYỄN KHẮC XUYÊN

tìm hiểu thêm về thi sĩ hồ dzếnh

Trong bài tựa của *Chân Trời Cũ* xuất bản năm 1942, Thạch Lam nhắc tới một số nhân vật thuộc gia đình tác giả, trong đó có "một người cha lầm lì", một người mẹ chỉ biết hi sinh, một vài người con, một vài người nàng dâu, "trong số đó có một nàng dâu người Trung Hoa". Thực ra người ta có thể biết tới chừng 15 người trong số những người thuộc gia đình và ngoài gia đình. Đó là người cha, người mẹ, người anh cả, anh hai, người chị dâu Trung Hoa, chú Nhì, bé Thi, cháu Quần, em Dìn, chị nuôi (chị Yên), người cậu họ Trung Hoa, chị Đỏ Đương, cô Fin, anh Đỏ Phụ, thím Củ (Nhà nhiều con), bà dì ghẻ.

Có thể là mặc dầu với sự thành thực của tác giả, có người tỏ ý hoài nghi. Vì thế trong lần tái bản năm 1946, chính tác giả đã viết lời tự sự và cho độc giả biết: trong số những nhân vật của *Chân Trời Cũ*, hiện nay có người đã chết. "Chú Nhì, người anh Cả, thằng cháu đích tôn, chị Đỏ Đương, cô em Dìn (1) và vài nhân vật phụ: bà mẹ ghẻ, em bé Thi." Nhưng cũng có mấy người hiện nay còn sống, tuy tuổi đã xế chiều, đó là "bà mẹ thân yêu, người chị dâu Trung Quốc, ông anh Hai phóng đãng và . . . tác giả tập sách này."

Hẳn cũng nhân tiện viết về những người thân yêu của ông, ông nhắc tới ba người khác, chưa hề nói tới trong *Chân Trời Cũ*. Người thứ nhất là Thạch Lam, người đề tựa cho bản 1942. "Một người nữa, tuy không cùng dòng giống nhưng quan hệ mật thiết với tác giả về phương diện cảm tình một linh hồn Việt Nam tế nhị, một nghệ sĩ trang trọng mà đơn sơ, hiện thân của tình yêu đất nước — nhà văn rất thuần túy, rất nhân đạo, Thạch Lam — người bạn đã đáng tiếc từ trần một tháng sau ngày tập đoản thiên này được xuất

bản." Chúng ta biết Thạch Lam Nguyễn Tường Lân có tên trong *Nhà Văn Hiện Đại* với những lời lẽ khen ngợi và gần đây cũng được ca tụng trong *Từ Điển Văn Học* (Hà Nội, 1984). Năm 1988 khi viết bài thơ thương tiếc nhà thơ Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh còn nhắc tới tên người bạn thân thiết:

Đời xếp anh tôi và Thạch Lam

Ngồi chung một chiếu hội văn đàn.

Người thứ hai là chủ nhà xuất bản Á Châu, lúc đó đã nâng đỡ tinh thần và vật chất để cho tác phẩm được ấn hành. Hồ Dzếnh viết: "Và một người nữa, vẫn góp mặt trong thế giới hữu hình, một tình yêu cô hữu đi sóng đôi với ân nghĩa, anh em đã hi sinh chút ít tiền của để cho in lần thứ nhất cuốn sách này, dầu biết rằng nó 'không chạy như các món quà giải trí khác.'" Người bạn chí tình này, qua năm tháng, vẫn gắn bó với thi sĩ.

Đến người thứ ba và là người chúng ta sẽ đi tìm cặn kẽ hơn để hiểu thấu tâm can nhà thơ, thì được nói tới như sau: "Thêm một người nữa, mà định mệnh đã chọn hộ cho con đường chồng vợ theo luật cõi đời, người em gái có đôi mắt đẹp như thơ, có quê hương mơ màng và xanh biếc, có tấm lòng thắm dịu, mở rộng như trang sách ái tình." Thực ra, trong các người thuộc gia đình thì chỉ có ba người anh em trai và một người em gái cùng cha khác mẹ là em Dìn, chứ không có em gái. Cho nên người em gái ở đây hẳn phải là người em gái kết nghĩa, hiểu theo người bạn gái. Vả cũng là một cách nói kín đáo mà thôi. Người em gái này có ba đức tính được kể theo thứ tự: có mắt đẹp, có quê hương đẹp và có tấm lòng cũng đẹp nữa. Và nhất là người em gái này đã đi theo định mệnh như đã vạch sẵn cho, đó là đã đi lấy chồng, nói một cách đơn giản và thẳng thắn.

Thi sĩ của chúng ta viết thêm: "Tên hai người trên đây, không viết ra vì nhiều lẽ, và cái lẽ chính đáng nhất vẫn là niềm yên lặng đầy tiếng nói thầm."

Cái tế nhị, theo chúng tôi, là Hồ Dzếnh đã ghép hai người vào làm một: không nói tới tên người em gái thì còn có lí, nhưng tại sao lại không nói tên người bạn đã đứng ra bỏ tiền in sách. Dẫu sao, cả hai đều được che giấu bằng một "yên lặng", nhưng yên lặng "đầy tiếng nói thầm". Người bạn trai vì có đức khiêm tốn không muốn được trưng tên tuổi, còn người em gái thì đã bước vào đời sống có đôi có lứa.

Căn cứ vào những lời thi sĩ viết về người em gái này, chúng tôi thử đi tìm trong mấy tác phẩm đầu tay để may ra khám phá ra cái thiên tình sử đẹp đẽ và cao thượng đó.

*

Thực ra thiên tình sử được kể lại trong *Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước* cũng xuất bản năm 1942. Nhưng khó mà biết được đâu là hư đâu là thực bởi vì theo chúng tôi, tác giả vừa có ngụ ý vừa cố đánh lạc dư luận. Đánh lạc dư luận vì thứ nhất tác giả không kí tên thật của mình. Đây là Lưu Thị Hạnh, một nữ văn sĩ. Thứ hai tại sao lại mười lăm năm về trước. Bởi vì nếu tính năm

thì sự việc đã xảy ra vào năm 1927, lúc đó tác giả mới có 11 tuổi ư? Thế nhưng câu chuyện chứa đựng một ngụ ý kín đáo của tác giả. Một là chữ *Lưu* chủ ý hiểu tên người lạc vào rừng rồi kết duyên với nàng tiên — truyện Lưu Nguyễn ở động Thiên Thai — còn *Hạnh* là Hạnh Phúc. Thứ hai ý chính của thiên tình sử là hai người yêu nhau, nhưng người con gái nhà giàu bị cha mẹ ép lấy chồng giàu mà bỏ người yêu nhà nghèo. Sau khi người con gái lấy chồng và không hợp với nhà chồng thì người con trai như bị thất tình cũng lấy vợ. Thế nhưng vào màn chót, họ đã tìm đến nhau để nói cho nhau biết vì hạnh phúc gia đình, cả hai sẽ hi sinh để trở lại đời làm vợ làm chồng chính đáng.

Thứ ba, không phải không có lí do khi tác giả đặt câu chuyện vào *15 năm về trước*. Thực ra, vẫn theo chúng tôi, đây là lời lẽ lấy trong truyện Kiều, như vậy là một điển tích. Nàng Kiều bị trôi giạt 15 năm trước khi tái hồi Kim Trọng. *Từ Điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh ghi bốn lần:

Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm.
Những là rầy ước mai ao,
Mười mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.
Những từ sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm mới bây giờ là đây.

Chúng ta sẽ thấy lảng vảng nơi Hồ Dzếnh cái ý nghĩ, cái tâm tưởng đó khi ông nói tới Kiều, Thúy Kiều. đặc biệt trong bài *Mối Tình Đầu*, tặng Thúy Kiều, sáng tác vào tháng 9 năm 1989, trong đó có câu:

Tiền Đường rửa hết oan thơ
Mười lăm năm ấy bây giờ là đây.

Tóm lại, người em gái không nói trong *Chân Trời Cũ*, có thể là người con gái vai chính trong *Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước*, bởi vì tác giả viết trong lời nói đầu "là câu chuyện thực, chuyện 'sống'". Cô Nguyện áo trắng có nét mặt thùy mị, có tính hiền lành, nhu mì, có tinh thần hi sinh cao cả. Đã có lần Thủy cho là "Nguyện đã đi qua đời chàng như bóng mây qua không gian" để rồi vào trang kết thúc bản tình sử, hai người cùng bằng lòng hi sinh trở về với chồng, với vợ theo định mệnh của Trời: "Hai cặp mắt cùng nhìn nhau và cả hai cùng sáng lên trong một tình yêu đầy đau khổ." (Sd trang 204).

*

"Tình yêu đầy đau khổ" phải chăng là đề tài chính trong *Quê Ngoại*, tập thơ đầu tay của thi sĩ, xuất bản một năm sau, nghĩa là 1943. *Quê Ngoại* gồm có 35 bài thơ. Toàn tập tác giả đề "Kính dâng Mẹ", nhưng trong 35 bài không

có bài nào nói về Mẹ. Chung chung có hai bài nói về người chị dâu (*Quê Hương, Rằm Tháng Giêng*), hai bài về tình quê Việt Nam (*Lũy Tre Xanh, Sáng Quê*), ba bài về phong cảnh nơi thôn dã nhưng ngụ ý tiêu điều buồn tẻ (*Thờ Ơ, Phố Huyện, Trưa Vắng*), còn thì toàn là nói về mối tình dang dở, tuyệt vọng với những tình tiết êm đềm và khắt khe, lâng lâng và chán nản.

Hình ảnh người em gái nói trong lời tự sự của *Chân Trời Cũ* hiện lên khá rõ rệt. Không phải vô tình, khi thi sĩ sắp xếp thứ tự các bài, bởi vì bài thứ nhất trong tập là bài "tặng" và bài thứ 35, bài cuối cùng là bài *Tưởng Chuyện Ngàn Sau*. Nhưng tặng ai nếu không là tặng người em gái, người em gái đã ra đi kiểu như "anh đi đường anh tôi đường tôi" của Thế Lữ, bởi vì thi sĩ viết:

Em sẽ đi và ta sẽ đi,
Mai này ta chết giữa chia li . . .
Mây Nam nếu lạc về phương Bắc,
Xin nhớ lời thơ chẳng nghĩa gì.

Ngay mở đầu bài thơ, đã thấy nỗi buồn day dứt vì cách biệt:

Đêm qua ta gục đầu lên sách,
Mộng thấy hồn đau thổn thức buồn.
Ta chợt nhớ ra ngày viễn cách,
Là ngày . . . em sẽ xa ta luôn.

Ở câu thứ bẩy và thứ tám, chúng ta được nghe lời kêu xin thảm thiết: thi sĩ đã gọi tên người em gái:

Quì bên chồng giấy chưa thành sách,
Ta sẽ kêu thầm: "Em gái ôi! . . ."

Tiếng đau thương này lại vang dậy trong bài kết thúc tập thơ: tuyệt vọng, dã lảng vảng trong tâm trạng một cái chết, thế nhưng không phải chết là dã hết đau:

Nằm đây tưởng chuyện ngàn sau,
Lung linh nến cháy hai đầu áo quan.
Nát thân, không nát nổi hồn,
Lẩn trong cái chết vẫn còn cái đau.

Đó, không khí bài thơ đầu và bài thơ cuối là thế đó. Và ở giữa là mối tình thơ mộng, dẹp dẽ, mối tình đầu. Có mấy bài nhắc tới "Nguyện áo trắng" trong *Một Truyện Tình*. Bài *Giản Dị* là một trong những bài kể lại cái mối tình mới chớm nở:

Em ăn, em nói, em cười,
Kiếp này không có hai người như em.
Kinh thành: quần nhiễu, hàng len,

Em tôi: áo trắng, quần đen sơ sài.
Ai mà để ý vào ai,
Quần đen lẫn bóng áo gai lẫn màu.

Bài *Mưa* nhắc tới tên người em gái với những lời lẽ mộc mạc đơn sơ:

Tôi và Hiền ở cách
Vẻn vẹn một giàn dưa...
Tay tôi làm loa miệng,
Hỏi: "Hiền ăn cơm chưa?"
Ai như Hiền áo trắng
Loáng thoáng qua hơn mưa?

Mối tình đầu được nói lên trong những câu thơ hết sức đẹp đẽ:

Lần đầu ân ái trao bằng mắt,
Rồi để tình thương đến trọn đời.
(Tình Xưa)

Gửi em giấc mộng đầu mùa,
Hoa phai ghi dấu những giờ xót thương.
(Bài Hát Ru Em)

Em ạ, lòng tôi, tôi ngỡ đâu
Đã dâng em hết buổi xuân đầu.
(Trong Nắng Trưa)

Em ơi, anh lỡ chuyến đò,
Chuyến đò thứ nhất, chuyến đò đời anh.
(Lỡ Đò)

Thế rồi yêu là nhớ, yêu là mong, yêu là đợi. Và chúng ta có một bài bất hủ trong nhiều bài khác không kém phần sâu sắc, bâng khuâng. Đó là bài *Ngập Ngừng*:

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!

Câu này được nhắc tới ba lần, lần đầu với ba câu theo sau, còn hai lần sau thì tiếp sáu câu thơ. Lần thứ ba:

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!
Tôi sẽ trách – cố nhiên – nhưng rất nhẹ
Nếu trót đi, em hãy gắng quay về,
Tình mất vui khi đã vẹn câu thề,
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở...

Phải, cái dang dở của *Một Truyện Tình* làm tâm hồn nhà thơ có những âm vang thắm thiết, những ước muốn dạt dào, những lơ lửng dịu dàng.

Đừng buồn nhưng cũng đừng vui,
Êm êm nắng nhẹ qua trời rộn mưa.
(Duyên Ý)

Trời không nắng, cũng không mưa,
Chỉ hiu hiu rét cho vừa nhớ nhung.
(Mùa Thu Năm Ngoái)

Tôi không chọn nắng, cầu mưa,
Nhớ người không cứ về trưa hay chiều.
(Lặng Lẽ)

Nơi thi nhân còn có một đề tài hơn một lần được diễn tả trong thơ, đó là chuyến tàu. Trong *Mùa Thu Năm Ngoái*, thi nhân viết:

Đâu hình tàu chậm quên ga,
Bâng khuâng gió nhớ về qua lá dày.

Có hai bài viết sau này, nói tới chuyến tàu:

Tôi lại đến cuối mùa nghe gió lạ,
Đón chuyến tàu năm trước tiễn thu đi.
(Chuyến Tàu Thu)

Trái tim bỗng dội niềm xao xuyến,
Tàu rẽ vào ga chặng cuối cùng
(Nhớ Tiếc Thanh Tịnh)

Dẫu sao, việc ra đi của người em gái càng làm cho thi nhân đau khổ, nhớ nhung:

Không dừng bỗng nhớ, không tìm bỗng mong.
(Thu)

Và những ước mơ:

Cho hai ta được gần nhau,
Cho trăng đừng bóng, đôi đầu chung mơ.
(Mưa Ngàn)

Thi nhân đã không hết lời ca tụng tình yêu và còn muốn cho hậu thế biết tới mối tình kì diệu của mình trong hai câu thơ bất hủ:

Ta viết lòng ta cho hậu thế,
Đọc hoài không chán: Em và Anh.
(Xuân Đôi Ta)

Người ta có cảm tưởng như nhà thơ muốn nhắc tới những mối tình vô vọng cổ kim như Tristan và Iseut thế kỉ 12, Romeo và Juliette, bi kịch của Shakespeare thế kỉ 16, Lamartine và Elvire, Alfred de Musset và George Sand thế kỉ 19.

Riêng về bài *Chiều*, chính là bài *Mùa Cây Trong Khói*, Võ Văn Trực viết trong *Văn Nghệ*, 14-4-1990 như sau: "Tiêu biểu cho nỗi nhớ thương mơ hồ ấy là bài *Chiều*. Dạo đó tác giả theo người anh trai đi làm hỏa xa ở Lạng Sơn. Trong phút chốc bỗng thấy nhớ ghê gớm miền quê cha." Theo chúng tôi, khi thi sĩ "nhớ nhà" thì không thể nói là nhớ quê cha được, bởi vì nhà thơ không có một liên hệ thực tế, không biết gì về quê nội, nếu có thì chỉ là trong trí óc, trong ước vọng. Chữ "nhà" ở đây trước hết là nơi chôn nhau cắt rốn, nơi có hình ảnh những người thân yêu nhất: một người mẹ già, một người em gái và nhất là người yêu. Thi nhân rất kín đáo, rất tế nhị, đã gói ghém tất cả trong chữ "nhà", "nhớ nhà". Đã có lần người ta hỏi ông và ông cũng chỉ bí ẩn trả lời vu vơ, và một lần khác ông mỉm cười như thú nhận nhớ đây là nhớ người yêu. Cũng thế, trong nhiều bài, khi ông nói tới dân Hời, tới Phong Châu, tới quê nội thì chỉ là mượn đề tài để nói lên tâm trạng của mình mà thôi.

Dẫu sao, tất cả hình ảnh còn lại trong *Quê Ngoại*, có thể được thu vào bốn câu thơ trong *Trở Lại*:

Con người tôi gọi bằng em,
Nhớ tôi nhưng cũng thành duyên lâu rồi.
Mộng tàn nước chảy, mây trôi,
Tôi lui hồn lại những dời đã xa.

*

Tới *Xuân Hoa Đất Việt*, tập thơ thứ hai gồm 15 bài, ấn hành năm 1946, hình ảnh người em gái lu mờ một cách đáng tiếc, mặc dầu toàn tập thơ đã được tác giả "dâng Mẹ, tặng Em". Trong 15 bài chỉ có một bài nhắc tới người em, nhưng đã không tỏ lưu luyến mà như còn muốn xa cách, có thể là do lòng yêu nước thương nòi lúc này đang bừng bừng cháy. Bài *Ta Không Muốn* bắt đầu bằng bốn câu cương quyết:

Ta không muốn nắn cung đàn,
Đêm xưa dạo dưới trăng vàng đợi em.
Bền gì mây thoáng lương duyên,
Đẹp gì mấy sợi mây luyền gợi mơ.

Ngoài ra có chừng mươi bài đề cập tới non sông đất nước. Trong số này chúng tôi thích nhất bài *Trang Sách Xưa* với một cảm hứng ái quốc thành thực và hăng say, còn những bài khác không đều, không đặm. Trong *Tiếng Sơn Hà*, thi nhân của chúng ta hình như cũng muốn trút bỏ những tâm tình "lãng mạn" xưa, để dấy lên một hào khí mới:

Ta trả lại cho đàn cung nhớ tiếc,
Cho mùa thu những xác lá vàng rơi.
Ta trả lại cả u hoài, thống thiết,
Khi xuân về bừng sáng nên cây tươi.

Xuân đây là Mùa Xuân Độc Lập của đất nước sau gần 80 năm dưới đô hộ ngoại lai. *Hoa Xuân Đất Việt* đã nở và lần đầu tiên, như muốn lột xác, nhà thơ của chúng ta quay lưng lại với Nàng Thơ, hạ bút viết không hối tiếc:

Lần đầu trước bóng Em xa,
Không nghe run trái tim và . . . rất vui
(Mùa Xuân Mới)

Viết "rất vui" để hiểu rất vui hay ngược lại, điều này phải hỏi lại thi nhân. Dẫu sao, trong *Hoa Xuân Đất Việt*, còn có bài ca tụng người chị dâu, *Giang Tây*, và hai bài nói về người Mẹ, *Cảm Đề*, *Mái Lều Tranh*. Riêng chúng tôi, chúng tôi rất thích bài *Người Chị Dâu* và ngay từ năm 1946, chúng tôi đã cho học trò lớp Tiểu học của chúng tôi học thuộc lòng:

Chị về làm dâu nhà tôi,
Từ ngày má chị hồng đôi trứng gà.
Nắng trần chưa nhuộm màu da,
Chị còn giày nhiều, quần hoa như ngày.

Còn người mẹ ở đây thì tiêu biểu cho tất cả người mẹ Việt Nam. Một thời đại mới, đầy hi vọng: điêu tàn nghèo khổ nhường chỗ cho giàu sang ánh sáng:

Bao giờ cho sáng lều tranh nhỏ,
Mẹ Việt Nam mừng nước Việt Nam?
Hay vẫn đau buồn thiên vạn cổ,
Những người không biết ánh vinh quang?

Và thi sĩ đã đi theo cách mạng, bị cuốn đi trong dòng thác cuồn cuộn vì giang sơn đất nước:

Ta đứng lặng, mỉm cười trong lệ nhỏ,
Lòng bâng khuâng thầm vọng bóng ai xa . . .
Mắt rưng rưng ánh Đẹp của Sơn hà . . .
(Hoa Xuân Đất Việt)

*

Thế rồi 45 năm sau *Quê Ngoại, Tác Phẩm Chọn Lọc* của Hồ Dzếnh được xuất bản năm 1988 ở Hà Nội. Về thơ, chúng ta có 35 bài, trong số này có 23 bài trích ở *Quê Ngoại*, một trích ở *Hoa Xuân Đất Việt*, còn lại là mấy bài cũ bị bỏ quên, nay được in lại hoặc là những bài mới có ghi năm sáng tác hoặc không. Bài *Lời Ru Của Mẹ* rất sâu sắc, tỏ cho biết nguồn cảm hứng của thi sĩ về người mẹ thân yêu vẫn không đuối sức. Người ta sẽ nhớ mãi câu:

Kiếp sau xin lại làm người,
Để nghe non nước vọng lời mẹ ru.

Có mấy bài làm mới đây và có ghi năm, đó là *Khúc Hát Cầu Phao* (1973), *Sông Lý Quê Em* (1978), *Ngày Ấy Xuân Về* (1977), *Bến Nước Thanh Trì* (1971), nhưng cũng sót hai bài không ghi năm tháng và là hai bài gợi lại cho chúng ta những hình ảnh quen thân từ hơn bốn chục năm về trước. Đó là bài *Cỗ Bài Tam Cúc* và *Rủ Em Đi Chợ Đồng Xuân*. Bài *Cỗ Bài Tam Cúc* nhắc tới kỉ niệm khi nhà thơ của chúng ta mới đôi mươi xuân xanh và người em gái chừng mười sáu. Như vậy kỉ niệm thuộc vào năm 1936 hoặc 1937, năm thi sĩ bắt đầu làm thơ:

Nắng mới rọi vào song cửa
Rung rinh bóng lá cành dơi
Năm ấy em mười sáu tuổi
Trăng tròn — anh chẵn đôi mươi.

Người ta cũng được biết qua bài thơ, tình cảm thuở ban đầu sau mấy chục năm, vẫn còn nguyên vẹn, không phôi pha:

Mấy chục mùa xuân thấm thoát
Nhớ thương hờn giận chen nhau
Một bức tranh thơ bát ngát
Quí thay cái thuở ban đầu!
Nay tóc đời ta điểm bạc
Bể dâu thời thế phôi pha
Em ạ, cỗ bài tam cúc
Vẫn thơm nguyên vẹn tình ta.

Sau hơn bốn chục năm, cái tiếng "cm" êm dịu thần kì lại vang lên thấm thiết hơn, khăng khít hơn, bởi vì "*Nay tóc đời ta điểm bạc*", không còn như cái thuở mười sáu hai mươi.

Tới bài *Rủ Em Đi Chợ Đồng Xuân*, sự nối liên hệ với người xưa đã quá rõ rệt. Chúng tôi còn nhớ, năm 1946, nhà thơ của chúng ta cho biết người em gái đã theo định mệnh sống đời sống lứa đôi. Bây giờ người ta được biết, cả hai người cũng đã có gia đình. Thế là tất cả những kỉ niệm thời xưa dồn dập tới: nào là nắng hanh, bưởi đào, nào là húng Láng, cốm Vòng, nào là Hồ Tây, sen mát, nào là tấm lòng hồi hộp, trao thư tình lúc tuổi xuân. Thật là một bài thơ xuất sắc.

Rủ nhau đi chợ Đồng Xuân,
Tưởng như đi giữa bâng khuâng thuở nào.
Nắng hanh rám má bưởi đào,
Chợt nghe hương vị thấm vào tâm tư
Đồng Xuân này lối năm xưa,
Anh chưa lấy vợ, em chưa lấy chồng.

Nhưng thôi, chuyện cũ — chuyện lòng
Nhắc chi lúng Láng, cốm Vòng hỡi em.
Hồ Tây dẫu muộn mùa sen
Vẫn còn một đóa y nguyên buổi đầu.
Như ngày ta mới quen nhau
Thư đưa hỏi hộp, tay trao ngượng ngùng.
Nhớ em, nhớ đến khôn cùng,
Hương sen càng mát, nỗi lòng càng đau.

Chúng tôi biết là bài thơ này được viết năm 1981 và có tên là *Hương Sen* chứ không phải *Rủ Nhau Đi Chợ Đồng Xuân*. Bài này tặng Hồng Phúc. Trước đây hơn bốn chục năm, thi sĩ của chúng ta, trong hai tập thơ *Quê Ngoại* và *Hoa Xuân Đất Việt*, không đề tặng ai cả, trừ một lần: bài *Về Làm Chi Nữa* trong *Hoa Xuân Đất Việt* đề tặng Trang Biểu Huệ. Cho tới nay chúng tôi cũng chưa rõ là ai.

Như vậy là Nàng Thơ vắng bóng trong suốt một thời kì trên bốn chục năm, nay lại ra mắt, có chiều tươi sáng, đẹp đẽ, đàng hoàng hơn, khí phách hơn. Con chim sơn ca hót vào lúc bình minh, khi chưa có ánh mặt trời, mới có sương đêm rớt lại, nay nhường cho thiên nga thánh thót hót, trước khi nhắm mắt lìa đời. Và chúng ta được đọc những vần thơ sáng sủa, đầy tình người, tình xưa nghĩa cũ:

Bốn chục năm qua vẫn để dành
Một trời thương nhớ tặng riêng anh,
Cảm ơn em nhé em yêu dấu
Em của mùa đoi, của đất Thanh.
Có thể nào quên những phút giờ
Bên em chuyện thực đẹp như mơ
Phong thư tiếp nối đường liên lạc
Ta lại thương nhau, lại đợi chờ.

(Bài Thơ Tạm Biệt)

Nếu năm 1943, thi sĩ viết:

Cho hai ta được gần nhau
Cho trăng đừng bóng, đôi đầu chung mơ.

(Xuân Đôi Ta)

thì bây giờ, sau hơn bốn chục năm, chúng ta đọc:

Ước gì gần mãi bên Em,
Để nghe tiếng đập con tim bồi hồi.
Ước gì mối mãi kề môi

Để nghe nước mắt mặn mòi tình thương!

Rồi tới câu thơ kết:

Ôi người em gái anh mơ
Yêu nhau, ta chẳng bao giờ cưới nhau.

(Ước Gì)

Thế rồi có những bài *Paris Mùa Nắng, Gặp Nhau, Vầng Trăng Còn Mãi, Vô Đề, Chiếc Áo Mùa Đông, Bài Thơ Chép Lại.* Thật cảm động làm sao, được tin cụ thân mẫu của người em đau nặng, nhà thơ đã lần tới nơi, đứng bên giường bệnh nhân, thăm hỏi và cảm hứng viết thành những câu thơ vô cùng thành thực và trìu mến. Có thể đây là lai lịch thiên tình sử:

Khi hai đứa mình còn trẻ
Mẹ không cho ta cưới nhau,
Mẹ nói lấy chồng thi sĩ
Sẽ nhiều vất vả, lo âu.
Mẹ nói có phần nào đúng
Vì thơ là gió, là mây
Ai níu được mây dừng lại
Cũng như ghìm gió đừng bay?
Thơ chỉ là mây là gió
Còn em sao lại phong lan?
Lan thích tắm mình trong gió
Cheo leo vách núi, lưng ngàn.
Hôm nay trở về thăm mẹ
Bệnh già gần phút lâm chung
Ta chẳng còn xa nhau nữa
Mỉm cười, mắt mẹ rưng rưng . . .

(Bài Thơ Chép Lại)

Đó là vào năm 1986, tháng chạp. Ngoài ra còn có một số các bài thơ ngắn ngắn nhân dịp Tết Nguyên Đán hay lễ Giáng Sinh. Có bài thơ không hẳn lấy đối tượng mối tình xưa, nhưng cũng nhắc tới người xưa cảnh cũ, như bài *Cầu Giát*, viết bên giường bệnh Nguyễn Minh Châu, tháng chạp năm 1988. Là vì nhà văn Nguyễn Minh Châu cũng người Thanh Nghệ và nhắc tới đất Thanh là nhắc tới mối tình xưa trên đất Thanh, nơi có cầu Giát, nơi có phố Tràng Thi cũ — Khoa Trường — nhà ở của người em gái:

Bao giờ về thăm cầu Giát
Ghìm nhau ghé lại Khoa Trường
Nhắc hộ người xưa đất cũ:

Lòng tôi vẫn nặng tình thương.

Năm 1989, tháng 9, có bài *Mối Tình Đầu*, tặng Thúy Kiều. Như chúng tôi đã nói, nhà thơ của chúng ta thường lấy hình ảnh nàng Kiều để ngụ ý người em gái, một cách kín đáo, một cách xót thương.

Tiền Đường rửa hết oan thơ,
Mười lăm năm ấy bây giờ là đây.
Tờ hoa đó, tóc mây này,
Vẫn nguyên hương sắc như ngày yêu nhau.

Đến bài *Hoa Mẫu Đơn* viết vào Giáng Sinh 1989 thì thật vừa giản dị, vừa sâu sắc, một bài "hay đến rợn người". Có một vài chi tiết nhắc tới "Nguyện áo trắng", "Hiền áo trắng", người con gái đất Thanh thuở xưa:

Chủ nhật tự nhiên thành buổi hẹn,
Gió bay tà áo trắng như thơ.

Năm mươi năm về trước và có thể hơn nữa, lại hiện ra rõ nét, rõ hình trong bốn câu thơ kết:

Đêm Giáng Sinh này em ở đâu
Nghe chuông có nhớ thuở ban đầu?
Ước chi sống lại thời xưa nhỉ
Để trẻ ra và để hẹn nhau!

Trước khi lìa cõi đời, vào năm 1990, thi nhân còn gửi đi một cánh thiệp chúc mừng với bốn câu thơ:

Sông xuân hẹn chở hết lòng,
Đò Xuân đem hết chờ mong tới bờ.
Trăm năm thôi lỡ hẹn hò,
Bến sông còn đó, con đò vẫn đây.

*

Để kết luận, chúng tôi đọc lại bài Phạm Khải viết trong *Văn Nghệ Quân Đội* tháng 6 năm 1991, khi nói tới những người bạn trong đời Hồ Dzếnh. Phạm Khải viết: "Có thể nói, với Hồ Dzếnh, Nguyễn Minh Châu và Thạch Lam đều là những người bạn mà thời gian giao kết thật là ngắn ngủi, song cũng thật là xúc động. Đó là hai cái mốc trong giai đoạn đầu và cuối cùng cuộc đời ông." Chúng ta biết Thạch Lam mất năm 1942, một tháng sau khi *Chân Trời Cũ* được xuất bản, còn Nguyễn Minh Châu thì mất gần một năm sau khi nhà thơ của chúng ta đến thăm và tặng bài thơ *Cầu Giát*, năm 1989. Điều chúng tôi muốn nói, hai mốc hai người bạn thân, nhưng cũng hai cái mốc ở điều chúng tôi tìm hiểu thêm mà vẫn có mấy người, thủy chung như nhất, từ khi biết yêu cho tới lúc lìa đời: một người mẹ (*Ngày Xuân Đọc Lại*

Truyện Kiều), người chị dâu (*Quả Táo*), và dĩ nhiên người em gái có "công lao khởi sắc thơ văn của thi sĩ", *Nàng Thơ* của nhà thơ.

*

Hôm nay ngày giỗ đầu, 13 tháng 8-1992, chúng tôi tất cả, Chị có tâm hồn quảng đại, giàu lòng hiểu biết và rất chân thành, Chị đã "nâng đỡ chăm sóc Anh đi qua những năm tháng vất vả buồn tủi của đời Anh, đã giữ Anh đến được ngày hôm nay để Anh gặp lại độc giả, để Anh thấy lại những trang viết của mình đang được nhân dân nghìn vạn lần trên khắp đất nước" (Vũ Quần Phương), người em gái trước sau một mối tình bất diệt, Nàng Thơ của nhà thơ; còn người em gái kết nghĩa nữa, người em gái phương xa đã tận tình nâng đỡ tinh thần Anh trong những lúc khó khăn và còn biết bao người yêu thơ văn của Anh, chúng tôi xin dâng tới hương hồn Anh những cảm tình thương tiếc và trìu mến: "Đời không quên Anh đâu." □

Chú thích:

(1) Theo Phạm Khải, trong bài "*Nhà Văn Hồ Dzếnh*", trên *Người Hà Nội* số Tết tháng 1-1989, thì vào năm 1983 "em Dìn nay là một cụ già vẫn sống trong một bản làng ở Hà Tuyên.

Tham khảo:

— Hồ Dzếnh, *Chân Trời Cũ*, Hoa Tiên xuất bản, Sàigòn, 1968.

— Hồ Dzếnh, *quê Ngoại*, Hoa Tiên xuất bản, Sàigòn, 1968.

— Hồ Dzếnh, *Hoa Xuân Đất Việt*, (Phụ lục *Quê Ngoại*), Hoa Tiên xuất bản, Sàigòn, 1968.

— Lưu Thị Hạnh, Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước, Sàigòn, 1968.

— Hồ Dzếnh, *Tác Phẩm Chọn Lọc*, Hà Nội, 1988.

— Võ Văn Trực, *Thi sĩ Hồ Dzếnh*, Văn Nghệ tháng 4-1990.

— Phạm Khải, *Hồ Dzếnh Và Những Người Bạn Quá Cố*, Văn Nghệ Quân Đội, tháng 6-1991.

— Phạm Khải, *Vĩnh Biệt Nhà Văn Hồ Dzếnh, Hà Nội Mới, 24-8-1991.*

— Vũ Quần Phương, *Một Kỉ Niệm Với Nhà Văn Hồ Dzếnh*, thể Thao Văn Hóa, 14-8-1991.

— Hoàng Phong, *Điều Thầm Lặng Của Nhà Thơ Thầm Lặng*, Sài Gòn Giải Phóng, Tuần san Kinh Tế Xã Hội, số 38, Sàigòn, 28-9-1991.

— Phạm Khải, *Nhà Văn Hồ Dzếnh*, Người Hà Nội, số Tết tháng 1-1989.

— Tư liệu riêng của gia đình.

Sẽ xuất bản:

Tiếng Hát Thiên Nga, (hay *Quê Ngoại II*) gồm 35 bài thơ mới nhất của Hồ Dzếnh.

TRƯƠNG VŨ

xu hướng nhân bản của thời đại

Lịch sử thế giới sang trang thật nhanh. Chỉ ba năm sau khi những chế độ Cộng sản dàn em sụp đổ ở Đông Âu, cái ý niệm về một thế giới lưỡng cực, đặc thù của Chiến tranh Lạnh, đã trở thành lỗi thời. Thế giới đang đi vào một trật tự mới và hầu hết những dân tộc trên toàn cầu đã đi một đoạn đường trên trong một cuộc thi đua mới, với khả năng và những ý niệm về chính trị, kinh tế, xã hội, phù hợp với thực tế về phát triển khoa học kỹ thuật và xu thế nhân bản của thời đại. Cũng như, để đương đầu với những vấn đề mới của thời đại. Thời đại nào cũng có những vấn đề riêng của nó. Đặc biệt ở thời đại này, các dân tộc đã chịu sự tàn phá của Cộng sản trong bốn mươi năm qua, lại còn phải đương đầu với những vấn đề khác. Những vấn đề chúng ta thường gọi là "vấn nạn Hậu Cộng sản".

Cho đến nay, đối với dân tộc Việt Nam, những "vấn nạn Hậu Cộng sản" lại vẫn chưa phải là những vấn nạn trước mắt. Lý do đơn giản là dân tộc Việt nam còn đang loay hoay với cuộc thi đua cũ, trong dư âm của Chiến tranh Lạnh. Cuộc thi đua chưa kết thúc, chưa biết rõ lúc nào sẽ kết thúc và kết thúc như thế nào.

Cuộc tranh đấu mới đây của Phật giáo Việt Nam trong nước đã vang vọng ra hải ngoại một cách nhanh chóng và được đón nhận với nhiều phản ứng khác nhau. Có một quan điểm được nhiều người chia sẻ: Đây không phải là một cuộc tranh đấu đơn lẻ mà là một vận động liên lạc với những vận động khác của dân tộc, cũng nhằm mục tiêu chống chuyên chính hay chống mọi thứ áp bức. *Những vận động này phù hợp với xu thế nhân bản của thời đại.* Như vậy, có lẽ đây cũng là dịp tốt để nhìn lại những kinh nghiệm chống chuyên chính của các dân tộc khác trên toàn cầu. Kinh nghiệm của thành công cũng như của thất bại. Sự nhìn lại này có thể giúp người Việt hải ngoại có những phản ứng hợp tình, hợp lý hơn, cũng như để tham dự vào những vận động chung của cả dân tộc cho hữu hiệu hơn và đúng với sức mình hơn. Phạm vi nhỏ hẹp của một bài viết không cho phép có một trình bày đầy đủ và chi tiết về những kinh nghiệm của cả nhân loại đã làm chấm dứt cuộc Chiến tranh Lạnh như chấm dứt một thảm kịch. Do đó, bài viết sẽ chỉ giới hạn vào việc nhìn lại những thành công hay thất bại của một dân tộc ở Đông Âu để rồi nhìn lại những thành công hay thất bại của chính mình, để từ đó rút tỉa một bài học nào khả dĩ áp dụng được cho trường hợp của Việt Nam hiện tại hay trong tương lai.

Mỗi dân tộc có một cách chống Cộng khác nhau. Tuy nhiên, nếu chỉ để đi tìm một số nét tương đồng, hay một số điểm chính để gợi ý, để rút tỉa kinh

nghiệm, thì trường hợp của Ba Lan có lẽ là trường hợp tương đối lý tưởng cho việc làm này.

Cuộc tranh đấu chống chuyên chính của dân tộc Ba Lan khởi đầu từ 1945, ngay sau khi chấm dứt Thế chiến Thứ Hai, và thực sự kết thúc vào 1989, khi Tadeus Mazoviecki, cố vấn của Công đoàn Đoàn Kết (Solidarity), nắm quyền thủ tướng Ba Lan. Đây là một cuộc đấu tranh trường kỳ, đầy gian nan và là cuộc đấu tranh đầu tiên làm chấm dứt sự cầm quyền của một chế độ Cộng sản. Cuộc đấu tranh này đã trải qua rất nhiều thất bại trước khi đạt thành công lớn sau cùng. Những thất bại đáng kể nhất gồm có:

1. **Thất bại của Vệ quốc quân Ba Lan và Chính phủ Lưu vong không Cộng sản.**

Trong Thế chiến Thứ Hai, khi quốc gia Ba Lan bị Đức và Liên Sô chiếm đóng, Chính phủ Lưu vong Ba Lan được sự yểm trợ của Đồng Minh đã thành lập một quân đội khá hùng hậu gồm gần bốn trăm ngàn quân nhân, gọi tên là Vệ quốc quân Ba Lan. Tuy nhiên, chỉ hai năm sau khi đảng Cộng sản Ba Lan nắm quyền qua một cuộc bầu cử gian lận vào 1947, lực lượng kháng chiến chống Cộng xuất thân từ Vệ quốc quân và Chính phủ Lưu vong hoàn toàn bị tiêu diệt. Có nhiều lý do cắt nghĩa sự thất bại này. Trước hết, cuộc tổng khởi nghĩa của Vệ quốc quân ở Warsaw vài tháng trước khi chiến tranh chấm dứt đã bị các sư đoàn thiện chiến nhất của Đức phản công và tàn sát không nương tay. Ưu thế quân sự của các lực lượng không Cộng sản không còn nữa. Sau chiến tranh, họ mất luôn cả ưu thế chính trị, do sự phản bội của phe Đồng Minh tại hội nghị Yalta. Thêm vào đó, âm hưởng chính trị và xã hội của thời Đệ nhị Cộng hòa Ba Lan mà quyền lực nằm trong tay giới trưởng giả, không phải là một âm hưởng tốt đối với người dân Ba Lan bình thường. Khi phải tranh thủ hậu thuẫn của quần chúng, những chính trị gia chống Cộng thuộc Chính phủ Lưu vong cũ lại không đưa ra được một mô thức mới nào cho xã hội Ba Lan. Trong hoàn cảnh thiếu thuận lợi như vậy, khi thấy mình bị thua thiệt trong cuộc bầu cử gian lận, họ lại phát động một cuộc chiến vũ trang nhằm lật đổ chế độ Cộng sản. Họ gặp phải sự phản công mãnh liệt của quân đội Cộng sản có kỷ luật và khả năng chiến đấu rất cao. Trong khi đó, chính người dân Ba Lan đã không muốn hoặc không dám hy sinh mạng sống của mình để hậu thuẫn cho họ đến cùng. Cuộc chiến đấu của họ chấm dứt một cách khá tàn nhẫn.

2. **Thất bại của những phản kháng trí thức.**

Giới trí thức Ba Lan rất được người dân coi trọng, do lòng yêu nước, lòng yêu sự thật, và lòng can đảm nói lên những suy nghĩ của mình. Sự phản kháng của họ nhằm vào chế độ bắt đầu bộc phát sau cái chết của Stalin nhưng không tạo một ảnh hưởng chính trị đáng kể. Sang đến 1964, sự phản kháng của trí thức lên cao độ với sự tham dự của những khuôn mặt trí thức lớn nhất

của Ba Lan trong mọi lãnh vực. Những phản kháng đó đã bị lãnh tụ Cộng sản Gomulka hóa giải dễ dàng. Đến 1968, cuộc biểu tình lớn của sinh viên đại học Warsaw với sự ủng hộ của giáo sư và trí thức cũng bị dập tắt nhanh chóng. Tất cả những thất bại này, đều phát xuất từ những lý do khá giống nhau. Thứ nhất, giới trí thức Ba Lan đã tự cô lập hay bị cô lập để không truyền đạt được những phản kháng của họ đến đa số quần chúng. Thứ hai, trong cộng đồng trí thức, sự chia rẽ giữa ba khuynh hướng chính đã làm cho uy thế của họ yếu đi nhiều. Ba khuynh hướng chính đó là khuynh hướng xã hội, khuynh hướng Công giáo, và khuynh hướng của trí thức gốc Do Thái chống lại sự phục hồi xã hội Ba Lan trước Thế chiến (khuynh hướng này có một thời rất thân Cộng). Thứ ba, kỹ thuật chế ngự trí thức của đảng Cộng sản Ba Lan rất tinh vi. Khi những bất mãn của trí thức lên cao độ, sự nhượng bộ phải lúc và đối xử lễ độ từ phía những người cầm quyền đã làm tiêu tan những bất mãn này không mấy khó khăn.

3. Thất bại của các cuộc nổi dậy của thợ thuyền trước 1980.

Trước 1980, có ba cuộc nổi dậy lớn của thợ thuyền: cuộc nổi dậy ở Poznan vào 1956, ở Gdansk vào 1970, và ở Radom-Ursus vào 1976. Biến động 1956 bắt đầu bằng cuộc tuần hành của một nhóm thợ thuyền tại hội chợ Poznan, đòi hỏi cải thiện đời sống kinh tế. Được hỗ trợ của dân chúng, đoàn biểu tình đột nhiên trở thành một cuộc nổi dậy có tính bạo động với khẩu hiệu "Tự do và Bánh Mì". Vì các lực lượng an ninh địa phương và quân đội chính qui không chịu bắn vào đồng bào của họ, nhà cầm quyền huy động một lữ đoàn thiện chiến của lực lượng nội an ở Warsaw. Cuộc nổi dậy bị dàn áp tàn nhẫn. Có nhiều lý do cắt nghĩa sự thất bại khá nhanh chóng này. Thứ nhất, cuộc nổi dậy có tính cách bột phát, không được chuẩn bị kỹ lưỡng nên không có những lực lượng chống đối khác nổi lên tiếp theo để phụ lực cho họ. Thứ hai, vì cuộc nổi dậy mang tính bạo động, nó tạo được cái cớ khá hợp lý để kẻ cầm quyền sử dụng lực lượng nội an đàn áp trong khi quần chúng chưa sẵn sàng liều mạng hậu thuẫn cho cuộc nổi dậy bạo động mang tính chính trị. Thứ ba, không có những phương tiện truyền thông để gây được những kích động mạnh mẽ, đúng lúc, và rộng lớn. Thứ tư, ngay sau khi đàn áp, kẻ cầm quyền biết khôn khéo nhượng bộ vừa phải để ngăn chặn những phản ứng dây chuyền. Những thất bại ở Gdansk vào 1970 và Radom-Ursus vào 1976 cũng phát xuất từ những lý do tương tự.

4. Thất bại Solidarity sau lệnh thiết quân luật 1981.

Được hướng dẫn và cố vấn bởi nhóm trí thức Ba Lan, sau khi đã rút tỉa những kinh nghiệm thất bại của trí thức và thợ thuyền trước đây, cuộc đình công của thợ thuyền ở Gdansk vào 1980 do sự cầm đầu của Lech Walesa và Andrej Gwiazda đã đưa đến một nhượng bộ lớn của chính quyền Cộng sản là cho phép thành lập công đoàn không Cộng sản Solidarity. Công đoàn này

qui tụ hơn mười triệu đoàn viên và đang là một hy vọng cho cả Đông Âu và nhân dân trên thế giới có cùng một ước mơ lật đổ chế độ Cộng sản. Vút chốc, chỉ qua cái đêm đáng nhớ, 13 tháng 12 năm 1981, nó gần như tan biến. Tám năm sau, nếu không nhờ thêm các yếu tố ngoại tại, như sự khủng khoảng kinh tế và chính trị ở Liên Sô, có thể ngày hôm nay, cái tên Solidarity chỉ còn một chỗ đứng rất khiêm nhường trong lịch sử Ba Lan hiện đại, ở chỗ mà các sử gia bàn về những biến cố *suýt làm thay đổi lịch sử*. Có rất nhiều lý do cắt nghĩa sự thất bại của Solidarity vào 1981, tuy nhiên mọi người đều đồng ý một số lý do chính: Ngay sau khi thành lập, Solidarity chỉ đưa ra hết đòi hỏi này đến đòi hỏi khác, không đưa ra được một giải pháp hợp lý để giải quyết những vấn đề của Ba Lan, người dân chỉ thấy Solidarity gây xáo trộn xã hội và thấy những người cầm quyền đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, chính người dân trở nên mệt mỏi, và đúng vào lúc người dân mệt mỏi nhất thì lãnh tụ Cộng sản Ba Lan, tướng Jaruzelski, xuất kỳ bất ý ra lệnh phản công. Kế hoạch phản cộng được chuẩn bị trong nhiều tháng và chỉ thực hiện trong vài tiếng đồng hồ, hoàn toàn kết thúc trước khi rạng đông. Khi tất cả người dân Ba Lan thức dậy vào sáng hôm đó, họ mới biết được rằng Solidarity đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Hầu hết các chức sắc của tổ chức này, kể cả Lech Walesa, đều bị bắt trọn.

Như mọi người đều biết, tám năm sau, Solidarity được phục hoạt. Chính quyền Ba Lan hiện nay ở trong tay Solidarity. Sự thành công của họ có được nhờ rất nhiều nỗ lực khác nhau cùng hợp lại một cách rất nhịp nhàng, dùng tất cả những sức mạnh có thể có được và ít ảo tưởng hơn về những cái họ không có. Về những cái họ có, quan trọng nhất là vị thế đặc biệt của giáo hội Công giáo Ba Lan. Ở đây, không giống như các nước khác ở Âu châu, giáo hội Công giáo Ba Lan luôn luôn đứng về phía dân tộc Ba Lan trong mọi cuộc tranh đấu chống ngoại xâm, nhiều khi được khơi động và yểm trợ từ một giáo hội Công giáo khác như Đức và Nga. Thứ hai, sự đóng góp tích cực của trí thức và văn nghệ sĩ làm khơi dậy những khát vọng nhân bản của con người, đòi hỏi được sống một đời có tự do, có no ấm, có phẩm cách, không gian dối vì sợ sệt, không mánh mung để tồn tại. Thứ ba, truyền thống dân chủ và lòng yêu nước cao độ của người dân Ba Lan và đặc biệt là của giới thợ thuyền.

Sau khi Solidarity bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, ba sức mạnh này của người dân Ba Lan phối hợp lại với nhau chặt chẽ và khiến cho mọi người Ba Lan sống hai cuộc đời khác nhau, một cuộc đời giả dối dành cho chế độ và một cuộc đời thật, với hiểu biết thật, với thương yêu thật, dành cho chính họ và đất nước họ. Tới một lúc nào đó, những người Cộng sản Ba Lan bỗng thấy mình là những kẻ đứng trơ trọi bên lề xã hội. Khi cơ hội đến, đặc biệt là khi có sự nới lỏng chính trị và kinh tế ở Liên Sô, những lực lượng có cảm tình với Solidarity phản công, phục hồi sự sinh hoạt của Solidarity, và dứt điểm chế độ Cộng sản Ba Lan, đồng thời để khởi đầu cho một cơn bão thời đại làm tróc ngã những chế độ Cộng sản khác trên toàn cầu.

Trở lại trường hợp Việt Nam. Từ 1975 đến nay, chúng ta không có những cuộc nổi dậy ở mức độ qui mô như ở Ba Lan sau 1945. Tuy nhiên, sự lật đổ chế độ Cộng sản ở thời điểm này thuận lợi hơn ở những thời điểm trước 1989 rất nhiều. Do đó không nhất thiết chúng ta phải cần đến hơn 40 năm để tạo dựng những nỗ lực theo cách mà người Ba Lan đã kinh qua. Thế nhưng, *nếu những vận động thành công ở thời đại này để đạp đổ chuyên chính không đòi hỏi những hy sinh xương máu như trước đây thì ngược lại đòi hỏi những vận dụng cân não thật tế nhị và thật tới mức*. Trong hoàn cảnh này, sự thành công hay bất cứ một thất bại nào của Ba Lan như đã nêu trên đều có thể cho ta những kinh nghiệm hay những cảnh giác quí giá. Bên cạnh đó, ý thức về xu thế và lợi thế của thời đại sẽ giúp cho những vận động của chúng ta hữu hiệu hơn và nhanh chóng hơn. Dĩ nhiên, *điều quan trọng nhất vẫn là tự biết mình, biết những gì mình có và những gì mình không có.*

Trong trường hợp Việt Nam, chúng ta không có sự thành công của những nỗ lực quân sự. Chúng ta cũng chưa thấy hay không thấy được sự thành công đáng kể từ một tổ chức chính trị thành hình từ trước 1975. Và từ những điều kiện thực tế mà mọi người đều chứng kiến ở ngày hôm nay, không mấy ai muốn nuôi ảo tưởng về những thành công loại này trong tương lai.

Chúng ta chưa có được sự dấn thân của hàng trí thức để cống hiến triệt để và can đảm những nỗ lực trí thức vào cuộc tranh đấu chống chuyên chính của toàn dân, khởi đi từ lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm. Ngoại trừ những nỗ lực có tính đơn lẻ. Không có điều kiện tốt đó, nhưng lại có những điều xấu mà trí thức Ba Lan đã có — và đã vượt qua — là sự chia rẽ giữa những khuynh hướng khác nhau phát sinh từ những đụng chạm quyền lực hay quan điểm, trong quá khứ. Ngày hôm nay, chưa có gì bảo đảm là những chia rẽ sẽ được gạt sang bên một cách dễ dàng để mọi người trí thức có cùng mục tiêu xây dựng tương lai dân chủ và tự do cho đất nước sẽ làm việc chung với nhau một cách thoải mái.

Chúng ta không có một giáo hội, Công giáo hay Phật giáo, với một vị thế đặc biệt, hoàn toàn chế ngự con tim của cả nước trong cuộc tranh đấu của cả dân tộc, như trường hợp của Ba Lan. Mặc dầu, trong lãnh vực tôn giáo này, chúng ta có được những điều rất tốt đẹp cho Việt Nam, sẽ được nói đến sau đây.

Điểm nổi bật nhất của Việt Nam, có lẽ là ở một thái độ phản kháng rất tiêu cực nhưng lại rất dứt khoát và cũng rất dai dẳng. Không có thái độ phản kháng này chắc đã không có những cuộc vượt biển ào ạt, kinh hoàng, và đầy kính phục nhất của lịch sử Việt Nam. Thái độ phản kháng này cộng với khát vọng dân chủ của người miền Nam, do ảnh hưởng của thực trạng xã hội, chính trị, văn hóa, và kinh tế trước 1975, đã làm cho người Cộng sản hoàn toàn thất bại trong nỗ lực của họ nhằm áp đặt một đời sống theo kiểu xã hội chủ nghĩa lên mảnh đất miền Nam.

Sức mạnh lớn nhất đã giúp con người giữ được một thái độ phản kháng nói trên có lẽ là sức mạnh tôn giáo ở mỗi con người Việt Nam. Chính sức mạnh đó đã cản lại không cho họ sống như một người vô tôn giáo, nghĩa là sống như một người Cộng sản đúng nghĩa, cũng như đã cản không cho họ chấp nhận bất cứ một hình thức tôn giáo ngụy tạo nào. Ở trên đất nước khốn khổ của chúng ta, có đầy rẫy những kẻ thiếu ăn thiếu mặc, hằng ngày sống trong sợ sệt, nhưng khi vào đời sống tâm linh thì hầu như tất cả những kẻ khốn khổ này đều biết bỏ nỗi sợ sệt qua một bên để lạy Phật thật hay lạy Chúa thật theo lòng tin của họ mà khước từ lạy Phật hay lạy Chúa quốc doanh để làm vừa lòng kẻ cầm quyền. Bên cạnh đó, chúng ta phải kể đến sự hy sinh, lòng can đảm, và niềm vui chia sẻ nhọc nhằn với người khác của bao nhiêu kẻ hành đạo, đã cố gắng hết sức mình để nuôi dưỡng con người tôn giáo trong mỗi người Việt Nam, trong một chế độ mà mục tiêu hàng đầu của kẻ cầm quyền là hủy diệt tôn giáo. Ở đây, những chiếc xe bọc sắt đã trở thành vô dụng vì không thể đi vào những trại cùi để cán nát bàn tay các dì phước đang băng bó vết thương những con người bất hạnh. Hay tiến vào những làng mạc xa xôi, hẻo lánh, cán nát bàn chân các ni cô đi tiếp gạo và tình thương đến những nơi mà con người đang chỉ còn ở ngưỡng cửa của sự chết. Tâm hồn Việt Nam cũng đang được nuôi dưỡng bởi những kẻ hành đạo, như Tuệ Sỹ, để chống lại các nỗ lực làm con người tha hóa hầu tiêu diệt khả năng phản kháng của họ trước bạo lực:

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao như tiếng khóc ven rừng
Trong đêm tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng
Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn lun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha. (2)

Cuộc tranh đấu hiện nay của Phật giáo Việt Nam nhắc nhở hai thực tế mà Phạm Xuân Đài đã viết và gợi ra từ trong nước cách đây hai năm. Thứ nhất, "*. . . Quan hệ giữa chính quyền Cộng sản và tôn giáo luôn luôn là một quan hệ căng thẳng chứ không bao giờ là một sự hòa hợp. Đó là sự ở chung một nhà của hai kẻ không bao giờ thừa nhận nhau mà chỉ chờ ngày cáo chung của nhau.*" Thứ hai, "*. . . Các tôn giáo ngày càng chiếm lĩnh quần chúng ở mọi cấp độ; một số không ít đảng viên đã đến với tôn giáo và hầu hết đều quay về với sự thờ cúng tổ tiên mà họ đã rất lơ là hàng mấy chục năm, trong khi sự quyến rũ của chủ nghĩa Cộng sản trong dân chúng xem chừng như đã triệt tiêu. Cái duy nhất nó còn lại là bộ máy quyền lực khá mạnh để duy trì một cái dáng treo lơ lửng vì không có chỗ dừng trong lòng dân.*" (3)

Hai năm sau khi Phạm Xuân Đài viết những câu trên, số người Việt Nam ở trong nước đến với tôn giáo chắc phải đông hơn. Do sự giải thể của Cộng hòa Liên bang Sô viết, thế chính trị của đảng Cộng sản Việt Nam yếu đi rất nhiều. Vậy mà nó vẫn còn đủ mạnh để duy trì sự độc tôn của nó và để tiếp tục hủy hoại đời sống Việt Nam. Bởi vì, những phản kháng tiêu cực của quần chúng nếu đủ sức chối bỏ đời sống Cộng sản thì quả thật, vẫn chưa đủ sức đánh đổ chế độ Cộng sản. Bởi vì, chưa được như Ba Lan sau 1981, chúng ta chưa phối hợp được tất cả những sức mạnh khác nhau, một cách nhịp nhàng. Những sức mạnh từ tôn giáo, trí thức, văn nghệ sĩ, thợ thuyền, nông dân, vân vân. Bên cạnh đó, tệ hơn người Ba Lan, chúng ta *đang gặp phải một trở ngại lớn vô cùng, phát sinh từ một thực tế chia đôi đất nước trước 1975.* Những kẻ cầm quyền đang khai thác tối đa trở ngại này. *Họ đang tìm mọi cách cô lập đồng bào miền Bắc ra khỏi các vận động chống chuyên chính tại Việt Nam nhất là những vận động được cổ võ từ phía những người không Cộng sản.* Phương thức đơn giản nhất của họ là đồng hóa những vận động này với nguy cơ đe dọa tương lai của đồng bào miền Bắc. Bốn mươi năm chiến tranh đã để lại không biết bao nhiêu nghi ngờ và chia rẽ. Do đó, phương thức này rất dễ được thi hành cho có hiệu quả. Thực tế, cho đến nay, dù chán ghét chế độ Cộng sản đến mấy, đồng bào miền Bắc vẫn chưa nhập cuộc vào các vận động khởi đi từ miền Nam hay từ hải ngoại. Dĩ nhiên, cũng có những nỗ lực về phía đồng bào miền Nam hay đồng bào ở hải ngoại chống lại sự tiếp tay với các phản kháng phát xuất từ đồng bào miền Bắc. Ngày hôm nay, ngay cả trong cuộc tranh đấu của Phật giáo, chúng ta cũng đang chứng kiến sự bất động của những người con Phật ở miền Bắc.

Bài học quan trọng nhất rút tỉa từ trường hợp Ba Lan có lẽ là bài học này: *nếu không cô lập được đảng Cộng sản ra khỏi đại khối dân tộc, khó ai có thể đánh gục được đảng Cộng sản.*

Điều chua chát cho những người thực sự chống chuyên chính, là họ đang chứng kiến một số nỗ lực đi ngược lại với quan điểm trên đây. Vì quyền lợi cá nhân, vì muốn độc quyền tranh đấu, vì đạo đức giả, hay vì ấu trĩ, có những cá nhân hay đoàn thể "có vẻ như chống Cộng" đang làm một công việc rất phản động là đẩy những người tranh đấu theo quan niệm khác mình về phía những người Cộng sản, bằng cách chụp mũ Cộng sản một cách bừa bãi, vô trách nhiệm. Mặc dầu có thể chính họ cũng thừa biết rằng, *ở thời điểm này, chỉ có những kẻ mắc bệnh tâm trí mới chạy theo Cộng sản hoặc lo sợ người khác chạy theo Cộng sản.* Thực tế cho thấy, các nỗ lực này đang có một số ảnh hưởng với quần chúng ở hải ngoại và dù ít dù nhiều cũng đang tạo khó khăn cho các vận động chống chuyên chính, chủ trương phối hợp nỗ lực từ cả hai miền đất nước. Những kinh nghiệm mà chúng ta có thể rút tỉa được từ cuộc tranh đấu của Ba Lan, thật ra, rất nhiều. Mặc dầu, có thể chúng ta rất khác họ và sẽ phải tranh đấu theo cách riêng của mình. Tuy nhiên, cũng vẫn là một điều rất hữu ích nếu dựa vào kinh nghiệm riêng của họ để nhìn

lại mình một cách trung thực. Để biết rõ sức mình hơn. Để biết những phương thức nào đã lỗi thời thì cứ việc bỏ đi mà dùng những phương thức hữu hiệu hơn, khả thi hơn vì hợp với thời đại hơn. Riêng với những người Việt ở hải ngoại, chúng ta đang có một số ưu thế mà đồng bào chúng ta ở trong nước không có. Chúng ta có hoàn cảnh thuận lợi hơn để nhìn những nỗ lực chống chuyên chính với một phối cảnh rộng hơn, cũng như, với những suy nghĩ nhạy cảm theo với những thay đổi nhanh chóng của thời đại. Sự đóng góp của chúng ta, nếu thẳng thắn và đúng mức, sẽ là một đóng góp không nhỏ. Dĩ nhiên, *chỉ nên đóng góp cho đồng bào ở trong nước những cái họ cần có mà không có và không nên dồn thêm cho họ những cái họ thừa thãi một cách ê chề.*

Mười đồng, hai chục đồng để giúp một em bé nghèo có thể đến trường học được. Một lời nói thẳng và có tính thuyết phục, để giúp cho đồng bào thấy được rõ hoàn cảnh của đất nước mình hơn, hay để hiểu người khác hơn nhất là những người có quá khứ khác mình. Đều là những điều mà đồng bào đang thiếu.

Trong số những cái mà đồng bào đang thừa thãi có những khẩu hiệu rỗng, những tuyên ngôn nặng phần trình diễn. Những cái này, người Cộng sản đã cho đồng bào mình nhiều lắm rồi.

Cái thừa thãi nguy hiểm nhất là những suy nghĩ hay hành động chính trị theo tinh thần bá đạo Machiavelli. Dưới ảnh hưởng của những tranh chấp chính trị theo tinh thần này, đất nước và sự tan tác của đất nước chỉ còn là những phương tiện để những phe phái tranh giành ảnh hưởng chính trị. Đến một lúc, người ta gần như cảm thấy rất đương nhiên nếu phải để cho đất nước hủy hoại để giữ quyền lực hay để có quyền lực, cũng gần giống như phải tàn phá cơ thể để làm yếu vi trùng. Nói thừa thãi là bởi vì đã có quá nhiều người làm chính trị theo tinh thần này ở Việt Nam rồi, đã đưa đất nước này xuống địa ngục rồi. Cũng như, bởi vì nó không phù hợp chút nào với xu thế nhân bản của thời đại. Nó không là sức mạnh ở thời đại này. Nhưng, quan trọng nhất, bởi vì tinh thần đó hủy hoại con người tôn giáo của Việt Nam. Mà hiện nay, niềm tin tôn giáo là sức mạnh lớn nhất và gần như duy nhất để khởi đi từ đó, những người Việt yêu nước cứu vãn đất nước mình. □

Chú thích:

(1) Phần lớn nội dung bài viết này đã được trình bày trong buổi hội thảo về cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam tại đại học George Mason, Virginia, ngày 23 tháng 8-1992.

(2) Trích thơ Tuệ Sỹ, đăng tải trên tạp chí Văn Học (California), số đặc biệt dành cho Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu.

(3) Phạm Xuân Đài, "*Chùa Là Cái Thiện Của Làng*", trong tuyển tập *Những Vấn Đề Việt Nam*, nhà xuất bản Trăm Hoa, California, 1991.

VÕ PHIẾN

vườn xưa

Cách đây chừng một kiếp người . . . Em có nhớ?
Một ngôi nhà.
Hôm bắt đầu cuộc sống chúng ta
Em nhớ chứ? cái đêm dài kỳ lạ.
Gió định đến, chợt ngập ngừng, nút lui êm ả
Suốt một đêm cây lá nén hơi
Tàu chuối toan trở mình, nghĩ lại, bèn thôi.
Trời gần sáng mới có mưa rón rén
Những sợi nhỏ li ti vừa rơi vừa thẹn
Thấm ướt mái nhà chẳng một ai hay.
Hôm ấy, trời chưa kịp chuyển sang ngày
Chúng ta đã nhẹ nhàng lách ra khỏi cửa.
Ta cẩn thận thế mà "chúng" đều biết cả
Sự ngạc nhiên đã đón dợi đầu hè
Với cặp gà đứng giương mắt tròn xoe.
Giọt nước đọng giữa mỗi lòng bụi cỏ
Cứ nhấp nháy tinh ranh, làm em mắc cỡ.
Chúng âm thầm, yên lặng, có ngờ đâu
Chúng đều biết rằng ta mới . . . biết nhau
Em kêu khẽ: "Ở đằng anh, quá xá!"

Quả có thế, cùng biết nhau, biết cả:
Tôi với em, với gà vịt, với ngôi nhà
Tưởng chừng như một thịt một da
Trong đêm tối người thiết tha rạo rực:
Ngọn rau vườn nao nức bắn chồi non.
Đêm người lo héo hon táo tác:
Sáng ngày ra, phờ phạc cả mây trời.
Cùng một mạch cảm xúc chạy tuột từ lòng đất tới tim người.
Nhà quạnh vắng, lũ ruồi buồn nắng xế
Trưa đều đều kể lể tiếng chim cu
Về một nỗi nhịp đời ngao ngán.
Trên mảnh vườn xưa thảy đều bầu bạn
Trên mảnh vườn xưa muôn vật một linh hồn.

Nơi vườn xưa những bồn chồn dữ dội,
Những mùa nam gió thổi suốt đêm ngày
Gió thổi ì ầm đất lở đá bay
Thổi rỗng luếch những đêm trăng lồng lộng.
Trời đất say sưa, điên cuồng sự sống.
Ôi bao nhiêu mùa nắng, mùa nam,
Bao nhiêu đêm chúng ta không ngủ không nằm
Đặt lưng xuống lại chờn vờn nhỏm dậy
Người thấp thỏm, gió ào ào vùng quẫy.
Nằm xuống ư? Lỡ lụt mất thì sao?
Ồ, không, không. Không ai muốn lụt một cơn gió nào.
Tôi muốn nghe từng trái dừa rơi rụng
Tôi muốn đếm mỗi tàn cây thét rống giữa canh khuya,
Chiếc chiếu to dãy dành dạch trước hè
Tôi muốn thấy giữa đồng không ánh trăng hoảng loạn,
Muốn tham dự vào mọi trò lưng hãn
Của đất trời.
Bao nhiêu lần gió dữ hút tôi
Trong buồng kín bỗng nghe cuồng nộ
Tôi vùng lên tung gió xông ra
Nháo nhác trông, tưởng nghiêng ngửa sơn hà.
May biết mấy, trăng vẫn còn nguyên đó.
Trăng vời vợi giữa càn khôn lộng gió
Trăng nhìn tôi: Trăng đó có tôi đây.

Trên mảnh vườn xưa, giờ tan tác mây bay.
Giờ nơi đó là gò hoang? là ruộng lúa?
Là hang cáo? ngách chồn? lơ thơ cỏ úa?
Giờ đêm đêm vò võ thâu canh
Trăng thẩn thơ giương con mắt lạnh tìm kiếm một mình,
Của chúng ta một thời đã mất.
Còn chúng ta. Em ơi, hãy quên tất, quên tất.
Thời Gian dắc thẳng đang cười khành khạch sau lưng
Thời Gian đuổi ta, mép nước đã gần.
Quên đi, quên đi, em. Nhớ làm chi nữa?
Trên mảnh vườn xưa đất lại nguyên chất đất, đá trở về phận đá . .
Em ơi, đất đá xưa đã trút cạn linh hồn.

nói chuyện với nhà văn thế uyên

về tình hình văn học việt nam hiện nay

Vào đầu mùa hè năm 1992, nhà văn Thế Uyên và giáo sư John C. Schafer được tổ chức Social Science Research Council (New York) bảo trợ một chuyến đi sưu khảo tại Việt Nam về văn học chữ quốc ngữ của Nam kỳ trong thời kỳ 1864-1929. Mang theo một chuyên viên kỹ thuật, phái đoàn sưu khảo này đã về làm việc tại Sàigòn, Vũng Tầu, Huế và Hà Nội trong hai tháng 7 và 8-1992. Đây là chuyến đi khá sóng gió, có lúc lên voi (phái đoàn được mời làm guest speaker *tại viện Văn học Hà Nội) và có lúc xuống chó (bị công an quận Bình Thạnh bao vây đòi bắt), bị hạn chế di chuyển và chỉ được đi Huế đúng 4 ngày với điều kiện phải có một* babysit *do nhà nước Cộng sản Việt Nam cử đi kèm.*

Do tính cách phức tạp và dài ngày của chuyến đi sưu khảo trên, tạp chí Văn Học *đã có buổi trao đổi thân hữu với nhà văn Thế Uyên. Và vì* Văn Học *là một tạp chí văn học nên nội dung trao đổi đầu tiên đã ưu tiên cho những vấn đề liên quan đến văn học.*

TÌNH HÌNH XUẤT BẢN VÀ SÁNG TÁC

VĂN HỌC: *Xin anh cho biết tình hình xuất bản và sáng tác hiện nay ở Việt Nam ra sao?*

THẾ UYÊN: Khi phi cơ bay vòng chót và đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, hầu hết bà con Việt Nam trên tầu (cả phi cơ chỉ có vài người ngoại

quốc thôi) đếu muốn thở dài: Chưa mấy khi thấy phi trường nào nghèo và thô sơ đến độ đó. Đã thế lại không phòng nào có máy lạnh. Làm xong thủ tục hải quan và nhập cảnh, độ hai tiếng thôi, mồ hôi đã toát ra nhớp nháp. Nhưng có một thứ Sàigòn không nghèo: đó là các tiệm sách báo.

Số lượng sách bày bán khá phong phú, đa số bìa in *offset* nhiều màu và không thiếu những hình bìa là các cô gái ăn mặc ít vải. Bìa các sách tuy thế còn nghiêm túc chán. Bìa các đặc san mới là nhiều màu sắc và các nàng uốn éo mỹ miều. Dĩ nhiên dù là sách hay tập san, chỉ có cái bìa là khá, còn mở ra đều là thứ giấy tái sinh vàng khè, mấy ngày đầu đọc chưa quen, thấy nhức mắt.

Các ki-ốt cũng như tiệm sách đều bày những cuốn bán chạy ra ngoài cùng và dĩ nhiên các tác giả đứng đắn ít khi được ở vị trí này. Chiếm thế thượng phong và ở mặt tiền là các sách loại *romance* nhẹ nhàng, tình tiết ly kỳ và có hậu, dành cho loại độc giả có trình độ thưởng ngoạn thấp. Loại này gồm cả dịch thuật lẫn sáng tác của nội địa (với những bút hiệu không mấy ai quen biết). Có người nói với tôi là đã có những nhà văn thành danh nội địa đã giấu bút hiệu cũ để viết những loại này kiếm tiền sống. Bây giờ ở Sàigòn cái gì cũng "kinh tế thị trường" hết, do đó tác quyền có thể trả tới 8% trên giá đề ngoài sách. Bởi thế viết sách, dịch sách loại dễ bán đã trở thành một nguồn lợi tức đáng kể, không còn cái thời Dương Thu Hương lãnh tác quyền sách về chỉ đủ bao bạn bè đúng một bữa bún chả. Chính vì thế đã có một vị thiếu lương tâm lấy cuốn *Về Miền Đất Hứa* tôi dịch từ *Exodus* của Leon Uris trước đây, sửa dăm ba chữ, nhích dăm ba câu, rồi in ra kiếm tiền. Bạn bè cũ Sàigòn bảo tôi đã về thì kiện đòi lại tác quyền. Dĩ nhiên tôi chỉ cười thôi.

VII: *Chúng tôi không ngạc nhiên về sự kiện ấy vì đã biết từ lâu là kể từ khi bỏ chính sách bao cấp, chuyển sang kinh tế thị trường, các nhà xuất bản phải tự túc, do đó phải thiên về sách có giá trị thương mại hơn xưa. Hoàn cảnh này thì những người cầm bút xuất phát từ miền Nam trước đây quá quen rồi. Nhưng đối với các nhà văn miền Bắc, những nhà văn của Đảng, thì tâm trạng họ ra sao và họ đối phó với tình trạng kinh tế thị trường trong sách báo như thế nào?*

TU: Tôi có mua và đọc những tạp chí văn học nghệ thuật phổ biến tại Sàigòn. Thấy ít nhất là vài ba bài bàn về vấn đề sáng tác và xuất bản trong hoàn cảnh kinh tế thị trường. Các tác giả này đa số than thở là sách "xấu" đã chèn ép sách "tốt" một cách quá đáng. Họ không tỏ vẻ luyến tiếc thời kỳ bao cấp đã qua, nhưng họ lo lắng rằng trong tương lai, những sách tốt, kể cả loại dành cho trẻ em, những sách biên khảo có giá trị sẽ khó xuất hiện.

VII: *Anh có thấy mối lo của họ là có lý không?*

TU: Không một chút nào. Chúng ta hãy nhìn quá khứ trước 1975 thì thấy. Ngành xuất bản Việt Nam Cộng Hòa nằm trong tay tư nhân là chủ yếu và dĩ nhiên là nằm trong kinh tế thị trường. Vậy mà những sách biên khảo có giá trị, những sáng tác loại khó đọc khó tiêu nhưng có giá trị nghệ thuật hoặc tư tưởng, vẫn cứ ra đời và vẫn cứ bán được. Nói cho cùng, chẳng cần nhìn quá

khứ quá xa, cứ nhìn ngành xuất bản ở hải ngoại hiện nay cũng thấy dễ dàng là kinh tế thị trường đâu có cản trở sự xuất hiện những biên khảo và những sáng tác khó đọc.

Nhưng phải công nhận là mối lo của các nhà văn nội địa có căn cứ. Một sáng tác, tập truyện hay truyện dài, trong hai năm gần đây có số in thật khiêm tốn. Khi tôi kể cuốn chót của tôi ở hải ngoại là *Nghĩ Trong Mùa Xuân* in có 1500 bản thôi thì các nhà văn nội địa cho biết số in của họ bây giờ chỉ còn khoảng 1000 bản. Một ngàn bản cho một dân tộc gần 70 triệu thì quả thực là khiêm tốn.

VH: *Các nhà văn ấy cắt nghĩa ra sao về số lượng in tụt xuống quá thấp như thế?*

TU: Dĩ nhiên đa số cho tại hiện tượng sách "xấu" chèn ép sách "tốt". Trên báo chí Sàigòn, luôn luôn xuất hiện những tranh và truyện châm biếm về hiện tượng các nhà xuất bản đòi hỏi các tác giả bây giờ viết văn phải có *sex*, càng nhiều *sex* càng dễ bán. Ngay trong địa hạt phim ảnh cũng vậy. Bây giờ mà làm phim với nhân vật chính là anh bộ đội trong sạch cầm tay cô xã đội, yêu nhau trong tâm hồn, trong lý tưởng là không ai buồn coi. Hãng phim hay công ty sản xuất có quyền vỡ nợ tại chỗ không ai thương. Báo *Tuổi Trẻ* có đăng một tranh hí họa vẽ cảnh bà con bu đông giành vé tại một rạp xi-nê có hàng chữ quảng cáo như sau: "*Nữ diễn viên chính thay quần áo 81 lần trong phim*" . . .

Trong địa hạt điện ảnh nội địa, các công ty và đạo diễn đều biết rằng làm phim lý tưởng kiểu cũ là không xong. Muốn có khán giả, phải làm phim xã hội với những màn phóng xe rượt xe như điên (Sàigòn bây giờ dư xe gắn máy và xe hơi), những màn đấm đá kiểu Lý Tiểu Long và những màn các nàng thay quần áo tắm táp. Dĩ nhiên những loại phim phản kháng kiểu *Chuyện Tử Tế* của Trần Văn Thủy vẫn được giới nhà văn và trí thức nội địa hoan nghênh — còn có thành công về tài chính không thì tôi không biết.

VH: *Anh nghĩ sao về sự kiện đó? Ở đây một nhà văn trẻ là Hoàng Mai Đạt mới viết một bài than thở rằng anh đã thật vất vả trong việc xuất bản tác phẩm đầu tay chỉ vì truyện anh không có hay ít có* sex?

TU: Tôi không thắc mắc gì về hiện tượng *sex* gia nhập văn học nghệ thuật. Trước hết, *sex* là nằm trong thân phận con người rồi, bỏ nó ra, không nói tới, không miêu tả, là thiếu sót dứt khoát. Nhưng tôi còn có một ý nghĩ khác, và chẳng ngần ngại gì không nói thẳng ra với các nhà văn nội địa. Tôi nói với họ rằng sách họ in ra bây giờ khó bán, còn bởi vì những điều nhà văn *thực sự muốn viết* và độc giả *thực sự muốn đọc* thì đảng Cộng sản, hay nói cho chính xác hơn, ngành Công an Văn hóa, lại cấm không cho xuất bản. Tôi quên không nói ngay là đảng đã tung dây thừng dây gai cột tư duy và sáng tác của các trí thức và nhà văn nội địa. Không quá chặt như bó giò kiểu thời trước 1986, nhưng vẫn là bị trói lại. Những bài văn chân thật lách khỏi hàng rào kiểm duyệt của đảng và công an, thí dụ như tập thơ *Chân Dung Nhà Văn* của

Xuân Sách (do nhà Văn Học in) và truyện ngắn *Linh Nghiệm* của nhà văn Trần Huy Quang (đăng trên tờ Văn Nghệ), đều đã được quần chúng đón đọc ồn ào. Việc Bộ Nội vụ tung ra quyết định tịch thu số báo và tập thơ ấy lại càng làm cho quần chúng tìm mua và đọc hăng hơn.

Tôi có lấy hai tác giả hải ngoại để minh chứng cho nhận định trên của tôi về chuyện *sex* hay *no sex*. Tôi nêu Nhật Tiến và Nguyễn Mộng Giác ra. Hai ông bạn này của tôi viết văn cả mấy chục năm nay đều ít đả động đến vấn đề *sex*, vậy mà cả hai vẫn nổi tiếng và sách vẫn có độc giả như thường. Tôi có nói thẳng với các nhà văn nội địa: Vấn đề là sự chân thật. Nhà văn phải chân thật với chính mình, với hoàn cảnh lịch sử mình đang sống bên trong, chân thật với độc giả . . . thì sẽ có độc giả. Mọi sự đóng kịch, lên gân, mọi thứ văn chương minh họa cho một đảng hay cho một chính sách ảo tưởng, đều không có độc giả bỏ tiền mua. Nói thật, phát không đi nữa những loại sách này, độc giả cũng còn chê không đọc nữa là. Dĩ nhiên, theo chủ quan của tôi, tôi cho rằng nhận định này đúng cho cả hải ngoại lẫn nội địa.

VĂN HỌC HẢI NGOẠI VÀ NỘI ĐỊA

VH: *Anh thấy đồng bào nội địa tiếp nhận văn học hải ngoại như thế nào?*

TU: Tôi đã đi từ Sàigòn ra Huế tới Hà Nội để thấy rằng nói chung bà con rất khao khát được biết và đọc văn học Việt Nam hải ngoại. Nhưng đáng tiếc là văn học hải ngoại nói chung lại không vượt nổi hàng rào phong tỏa của công an. Qua các buổi nói chuyện, tôi có cảm tưởng những chiến dịch "chuyển lửa" về nội địa của một số báo chí và hội đoàn hải ngoại đã không thành công cho lắm. Ngay những tạp chí tương đối được coi là dễ nhập nội Việt Nam như tờ *Diễn Đàn* ở Paris hay *Hợp Lưu* ở Cali thì cũng chỉ có một số ít người Việt Nam — tôi muốn nói những người trí thức, nhà văn, nhà văn hóa đang hoạt động — được đọc mà thôi. Và những người này thường cũng không dám truyền tay nhiều những số báo đó, sợ công an bắt giữ về tội phổ biến sách báo phản động hải ngoại. Bởi thế những người hải ngoại nên cố gắng hơn nữa, bằng những cách khác nhau, để chọc thủng hàng rào bế quan tỏa cảng văn hóa của đảng và công an Việt Nam. Bất cứ thay đổi nào, dù là cách mạng bạo động hay cách mạng nhung lụa, đều bắt đầu ở tư tưởng, ở sự thay đổi cách thế tư duy hết.

Chính lòng khao khát muốn đọc và tìm hiểu nền văn học hải ngoại ấy đã khiến Viện Văn học ở Hà Nội mời tôi làm một *seminar* về đề tài này.

VH: *Truyện ly kỳ đó, xin anh cho biết* seminar*đó diễn tiến ra sao và nội dung trao đổi.*

TU: Xin hẹn lần khác đi. Tạm thời thì có thể nói ngay rằng đó là một *seminar* hạn chế trong những người thuộc Viện Văn học, không có người ngoài và nhất là không có giới báo chí. Trưởng đoàn của tôi là giáo sư John Schafer thì nói về "Tại sao tôi lại quan tâm nghiên cứu văn học Việt Nam", còn tôi thì về đề tài văn học Việt Nam hải ngoại như đã nói trên.

VH: *Quên không hỏi anh là những trí thức và nhà văn nội địa phê bình sao về ba cuốn sách anh đã viết và xuất bản ở hải ngoại?*

TU: Tôi đâu có thấy ai bảo là họ đã được đọc một chữ đừng nói cả ba cuốn đó. Một bài văn ở chỗ này, một truyện ngắn ở chỗ kia thì có. Có thể nói giới trí thức biên khảo ở Hà Nội nói chung thường đọc những sách tôi viết trước tháng 7-75. Lắm khi theo những đường lối thật bất ngờ. Thí dụ, một người được đi Mỹ công tác, vào một tiệm sách Việt Nam có bày cuốn *Đoạn Đường Chiến Binh* của tôi. Mua xong lén lút đem về Hà Nội. Bởi thế trong tuần lễ đầu tôi về Sàigòn, bạn bè đến thăm đều hỏi "Sách mới của ông đâu, cho mượn đọc." Tôi giải thích tôi không hề mang về cuốn nào. Lý do tôi về Việt Nam như một thành viên của phái đoàn sưu khảo văn học Mỹ, tôi không thể vì mang mấy cuốn sách của mình, nhỡ công an khám phá ra, thì sẽ gây rắc rối cho cả phái đoàn luôn. Khi ra đi cũng vậy, tôi mang theo một thùng sách và báo, nhưng không hề mang theo một bản thảo nào của bất cứ ai. Phải rút kinh nghiệm từ vụ đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt giữ ba tháng bác sĩ Bùi Duy Tâm chứ. Ngay cả truyện *Linh Nghiệm* lẫn tập thơ Xuân Sách, tôi đều không mang theo. Và sự lo xa của tôi là đúng: bốn công an hải quan đã xúm lại lục từng tờ báo từng cuốn sách của tôi mang về Mỹ. Khám kỹ như khi tôi được tha khỏi trại cải tạo nhiều năm về trước.

VH: *Nếu mọi sự đúng như anh nói thì bà con nội địa không tiếp nhận được bao nhiêu văn học nghệ thuật hải ngoại hay sao?*

TU: Có chứ, nhưng thường qua hai phương tiện khác nữa. Thứ nhất là các đài phát thanh, đặc biệt là đài phát thanh RFI của Pháp. Chương trình Việt ngữ của đài này bây giờ được nghe nhiều nhất ở Việt Nam. Tôi đã kiểm qua bạn bè nội địa thì thấy đài RFI được nghe, có nơi còn mở lớn cho hàng xóm nghe ké nữa, tại miền Nam đã đành mà còn tại Phan Rang, Huế và Hà Nội. Qua sự kiện thành công của đài RFI này tôi thấy là muốn tác động vào tư tưởng của người nội địa, phải dùng ngôn ngữ khách quan và thân hữu.

Bây giờ tôi xin trở lại vấn đề *Văn Học* đang quan tâm là nội địa tiếp nhận văn học hải ngoại ra làm sao. Điều cần nói ngay là tất cả báo chí hải ngoại ồn ào như vậy mà chẳng tác động bao nhiêu vào nội địa, trong khi có những "sứ giả" khác khiêm tốn, lại thành công hơn nhiều. Đó là những tape nhạc, nhạc thuần túy hay nhạc đi cùng hoạt cảnh.

Từ Huế trở vào bây giờ xuất hiện một thứ quán cà phê rất độc đáo mà bà con đi trước không ngờ là có. Đó là cà phê *video* và *karaoke*. Tôi xin nói về cà phê *video* trước. Đó là những quán tất cả bàn ghế đều bày xoay về một hướng, nơi có để hệ thống TV/VCR. Khách hàng gọi một ly cà phê hay nước ngọt, có quyền ngồi coi miễn phí một số tape hải ngoại cũng như nội địa. Một buổi tối ở Huế, phái đoàn có vào một quán cà phê *video* ngay ven sông Hương. Quán do một cơ quan công quyền mở — hầu như cơ quan nhà nước nào, kể cả công an nữa, đều được kinh doanh một thứ gì đó để kiếm sống. Tất cả khách trong quán lúc đó, đa số thuộc giới trẻ, đang say sưa nghe và nhìn

cô Linda Trang Đài của xứ Cali Hạ bên Mỹ vừa hát vừa dạng đùi, đưa mông, hất lạch đạch nguyên vào khán giả năm châu bốn biển. Khỏi nói chúng ta cũng có thể thấy một khi lớp trẻ Việt Nam, kể cả cán bộ lẫn đảng viên, say sưa thưởng thức những màn trình diễn như thế, thì tâm hồn họ còn lâu mới có chỗ tốt cho chủ nghĩa Mác-Lê và vân vân.

Nói như chuyện khôi hài nhưng thực sự là như thế: chính những ca sĩ và vũ công Việt Nam hải ngoại cũng đã và còn là những nhân tố tác động vào tâm hồn người Việt nội địa, làm họ thay đổi não trạng dần dần.

VH: *Như anh kể thì có nghĩa là nội địa muốn nghe nhạc gì thì nghe sao?*

TU: Đúng vậy. Một buổi sáng u ám tôi ra bãi sau của Vũng Tàu, vừa ngồi xuống ghế thuê trên cát thì thấy một quán lớn do Hải quân miền Bắc đứng ra kinh doanh phát qua loa phóng thanh ồn ào bãi biển lên những bài nhạc vàng cũ. Cứ tà tà hết bản "Không! Tôi không còn yêu em nữa . . ." đến "Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi." Ngay tại Huế, một buổi sáng giáo sư Schafer và tôi khát nước, ghé vào một quán mở trong sân một cơ quan, thì ông bạn Mỹ này bỗng mỉm cười bảo tôi lắng nghe. Hóa ra đó là một bản do Madonna hát với lời tục khỏi chê. Dĩ nhiên là cả vùng đó, trừ hai đứa chúng tôi ra, đâu mấy ai biết cái cô ca sĩ "*too hot to handle*" này đang rên rỉ gào lên những lời lẽ gì. Dân Việt chỉ cần nghe nhạc Mỹ, vậy thôi.

VH: *Anh vừa nói tới karaoke*, ảnh hưởng nó ra sao ở Việt Nam?

TU: Đó là một thứ nghệ thuật hát theo khá vui. Ở Việt Nam bây giờ, không những lớp trẻ thích mà lớp trung niên cũng khoái. Dĩ nhiên giới đảng viên bảo thủ đang ồn ào đòi cấm *karaoke*. Lý do công khai đưa ra là "ồn quá". Nhưng lý do thật là trong những bản nhạc của *karaoke* không hề có những tiết mục "Như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng" hay "Bác cùng chúng cháu hành quân" . . .

GIỚI TRẺ VÀ VĂN HỌC

VH: *Anh thấy giới trẻ viết văn ra sao? Chúng tôi muốn nói về tâm tình cũng như lối viết.*

TU: Một lớp trẻ đang lớn lên với *café video*, với phim chưởng Hồng Kông, Đài Loan, phim Mỹ đủ mặt Chuck Norris, Clint Eastwood, Demi Moore, Julia Roberts . . . dương nhiên tâm tình của họ khác hẳn các thế hệ đàn anh. Họ không còn tin tưởng ở chủ nghĩa Mác-Lê, cũng như không tin ở bất cứ điều gì. Họ nghi ngờ những huyền thoại của quá khứ — không phải bỗng dưng có một Dương Thu Hương viết *Tiểu Thuyết Vô Đề* phủ nhận cuộc chiến tranh "chống Mỹ cứu nước" trước đây. Qua những truyện ngắn, đoản văn đăng rải rác, họ bộc lộ khá rõ tâm tình nghi ngờ quá khứ mà các đàn anh bảo là thần thánh ấy.

Do hiện tượng siết lại xảy ra gần đây, giới cầm viết trẻ không diễn tả trực tiếp mọi tâm trạng của họ như những Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy thiệp đã làm. Nhưng trong thơ văn của họ bàng bạc những nghi

ngờ quá khứ, bất mãn với hiện tại, và ao ước những thay đổi cho tương lai. Tôi có thể lấy thí dụ trong giới nhạc trẻ cho dễ diễn tả. Ở Sàigòn hiện nay có hai ban nhạc *rock* mềm (không phải thứ "cứng", "kim khí" như ở Mỹ) khá nổi tiếng. Một ban toàn thanh niên lấy tên là *Đen Trắng*, một ban gồm ba chị em lấy tên là *Ba Con Mèo*. Lối trình diễn của họ hoàn toàn theo Tây phương (nghĩa là ngoài bắt chước Mỹ còn chịu ảnh hưởng của Pháp nữa). Bài đang nổi tiếng của ban *Đen Trắng* có lời rất giản dị. Nhắc đi nhắc lại một vài ý là *ánh sáng mặt trời* và *cuộc sống bình thường*. Họ cầu xin tất cả hãy để họ sống như những người bình thường dưới ánh sáng mặt trời mà thôi.

Đây là một thái độ dứt khoát chống lại quan niệm cũ "bước chân ra ngõ là gặp anh hùng" của Đảng Cộng sản Việt Nam mấy chục năm nay. Nói chung, đó là thái độ chung của giới trẻ Việt Nam hiện nay. Họ cầu mong cho họ sống yên lành, hưởng những hạnh phúc nhỏ bé của một người bình thường thôi. Thái độ này làm cho những người Cộng sản giáo điều rất bực mình (và làm cho những người chống Cộng ở hải ngoại không vui gì). Giới trẻ không muốn làm anh hùng nữa, thì lấy ai "tiến mau tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội"?

Bởi thế Trịnh Công Sơn sau khi từ Montréal trở về đã làm các đảng viên già thủ cựu bực bội khi anh viết như sau trên tờ *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*:

"Nhìn ngắm dân Québecois đi lại trên phố mặt mày ai cũng hồn nhiên như trẻ thơ. Mình hỏi người bạn: Ông ở đây cả mấy chục năm, ông có thấy dân ở đây hồn nhiên vô tư lự và dễ thương không? Anh bạn dạy học, đồng thời cũng là người làm thơ, cười cười: Cái thành phố không có anh hùng nó sản sinh ra loại người như vậy đó toa ạ!"

Có thể nói chỉ lớp già và lớp trung niên, có tham dự dưới hình thức này hay kia cuộc nội chiến Quốc-Cộng mấy chục năm vừa qua, là còn quan tâm đến những vấn đề lớn của dân tộc và ham làm anh hùng thôi. Và nhận xét này hình như cũng đúng cho cả cộng đồng Việt ở hải ngoại.

VH: *Như vậy thì văn học phản kháng hiện nay ra sao?*

TU: Các anh hiểu thế nào là văn học phản kháng đây? Nếu như những Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo . . . trực diện đấu tranh thì tôi không còn thấy. Tiện đây tôi cũng nói luôn: Đúng là Nguyễn Huy Thiệp đã rút về làng cũ và làm một bức tượng Phật vĩ đại trong vườn. Lối tạc tượng thanh thoát chứ không nặng nề mập mạp như lối tạc tượng Phật truyền thống của Ấn Độ. Còn lớp trẻ, thì tôi đã trình bày rồi.

VH: *Anh chưa nói gì về bút pháp của họ.*

TU: Về bút pháp thì chẳng có gì đáng nói đâu. Rất là cổ điển, rất là tiền chiến. Do hiện tượng bế quan tỏa cảng kéo dài quá lâu, họ không có nhiều cơ hội đọc văn học thế giới ngoài khối Cộng sản để cải tiến kỹ thuật viết, xét chung về cả thơ lẫn văn về phương diện bút pháp, họ vẫn "tiền chiến" lắm. Nhưng điều đó không quan trọng cho lắm vì ngay những người như Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến . . . cũng đâu đưa ra bút pháp nào mới đâu.

VH: *Anh đang có vẻ ngập ngừng muốn nói một điều gì thêm về vấn đề này phải không?*

TU: Quả có thế. Tôi đang định nói điều sau: Nếu từ chỗ mất hoàn toàn tự do trong tư duy và sáng tác đến chỗ được tự do là mười hai bậc thang, thì văn học và tư duy Việt Nam đã leo lên được bậc thứ năm. Thiên la địa võng do Đảng và công an mới tung ra quả có trói được nhà văn và trí thức, nhưng trói họ đứng yên ở bậc thứ năm thôi. Không lôi họ trở về bậc thứ nhất được nữa.

VẤN ĐỀ PHỤC HỒI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

VH: *Qua những sách báo đã được đọc, chúng tôi nhận thấy ở nội địa có nhiều nỗ lực phục hồi Tự Lực Văn Đoàn. Công trình này hiện tới đâu rồi?*

TU: Gần như đã hoàn tất. Nghĩa là Tự Lực Văn Đoàn đã được trả lại vị trí gần như vị trí tương tự trong văn học sử cũng như học đường Việt Nam Cộng Hòa trước đây. Hầu hết sách của họ đã được tái bản, nhiều lần và bán chạy. Những sách biên khảo văn học đa số đều được viết lại, kể cả sách giáo khoa Việt văn Trung học. Theo tôi biết, văn Thạch Lam đã được trích giảng trong bộ giáo khoa mới xuất bản.

Tôi vừa sử dụng chữ "gần như" vì vẫn còn vài hạn chế, thí dụ như truyện dài *Giòng Sông Thanh Thủy* của Nhất Linh vẫn chưa được phép tái bản.

VH: *Chỉ phục hồi giá trị chứ không đưa ra công trình nghiên cứu nào mới sao?*

TU: Có chứ. Anh biết đó, miền Bắc và Việt Nam nội địa nói chung vẫn khá trong địa hạt biên khảo văn học cũng như sử học. Họ làm việc qui mô và nghiêm túc, nhất là kể từ khi họ thôi không phải vận dụng chủ nghĩa Mác-Lê và thẩm mỹ học Mác-xít khi viết nữa.

Tôi xin kể một thí dụ: Ngày 4-7-1992, Viện Văn học Hà Nội đã phối hợp với Hội Văn học Nghệ thuật Hải Hưng (nơi có phố huyện Cẩm Giàng, nơi sinh trưởng của Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam), Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Nam-Đà Nẵng (nguyên quán của các nhà văn trên), Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội . . . để tổ chức một hội thảo khoa học nhân "50 năm mất nhà văn Thạch Lam 1942-1992".

Phần tham luận gồm tới 33 đề tài, tôi xin liệt kê làm tài liệu tham khảo văn học chung sau này:

1. *Thạch Lam trong Tự Lực Văn Đoàn* (Giáo sư Phong Lê, Viện Văn học).
2. *Một số thông tin về dòng họ Nguyễn Tường ở Hội An* (Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Nam-Đà Nẵng).
3. *Thạch Lam với quê ngoại Hải Hưng* (Đinh Quang Tốn, Hội Văn học Nghệ thuật Hải Hưng).
4. *Nhìn lại một số phương diện trong quan điểm nghệ thuật của Thạch Lam* (Hồ Hồng Quang & Đinh Trí Dũng, Đại học Sư phạm Vinh).

5. *Thạch Lam: Nghĩ và viết tiểu thuyết* (Pts Nguyễn Ngọc Thiện, Viện Văn học).

6. *Về một số quan điểm văn học của Thạch Lam* (Pts Nguyễn Phúc, Viện Văn học).

7. *Theo dòng — một ghi chú nghệ thuật tự bảo hiểm* (Văn Giá, Đại học Tuyên Giáo).

8. *Tiểu luận của Thạch Lam trong đời sống văn học hôm nay* (Pts Mai Hương, Viện Văn học).

9. *Mấy nét về màu sắc dân tộc trong sáng tác Thạch Lam* (Pts Lê Thị Đức Hạnh, Viện Văn học).

10. *Tìm vào nội tâm, tìm vào cảm giác* (Nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn, Nxb Hội Nhà Văn).

11. *Về một cách tiếp cận con người trong sáng tác Thạch Lam* (Lê Dục Tú, Viện Văn học).

12. *Khả năng điều hòa xã hội* (Nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân, Nxb Hội Nhà Văn).

13. *Truyện ngắn Thạch Lam và sự tìm kiếm cái đẹp bị đánh mất* (Phạm Thị Thu Hương, Đại học Sư phạm Hà Nội I).

14. *Người chắt chiu cái đẹp* (Bùi Việt Thắng, Đại học Tổng hợp Hà Nội).

15. *Sự "thức tỉnh" của con người trong sáng tác Thạch Lam* (Pts Bích Thu, Viện Văn học).

16. *Chất thơ trong truyện ngắn Thạch Lam* (Ngô Ân, Đà Nẵng).

17. *Nỗi buồn Thạch Lam* (Nhà nghiên cứu văn học Vũ Tuấn Anh, Viện Văn học).

18. *Sức cảm thụ trong tâm hồn Thạch Lam* (nhà thơ Vũ Quần Phương, Hội VHNT Hà Nội).

19. *Cảm giác Thạch Lam* (Phạm Xuân Nguyên, Viện Văn học).

20. *Không gian trong truyện ngắn Thạch Lam* (Pts Vân Thanh, Viện Văn học).

21. *Phố huyện của Thạch Lam* (Giáo sư Đỗ Đức Hiểu, ĐHTH Hà Nội).

22. *Biểu hiện tâm lý: Quan điểm và cách thức* (Phan Diễm Phương, Viện Văn học).

23. *Mấy nhận xét về phong cách truyện ngắn Thạch Lam* (Trần Ngọc Dung, ĐH Tuyên Giáo).

24. *Phong cách truyện ngắn Thạch Lam và vị trí Thạch Lam trong Tự Lực Văn Đoàn* (Phùng Tấn Đông, Nhà Văn hóa Hội An).

25. *Thạch Lam và quá trình giao tiếp văn học* (Pts Lộc Phương Thủy, Viện Văn học).

26. *Văn học Nga và Thạch Lam* (Pts Đào Tuấn Ảnh, Viện Văn học).

27. *Đôi điều về Thạch Lam* (nhà văn Bùi Hiển, Hội Nhà văn).

28. *Thạch Lam, những đức tính sáng tạo* (Nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, Hội Nhà văn).

29. *Thạch Lam, những điều còn nhớ* (Nghệ sĩ Nhân dân Song Kim).

30. *Tản mạn Thạch Lam* (nhà văn Hoàng Quốc Hải, hội VHNT Hà Nội).

31. *Thạch Lam và Hà Nội* (Nhà nghiên cứu Nguyễn Vĩnh Phúc, Hội VHNT Hà Nội.

32. *Tôi học được ở Thạch Lam* (Nhà văn Hoàng Tiến, Hội VHNT Hà Nội).

33. *Đi tìm chân dung Thạch Lam trong nhà trường phổ thông* (Nguyễn An, Nxb Giáo Dục).

VH: *Họ nghiên cứu văn nghiệp Thạch Lam có phải vì đây là một chủ đề ít nguy hiểm, nặng về mặt duy mỹ? Với Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng thì sao?*

TU: Trong bộ Văn học Lãng Mạn 6 cuốn in lại, vì chưa có dịp đọc nên tôi không rõ họ nhắc đến những nhà văn này nhiều hay ít và có nhắc đến thì nhắc như thế nào.

VH: *Hình như nội địa có vẻ hăng hái quá trong việc phục hồi Tự Lực Văn Đoàn, theo anh thì sao vậy?*

TU: Người trí thức nước nào thì cũng có nhu cầu giống nhau về sự thực của lịch sử, cũng như văn học sử. Đời trước bất công thì đời sau phục hồi, đời trước phán đoán sai thì đời sau đính chính lại. Đó là hiện tượng bình thường trong sinh hoạt trí thức của một nước.

Riêng Việt nam hiện nay thì cũng như các nước Đông Âu và các nước Cộng hoà của Liên bang Sô Viết trước kia, một khi không phải vận dụng chủ nghĩa Mác-Lê để làm sườn cột cho tư duy và phê phán nữa, thì cái gì chẳng phải đánh giá lại. Hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam và công an chia nhau quyền cai trị và tư hữu đất nước, thì đó là việc của Đảng và công an, còn giới trí thức và nhà văn Việt Nam nội địa đang rán lờ tịt chủ nghĩa Mác-Lê đi trong khi viết lách. Nhất là rán mà LÁCH.

Bởi thế sự kiện trí thức nội địa, đặc biệt là thành phần "sĩ phu Bắc Hà" phục hồi Tự Lực Văn Đoàn có tiềm ẩn một thứ phản kháng độc đáo. Xưa kia mấy chục năm ai dìm Tự Lực Văn Đoàn đến đất đen không cần biết, nhưng bây giờ chúng tôi đã chứng tỏ được rằng quí vị đi trước ấy đã sai rồi. Nói một cách khác, giới sĩ phu Bắc Hà muốn nói ngầm rằng Đảng đã sai lầm khỏi chê trong quá khứ.

Chính bởi vì thế trong tòa nhà cổ kính cũ nát rêu xanh ẩm mốc của Viện Văn học Hà Nội, tôi đã chỉ cảm động chứ không ngạc nhiên khi có người đã nói với tôi: "Anh đã thấy chúng tôi trả lại giá trị đúng cho Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi đã chuộc lại được lỗi lầm của lịch sử . . ." □

KHẾ IÊM

phiêu khúc

Con chim biến hình . . .
Ngoài gianh mưa
Tiếng hót
Xẩm đêm
Bẫy u mặc
Mở ra đò xuôi mênh mang trôi

Ngủ
Khúc khích thở
Huyễn hoặc
Tha hương
Bão thân thế
Ngực biếc bát ngát lửa phiêu dạt
Tắt đi. Hoàng hôn trăng phế hưng

Thảng thốt
Cội rễ lời

Ta nghe dâu ngàn hóa bụi
Vô ngôn từ thuở nằm nôi
Có không chăng đời quỉ mị
Sao khuê vụt khuất đồi non

Trở dậy
Thấy lòng mình là đá
Thấy hồn mình là chỗ không may
Chân sa hố sinh biệt

Ngày nổi chìm
Trong
Đáy nắng xôn xao.

NGÔ NGUYÊN DŨNG

ở một thời gian và không gian khác

truyện ngắn

(tặng Cao Xuân Tử)

Anh mở cửa mời tôi vào. Chiều Amsterdam tàn tạ trên những bậc thềm mòn lở. Anh khép cửa. Hành lang im vắng. Màu đèn vàng lờ ẩn sau nửa vành huệ đắp xi-măng trên tường trắng. Tôi kêu lên:

– Ô, hành lang xinh xắn quá.

Anh không nói, dẫn tôi lên vài bậc thang, lách cách mở khóa phòng. Một lần nữa, anh cất tiếng mời tôi vào. Rồi nói thêm:

– Anh xem cái trần nhà.

Anh bật đèn. Tôi ngẩng nhìn. Trần cao non bốn thước, đắp bục sơn xanh lục, những viền xanh lấn kim nhũ đóng khung một bức tranh hiện thực cổ Tây phương. Người đàn bà mặc áo màu lam, kiểu xưa, tay vươn lên mái trời mở mây trắng. Nét mặt bình thản, an lành. Anh trỏ ghế bảo tôi ngồi. Tự dưng tôi cảm thấy thật gần với căn phòng này. Tâm hồn tôi rực lên xôn xao khó tả. Dường như đấy là chỗ trọ của Gauguin sau khi lìa gia đình, tìm về Đông phương. Cũng có thể đấy là một nơi tại Hòa Lan vào đầu thế kỷ, lúc Gauguin từ Pháp qua thăm Van Gogh. Chúng tôi không phải là họa sĩ. Chúng tôi chỉ là hai người đồng hương tình cờ hội ngộ nhau nơi đất khách.

Anh rót bia ra ly. Cử chỉ chừng mực, như thể anh sợ vấy bẩn màu tưởng tượng trắng muốt trong tôi. Tôi đưa mắt ngắm căn phòng. Nơi quầy rượu chật treo vài họa bản đàn bà khỏa thân và một bức chân dung anh lúc còn để râu. "Của một cô bạn vẽ cho", anh nói, ngưng một đối rồi tiếp:

– Tôi thích ánh mắt, lạc đi vì rượu. Còn chiếc miệng, không giống lắm, hơi đầy. Có lẽ cô ta nhớ cặp môi tôi!

Tôi cười, lửng lơ nhớ tới vài câu thơ rời của anh. "... Hà hơi nhớ vào khăn. Choàng thay người xa vắng." Không hiểu vì sao tôi cứ thuộc mãi câu thứ nhì. Điều gì đã khiến tôi mải miết nhớ như thế? Câu thơ đâu có gì lạ. Chẳng một ngữ vựng đẹp. Nhưng cái ý đã bắt tôi ray rứt. Choàng đi! Khoác vai đi! Thay người đã xa trong giây phút rỗng không. Cảm xúc ấy sao đáng thương quá. Tôi bùi ngùi nhận thấy mọi nơi trong căn phòng độc thân cái thiếu vắng của bàn tay đàn bà. Không có người dẹp dọn. Lại càng không có cánh tay choàng khi rét mướt. Khung cửa sổ có một ô kính vỡ đắp đùm đụp vài tấm nhựa trắng. Dăm chai bia trống vất dưới chân tường. Đôi dép nằm ngược xuôi bên lò sưởi. "Nơi đây, bên lò sưởi ...", anh kể:

– . . . đã có lần tôi và cô bạn tình tự với nhau. Thật lạ, lúc ấy tôi sực nhớ tới cảnh Trung, Nhuận và Marie yêu nhau trong một truyện ngắn của anh. Chuyện tình ông bà Táo đó lãng mạn ngộ nghĩnh quá. Marie có thật không anh?

Tôi lặng lẽ lắc đầu. Anh tiếp:

– Tôi có quen một cô giống như nhân vật Barbara trong truyện ấy, nhưng chẳng biết cô ta có bị bệnh liệt kháng không nữa.

Tôi nghĩ tới người thiếu phụ gục đầu mệt lả trên phím dương cầm. Những nốt nhạc rung lên như tiếng nấc. Tôi cất tiếng:

– Hầu hết các nhân vật trong văn chương tôi đều là các sản phẩm tưởng tượng. Không có Trung, không có Nhuận, cũng không có Marie. Còn Long và Khải ấy à? Anh đã quen ai có một tâm hồn đẹp như tâm hồn Long chưa?

Anh nhìn tôi, chau mày, không đáp. Lần đầu gặp anh, tôi cảm thấy thân thiện ngay vì dáng dấp đầy nghệ sĩ tính ấy. Mái tóc dài vừa, chải ngược ra sau. Nét mặt dửng dưng, niềm nở chừng mực, đôi khi rợn lên nét khinh bạc. Người ốm khảnh. Tia mắt đục lờ mệt mỏi, không thiết tìm lại những gì đã mất. Những mất mát, bây giờ còn lại bấy nhiêu đây. Là bầu không khí ẩm một tối hè. Là vị bia đắng trơ trọi những chai không. Là tiếng vĩ cầm lê thê khúc giao hưởng từ máy thu thanh đặt trong góc khuất. Là hai kệ gỗ đầy ứ sách. Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hoà Lan, tiếng Việt. Và đậm nét hơn cả, là thần sắc từ anh toát ra. Nó bắt tôi liên tưởng tới những nghệ sĩ sống trong gác trọ khu La tinh đầu thế kỷ. Ngày xa xôi trước, khung cảnh và âm thanh lẫn giữa những trang tiểu thuyết và phim ảnh Tây phương ấy đã ám ảnh tôi cùng cực. Tâm hồn tôi lao chao, chệch choạng đi giữa nhiều chặng thời gian và không gian không rõ nét, khi nghe tiếng phong cầm thổn thức trong quán rượu đêm tưởng tượng.

Anh kể cho tôi nghe về những mảnh quá khứ đã bắt đầu lạnh. Những mùa đông khủng hoảng đã qua. Tôi phác họa dăm ba dự định văn chương cho anh nghe. Viết về chuyến đi ra mắt sách của một văn sĩ và mối tình đầy thăng trầm với một nữ độc giả ái mộ trên đoạn đường thiên lý. Viết về mối xung đột nội tâm của hai anh em sinh đôi với một người đàn bà, cuối cùng dẫn đến một chung cuộc bi thảm. Anh nhắc lại một vài kinh nghiệm tình dục lúc còn trẻ:

– Năm ấy tôi sang Bangkok làm nghề ngoại giao. Còn độc thân, những lúc rỗi bọn đồng nghiệp trẻ chúng tôi tổ chức dạ tiệc, uống rượu thả dàn. Sáng thức dậy, không nhớ đêm qua đã làm gì với những ai. Đó là chuyện ngày xưa. Bây giờ có khi vài tháng, tôi không cần tới đàn bà. Nếu có, chỉ để vui chơi, nhất định không lập gia đình lần nữa. Anh xem, tôi đã gần năm mươi. Cuộc đời tôi còn chừng hai mươi năm chứ mấy. Tại sao tôi không sống cho riêng tôi, vì mỗi người chỉ sống có một lần? Và cũng cần thì giờ viết lách lăng nhăng. Tôi chán ngấy cuộc sống *bourgeois*.

Tôi gật gù. Cái ý này đã được tôi sử dụng nhiều lần để biện minh cho cách sống của mình. Nhưng so với đời sống anh, thường nhật của tôi chỉ là những vòng thời gian câm nín, chỉ là những vùng không gian lặp lại. Tôi chỉ phụt lên, bén lửa sôi nổi khi trải trước mặt trang giấy trắng. Tôi cất giọng chậm rãi:

– Thật ra tôi không phải là người của đám đông. Điều làm tôi ghê sợ nhất, là nhiều khi giữa đám đông náo nhiệt, tôi lại cảm thấy cô đơn hơn bao giờ. Chỗ của tôi không phải trên bục gỗ, trước máy vi âm, phát biểu cảm tưởng này nọ. Chỗ của tôi là góc phòng thân thuộc cạnh khung cửa rộng, tập bản thảo quen mở rộng dưới trũng đèn ấm. Chỉ mình tôi với những dòng chữ nổi loạn. Chính khi ấy, trong cái im lặng đặc quánh của tư tưởng, tôi mới thật sự an tâm.

– Trong đám đông, tôi thấy anh có vẻ cô độc, một vẻ cô độc đầy kiêu hãnh. Một người Việt rất ư . . . cô đơn!

Tôi kêu lên:

– Vậy à?

Và trong tâm trí tôi vọng lại giọng nói mình lạ lùng truyền qua mấy khuếch âm: ". . . *Những nhận xét tâu ái trên khiến nhiều khi tôi phải suy nghĩ lại, vì tôi cho rằng văn chương không phải là cái tôi và cái tôi trong lúc sáng tác càng không phải cái tôi lúc bình thường. Gom góp lại các cá tính của những đứa con tinh thần ấy, tôi nhận ra một điều, chúng chỉ là kết quả sau những lần tôi vì đam mê mà dan díu với văn chương. Chúng là những đứa con Đông phương được sinh ra nơi đất khách, là những đám cháy rạo rực không màu, là cái đơn chiếc chỉ còn sống nửa người. Và tôi vui vì chúng không mang một trách nhiệm nào quá nặng nề cả.*"

Anh rót thêm bia vào ly cho tôi, đề nghị:

– Tôi gọi điện thoại rủ hai cô bạn văn nghệ lại đây chơi nhé!

Tôi cười:

– Tôi tới đây để thăm anh và trò chuyện đôi ba điều mưa nắng chứ đâu phải vì mấy cô gái!

Anh lặng lẽ đứng lên. Dáng anh xê dịch tới lui lê thê như chiếc bóng. Anh lấy thuốc nhồi vào ống píp. Cử động từ tốn, như sợ làm đau màu bóng tối chợn vợn bủa kín phòng. Trên bàn viết, một chụp đèn tỏa vàng. Từ góc bếp hắt ra một luồng sáng bị nghẽn lối bởi những ghế bàn kê lệch.

Anh bước lại kệ sách, phân vân, tìm tòi, rồi rút ra một quyển thơ của Auden. Trở lại ghế, ngồi xuống, anh lục lạo giữa những trang sách, sau rốt mở ra chỉ tôi:

– Anh đọc thử bài thơ này. Đã mấy ai biết rằng, đối tượng khiến ông cảm tác bài *lullaby* ấy là một người đàn ông!

Tôi cúi đầu, nhẩm đọc. Không hiểu trọn. Cũng không cảm nhận hoàn toàn. Anh thủ thỉ:

– Tôi cũng có vài bài thơ con cóc được đăng trong mấy tờ báo tiếng Anh và một truyện ngắn vừa được chọn đọc trên đài BBC. Tôi lấy cho anh xem nhé!

Khi tôi đưa mắt đọc hàng chữ "Autumn, 1979", anh ghi trên góc báo, cả người tôi chợt xốn xang. Đã mười bốn năm qua mà anh vẫn ghi khắc đậm đà những chặng đường văn chương ấy. Trong anh, thời gian chừng như vẫn còn tươi màu, như mới sáng qua, mở hộp thư, nhận được tạp chí có đăng bài mình. Với tôi bây giờ, tôi không còn nhớ đã có bài nào của tôi đăng nơi đâu vài năm về trước. Thời gian trong tôi đã mất dấu. Lòng tôi dấy lên mối ngờ vực, rằng bấy lâu nay tôi đã đánh mất quá khứ mình mà không biết.

Anh lại thủ thỉ:

– Lũ bạn bản xứ của tôi lạ lắm anh ạ! Dám chừng tới 40 hay 50 phần trăm thích người cùng phái. Nhiều lúc tôi cười cợt hỏi đùa, không biết mình bất thường hay chúng nó? Cũng vì vậy mà tôi yêu thành phố này. Cung điện hoàng gia, trung tâm chứng khoán, trường đại học, và . . . chỗ tôi ở chỉ cách nhau mấy trăm thước. Phóng khoáng tuyệt đối. Anh thấy đó, cách nơi tôi ở một hai con đường là ổ điếm. Nơi đấy vào những tối cuối tuần, vui nhộn như ngày hội. Đàn bà đứng ngồi mời mọc trong phòng kính. Thanh niên nam nữ tụ tập hút xách, mua bán á phiện trong những ngõ ngách lót đá xanh. Phố phường giăng đèn sáng rực. Lòng kinh đào lóe lên những chòm pháo bông mừng ngày hội lớn hằng năm.

Tai tôi lắng nghe anh nói, mắt tôi ngước nhìn tấm ảnh chụp hai vị quan thời xưa trong áo thụng thêu rồng, thắt cân đai, đầu đội mão cánh chuồn. Bức ảnh như lằn rạch mỏng manh nối hai cõi không gian, đông và tây; hai quãng thời gian, dĩ vãng và thực tại. Tôi tò mò hỏi, ai vậy? Anh đáp, hai ông cố nội ngoại. Tôi ví von:

– Tự nhiên tôi thấy anh giống ông vua Phổ Nghi sau ngày mất ngôi, bị hồng quân bắt đi học tập tẩy não, sau trở về sống khiêm tốn trong một phòng trọ nhỏ.

Anh nhìn tôi, mắt nhíp lại, không nói.

*

Chỗ trọ của anh, tầng trên là nơi ăn chốn ngủ, tầng dưới là văn phòng. Việc mưu sinh, chuyện gia đình anh, anh kể lai rai. Ngược lại, tôi cũng tâm sự cùng anh dăm ba điều riêng tư. Quá đêm, vào giường ngủ, nghĩ lại, tôi thấy hơi là lạ. Đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Thành phố này tôi đã tới lui đôi lần, đã yêu ngay nét mặt tạp chủng ấy. Nhưng tôi chưa hề nghĩ rằng, sẽ có một ngày tôi gặp người đồng hương tại đây. Lại là một người nhiều hấp lực như một pho sách cấm. Tôi có tật khó ngủ nơi nhà lạ. Trong bóng tối đặc sệt, tôi nằm nhắm mắt chơi vơi. Thể xác tôi mệt dừ mà ý thức vẫn trơ mắt sống sượng. Một lát, tôi nghe tiếng anh thở đều trên chiếc giường xây cao như căn gác lửng. Tôi lan man nhớ tới tấm gương gắn giữa hai khung kính rộng. Khi mê chuyện, tôi quên đi. Lúc chuyện lắng, quay mặt xem xét

căn phòng bày bừa như một hiệu bán đồ cổ, tôi lại thấy gương mặt mình ẩn trong gương. Vô cùng lạ lùng. Như hai người không quen. Tôi chợt ái ngại vu vơ. Tôi sợ tâm hồn mình không chứa đựng nổi những biến động của thời gian và không gian. Trưa chủ nhật tuần rồi, tôi ở Paris. Tối thứ hai đã có mặt tại nhà. Chiều thứ bảy tới Frankfurt. Sáng chủ nhật sau đã lên đường sang đây. Và chốc nữa, khi trời đổi màu, tôi sẽ ra ga về lại Đức. Thời gian của cuộc sống văn minh trôi đi quá nhanh. Những mất mát cứ như cát bể vuột qua kẽ tay, lẫn vào những hạt cát khác. Cái mất này nhập cùng cái mất kia, nối tiếp nhau đồng dạng qua đi. Tôi thường cất lời bâng quơ: "Mới hôm qua còn ở Paris, mà hôm nay đang đi trên con đường quen thuộc hằng ngày." Cảm giác không bắt kịp thời gian và không gian ấy lạnh lùng và mạnh mẽ như hồi chuông báo thức. Rằng tôi vẫn chưa tháo cởi những trói buộc ý thức. Rằng tôi vẫn còn chập choạng đi trên những lưỡi dao biên giới. Tôi vừa mê đắm dời sống nghệ sĩ phóng khoáng, vừa sợ hãi bó thân trong thế giới nhỏ nhoi quen thuộc của mình với những chu kỳ năm tháng và nơi chốn không thay đổi. Tôi đã nói với anh chiều này, tôi là một người hèn nhát. Vì thế khi gặp anh, lọt vào đời sống anh ngổn ngang đậm màu như bức tranh ấn tượng, tôi đã bị mê hoặc. Những hạt cát quá khứ tưởng đã lắng dưới đáy đại dương sâu hút, chợt bão dậy, khuấy lên đánh thức. Muôn trùng cát bể cứ bắt tôi thao thức hằng đêm.

*

Buổi sáng bên bàn điểm tâm, sau ly cà phê thứ hai, tôi nhắc tới nỗi ám ảnh trong tôi suốt thời gian qua: cái chết. Không phải những cái chết thường tình, mà là những kết thúc vì văn chương. Tôi nói về Mishima, Kawabata, Hemingway và Zweig. Tuy chưa đọc trọn các tác phẩm của họ, mà tôi đã choáng váng khi biết được họ có chung một đoạn kết: tự sát. Tại sao vậy? Vì thất chí? Vì một nguyên do riêng lẻ nào? Hay họ đã nhận thức được cái không tưởng của văn chương? Và tại sao trong văn học Việt Nam từ xưa tới nay chưa có những kết thúc như thế? Nhiều khi tôi nghĩ quẩn, cái chết có một hấp lực vô cùng mạnh mẽ khiến cho những kẻ tò mò và đam mê khó cưỡng. Anh đưa cho tôi tập sách của H.S. Stokes viết về Mishima, bảo đem về đọc. Tập sách dầy bằng Anh ngữ, chữ nhỏ chi chít. Tôi e ngại, sợ không hiểu trọn, sợ không có thì giờ. Dạo sau này, tôi có quá nhiều dự định văn chương. Ám ảnh này, tư tưởng kia theo đuổi tôi mãi. Hiện lên rồi mất. Đôi khi chúng trì níu, trộn lẫn vào nhau khó phân.

Mấy hôm nay Amsterdam nắng đẹp. Chúng tôi rời nhà lúc nắng phả ấm chan hòa. Dù ở nơi nào, tôi đều có cảm tưởng lẻ loi như nhau. Amsterdam hay Paris. Toronto hay Montréal. Giữa đám đông hay một mình dằn vặt trước trang giấy trắng. Sáng nay, phố xá và vỉa hè Amsterdam nhắc tôi một góc Paris chủ nhật vừa qua, có Tiến từ Luân Đôn bay sang gặp mặt, mang theo những niềm vui ấm như ngụm cà phê sáng. Chúng tôi, những tâm hồn tha hương dã lâu, vẫn cố tìm một không gian Đông phương làm chỗ tựa.

Anh dẫn tôi vào phố điếm cạnh nhà, tới tiệm tạp hóa quen mua một bịch thuốc nhồi ống píp. Buổi sáng, những phòng chửa bỏ trống. Những bộ hành vội vã trên lối lát đá xanh. Lòng kinh đào soải mình lặng lẽ dưới nắng. Nơi ấy, tôi bắt gặp tâm hồn mình không còn an lành như trước. Những xáo trộn trong thời gian qua và những dịp đi xa gần đây đã lưu lại trong tôi những nếp gấp. Tiến bảo, tôi nói nhiều hơn trước và Tiến thích tôi ít nói hơn. Lời nhận xét ấy khiến tôi sững người. Ngẫm lại, tôi mới chỉ diệt được lòng tham, còn cái sân si kia vẫn trơ tráo nguyên vẹn đó.

Trong quán nước nhà ga chờ giờ khởi hành, tôi lại nói về những kết thúc văn học. Tôi quả quyết:

– Họ chết cho văn chương bất tử.

Anh từ tốn nhắc nhở:

– Nhưng đời còn đẹp mà.

Tôi cười:

– Đẹp chứ. Nhưng cái đẹp hôm nay khác với cái đẹp hôm qua, tháng rồi hay nhiều năm trước. Lúc bắt đầu cầm bút, niềm đam mê trong tôi lớn hơn gấp mấy lần cái nghi vấn tại sao tôi phải viết. Bây giờ tính hoài nghi đã lấn át niềm đam mê, mười phần hết sáu bảy.

Anh nhìn tôi ngờ vực:

– Mà anh còn quá trẻ, nghĩ làm gì về cái chết sớm thế, cho tổn thọ. Văn chương thì vẫn đó, còn đó!

Tôi tiếp:

– Tuy nhiên tôi vẫn còn nhiều vấn đề cần viết ra. Bao giờ còn vấn đề, khi ấy tôi còn cầm bút.

Đúng như lời Tiến đã tỉ tê cùng tôi ở Paris, tôi nói hơi nhiều. Và dường như những lời tôi nói đều không thực tế và vô nghĩa. Tôi im lặng ngước nhìn chiếc đồng hồ treo trên vách. Tôi nhận ra dòng thời gian vẫn chuyển động không ngừng. Tôi nhận ra mình đang có mặt tại một thành phố khác. Bất kỳ lúc nào, ở đâu, tôi đều cảm thấy hư hao mất mát. Chúng tôi đứng dậy vì sắp tới giờ tàu hỏa chạy.

Trên sân ga rộn ràng người đi kẻ đến, tôi chợt nhớ tới một sáng mùa đông năm nào, anh tôi từ Bordeaux sang thăm khi tôi còn học ở Krefeld. Chuyến tàu đưa anh trở về Pháp khởi hành sớm, lúc trời còn tối đen. Hai anh em co ro đi bộ ra ga. Không nói với nhau lời nào. Trời trở lạnh bất thường. Tới cổng nhà ga, anh tôi dịu dàng nói: "Thôi, về nhà ngủ tiếp đi!" Tôi lắc đầu: "Không, em đưa anh ra sân ga." Anh tôi cương quyết: "Không cần, về nhà ngủ đi!" Tôi nài nỉ. Anh lạnh lùng từ chối. Cuối cùng tôi dành lủi thủi ra về. Thời gian và không gian trong tôi vỡ toang từng mảnh. Những đường phố mờ ánh đèn, dầm sương mai như ứa lệ. Tôi ghé ngang quầy bán thuốc lá, mua một bao Gauloises, đem về phòng trọ đốt hết điếu này tới điếu khác. Rồi tôi gục mặt xuống giường, khóc như trẻ nhỏ.

Giờ đây, nhớ lại, hình như chưa lần nào tôi cảm thấy cô đơn như sáng cuối đông năm ấy. Một nỗi cô đơn gớm ghiếc, đau đớn gấp vạn lần ngày tôi lìa quê hương sang đây. Vì sau đó anh tôi sẽ sang một châu khác. Chỉ còn tôi ở lại Âu châu này. Một mình.

Tôi kể cho anh nghe kỷ niệm không mấy thú vị ấy. Khi tôi từ giã anh, vào ngồi trong toa, nhìn khung cảnh bên ngoài lùi xa dần, tôi chợt nhận ra mình cứ khao khát đi tìm những thời gian và không gian khác. □

ĐÀI SỬ

mưa trắng

Mưa trắng vội
Về lộng miền nguyên cổ
Nhớ em ngậm ngùi
Màu áo trắng năm nao
Mưa trắng rong
Tận cùng con phố vắng
Cơn gió ngậy mùi
Làn da thịt ngất ngây
Mưa trắng di hoang
Kéo dài đêm biệt xứ
Những cao ốc ngất trời
Những xa lộ chơi vơi
Lời phủ trắng
Hoài hủy tiếng yêu
Vô vọng!
Vòng tay quyện mật
Lại buông lơi
Xấp ngửa không
Mưa trắng lạc loài
Lệ em tuôn tất tưởi
Đầy vơi không em?
Mưa trắng xa dần
Cao ốc sẽ rũ rượi
Đường phố rồi co quắp
Và thừa thãi những đêm trắng
Lúc không còn được yêu em.

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

em

truyện ngắn

Lời của một cô bé

Em lên chín tuổi. Ngày mai sinh nhật em, mẹ nói vậy. Cha bảo, "Vậy hả, tìm mua quà gì cho con." Mẹ hỏi em, "Con muốn gì?" Em lắc đầu, em không thích chi, em không muốn gì.

Thật ra thì em thích một đôi diều. Nhưng điều em thích mẹ chẳng bao giờ mua được. Em không thấy người ta bày bán trong các tiệm buôn, không có trong các *super-marché*. Đôi khi mẹ dẫn em lên Galeries Lafayette, em chẳng thấy có. Thỉnh thoảng em gặp được điều em thích ở trong sách *J'ai me lire*. Con Géraldine có hai bím tóc, thằng Nicolas có hàm răng sún. Chúng nói chuyện với nhau vui lắm. Em xin nó cho chơi chung. Chúng dẫn em vô rừng chơi với các thú vật biết nói tiếng như em. Rừng sâu thật sâu, em hít thở với khí trời thật mát. Hôm đầu em hỏi tại sao đi xa thế. Tụi nó bảo, "Phải vào tận xa mới có bọn nó, càng ngày càng phải đi sâu hơn vì những ông thợ săn hay đuổi bắt chúng."

Em gặp con nai có đôi mắt to, cái chân đi cà nhắc. Nai tính tình ngây thơ và hay tin người nên bị người bắn què chân. May mà có chú gấu liếm liếm vài cái vết thương nai mới đứng dậy được. Nhưng từ đó nai có tật hoài, không chạy theo mẹ nai đi kiếm ăn. Chú gấu tốt bụng chỉ thích ăn mật ong rừng. Có hôm bị lũ ong đốt đầy người. Từ đó chú không dám phá tổ ong nữa. Chú hay cào các vỏ thân cây để tìm nhựa ngọt. Có khi đói bụng chú ăn cả nấm, nhằm nấm độc làm chú ngứa ngáy, chú phải cạ lưng vào gốc cây sồi. Chú gấu to lớn chừng chạc thế mà đôi khi cũng hoa mắt vì loài nấm. Chú nói nấm trông dẹp và ngon lành, nhưng nuốt vào bụng mới thấy đắng. Chú thật thà và tốt bụng lắm, mỗi khi gấu liếm vết thương cho bạn bè khỏi chảy máu là chú thích chí, nằm lăn quay một vòng trên đồi cỏ kêu lên những tiếng gừ gừ. Hèn chi em nghe nói mật của chú gấu có thể chữa trị nhiều bệnh. Người tốt bụng như thế, đó là điều chắc chắn rồi. Em còn gặp vô số bạn bè dễ thương trong ấy, nhiều kể ra không hết.

Ở ngoài này, em đi học tuần năm ngày. Ở lớp có ba chục đứa học trò là ba chục đứa khác nhau. Em chẳng chơi với đứa nào. Về nhà em chỉ một mình. Xem tê-lê, em thấy toàn chuyện gì đâu không. Người ta giết nhau bằng súng, máu chảy đỏ cả ngực, máu chảy thấm ra mặt đường. Tai nạn máy bay chết cháy cả mấy trăm người. Rồi các em bé, bé hơn cả em, bị bắt cóc, bị hãm hiếp, bị bóp cổ chết. Rồi mấy con sâu SIDA biến các em bé thành những bộ xương biết nhìn biết cử động. Ôi em sợ lắm, tối ngủ mà vẫn còn sợ. Mẹ nói, "Con nên xem chương trình của con nít." Chương trình của con nít à, toàn các ông các bà làm hề cho trẻ con, không biết mấy đứa khác có cười không chứ em thì không cười. Họ là người lớn mà bắt chước con nít. Em thấy vô duyên. Con nít không bao giờ có cử chỉ như thế. Họ hiểu lầm con nít. Mẹ nói với cha, "Con nhỏ mình ít khi thấy nó cười." Em nghĩ bụng, "Vui thì mới cười."

Cha đi làm suốt ngày, mẹ đi làm suốt ngày, em đi học cả ngày. Em ít khi ngồi cạnh cha cạnh mẹ. Nhiều buổi đi học về, em vào bếp đứng bên nhìn mẹ làm bà Tiên cầm đũa biến hóa các món ăn ngon lành. Nhưng mẹ bảo, "Lên phòng chơi đi, đừng lẩn quẩn ở đây."

Đôi khi cha thấy em trơ trọi, "Bà đẻ thêm một đứa con trai." Mẹ trả lời, "Sinh nữa cực lắm."

Vậy là em hiểu từ đây em chỉ một mình cho đến mãi mãi. Nhưng em thích thì em cứ mơ. Em mơ em có một em bé. Em ôm nó suốt ngày, em pha bình sữa cho em bú, em thay áo quần, em may thật nhiều quần áo đẹp cho em. Tối em không ngủ, em ngồi canh chừng em, cho em không giật mình, cho em ngủ ngon. Khi mình thương em, lo cho em thì có gì mà cực? Mình thấy vui chứ. Rồi em bé lớn lên em sẽ có bạn bè ở chung phòng với em. Đêm khuya nếu em có ngủ thấy ai rượt bắt em, em sẽ cầu cứu bạn em thức dậy. Tại thấy em một mình, người ta cứ đuổi em hoài, có lúc chân em tê cứng em chạy không nổi. Có lẽ người ta tưởng em là con nai, con gấu con, rượt bắt em đem về làm thịt, lột da. Biết đâu, đêm khuya em hay vào rừng sâu chơi với Géraldine, Nicolas họ tưởng em là một loài thú nào đó. Sao những người thợ săn cứ săn đuổi em hoài. Ôi những đêm như thế, ước chi em nằm cạnh mẹ, em ôm mẹ mà ngủ, hít hít mùi thơm từ trong lòng mẹ tỏa ngát. Ai dám bắt em? Ước chi cha cho em ngủ với mẹ vài tối thì sướng biết mấy. Em kể đủ chuyện cho mẹ nghe. Mẹ vui mà em cũng vui. Dạo này em thấy mẹ buồn hơn năm ngoái. Có lẽ lớn tuổi thì người ta bớt vui. Như em, thêm một tuổi là em thấy không còn vui như năm trước.

Nói gì thì nói chứ hôm nay sinh nhật em đấy. Năm ngoái mẹ cho em một cái áo đầm xòe. Em không thích nhưng phải mặc cho mẹ vui lòng. Ra đường ai cũng nhìn cái áo. Người ta nhìn em chỉ vì một cái áo mới, một cái áo họ cho là đẹp? Điều đó em không ưa rồi. Có lẽ em không hiểu được điều mà người lớn thích. Các bác gái đến nhà chơi mặt mày hả hê khi mẹ khen áo

quần bác đẹp quá. Cả mẹ cũng thế, mẹ thích mặc áo quần đẹp để được người ta nhìn khi ra đường.

Ngồi vào bàn ăn, cha nói, "Cười lên cho cha chụp hình." Tại sao bắt em cười với cái ống chụp hình đen ngòm? Cha em không hiểu, mẹ em không biết. Em để dành nụ cười cho một ngày nào đó một người nào đó mà lòng em hân hoan. Em sẽ cười thật đẹp như hoa huệ trắng tên Lys hay kín đáo như hoa Muguet rung chuông.

Cái bánh sinh nhật trát đầy kem làm em ớn tới tận cổ. Chín cây nến nhỏ vòng quanh giới hạn tuổi thơ em. Chín ngọn lửa bất động không soi sáng được tuổi thơ em im lìm. Tại sao lửa đứng im, lửa không cử động, không lung linh. Lửa trong nhà kín bưng thế này là lửa giả. Em đưa tay sờ ngọn lửa.

Mẹ hét, "Coi chừng bỏng tay!"

Bình hoa hồng trắng trông đẹp lắm. Nhưng cánh hoa cũng như ngọn lửa nến. Im lìm. Hoa ở trong nhà kín bưng thế này là hoa không đong đưa là hoa giả. Em chợt hỏi, "Hoa thật hở mẹ?" rồi đưa tay sờ. Mẹ ngạc nhiên, "Con bé này hay nhỉ, cái gì cũng sờ." Mẹ không biết đấy thôi, mắt em làm sao phân biệt cái gì thật cái gì giả, cho nên phải lấy tay để đụng để chạm. Dạo này người lớn ưa làm đồ giả cứ giống như đồ thật.

Mẹ bảo em thổi tắt chín ngọn nến. Em thổi hai ba lần mới tắt. Lửa gì mà không biết tắt. Em thương lửa, em thương hoa, em thương luôn cả em. Trong ngôi nhà bưng bít này cả ba người đều không có khí trời để thở.

Em hỏi cha, "Bao giờ con được thổi mười tám ngọn lửa?" Cha nói, "Chín năm nữa."

Ôi lâu quá! Mẹ cười, "Nếu muốn, mẹ cắm cho con thêm chín cây đèn."

Cha nói, "Như thế là không đúng sự thật."

Mẹ hỏi, "Như thế là gì?" Cha làm thinh.

Mẹ trả lời, "Như thế là ảo tưởng."

Em ngơ ngác. Mẹ nói chữ gì nghe mà lạ. Không thật thì giả chứ sao là ảo tưởng.

Nhưng em vẫn cứ mơ em mười tám tuổi. Nghe nói lúc ấy có thể làm mọi điều như người lớn. Chao ôi thích quá. Em sẽ làm gì nào? Em sẽ tô lên môi em một lớp son thắm hồng như mẹ. Em sẽ soi gương để ngắm chính người em. Ôi đôi môi em sẽ thơm ngát cho em hôn lên những gì mà lòng em hân hoan. Em thường ngần ngại trước những tấm gương, ít khi em dám đến gần. Cái gương ngày xưa đã cho bà hoàng hậu đi ghẻ công chúa Bạch Tuyết biết rằng trên đời còn có kẻ khác đẹp hơn bà. Mẹ hay nhìn vào gương, vậy gương có cho mẹ biết mẹ là người đẹp nhất? Cái gương soi có làm cho người ta ích kỷ không? Ôi những tấm gương làm em sợ. Nhà nào cũng có nhiều gương, những tấm gương thật lớn, để làm gì thế nhỉ?

Em chỉ muốn soi gương nào trong đó em thấy em dễ thương như con nai đi cà nhắc, như chú gấu tốt bụng gầm gừ. Gương nào cho em thấy được lòng em biết yêu thương.

Em bần thần ngẩn ngơ suy nghĩ chuyện năm em mười tám mà quên mất hôm nay em chín tuổi. Cha ôm một gói quà thật lớn để trên bàn. Năm nay quà lớn quá, thùng quà thì đúng hơn.

Cha nói, "Quà sinh nhật con." Em liền đặt môi hôn cha, em đặt môi hôn mẹ. Đó là điều lệ. Những môi hôn tự động mà lòng em không rung.

Biết khi nào, biết bao giờ, biết làm sao cho em được hôn lên vùng yêu thương dịu dàng của riêng em? Nụ môi hôn cho em ngất ngây để em biến thành đàn bà năm mười tám. Có cần phải nhờ bà Tiên để làm phép lạ ấy không? Hay làm đàn bà thì phải có đàn ông? Muốn làm mẹ thì phải có cha? Bao giờ em có người đàn ông ấy?

Mẹ bảo, "Mở quà đi."

Đó là cái máy điện giống như cái máy của cha đặt trên bàn, nhỏ hơn, vuông vức. Em ngạc nhiên.

Cha nói, "Đây là cái máy điện toán, cha sẽ chỉ dẫn cách chơi với nó, học với nó."

*

Từ hôm cha dạy em cách sử dụng máy em bớt buồn. Em gọi máy bày ra những trò chơi khác nhau, bao giờ máy cũng cho em thắng. Nhưng máy khôn lắm, máy luôn thách đố em bắt em phải suy nghĩ thật nhanh, nếu không thì em thua. Có khi máy cho em nghe những bản nhạc nhẹ nhàng như bản *Mon Beau Sapin* hay bản *Santa Maria*. Máy rất thông minh. Cái gì em hỏi máy đều trả lời rõ ràng trong một chớp mắt.

Máy trở thành người bạn của em. Em thương máy. Em kể cho máy nghe đôi điều mà em không nói được với ai. Em kể có hôm, trước khi máy về ở, trời lạnh quá em chợt thức giấc, em nghe cha mẹ nói chuyện với nhau. Chuyện gì mà họ lại nói ban đêm. Em nghe ngóng. Nghe tiếng khóc, tiếng khóc của mẹ. Em vụt tung chăn ngồi dậy. Em phải qua giúp mẹ. Cha dạo này hay gắt gỏng. Em phải bênh vực mẹ em. Em rón rén trước cửa nhưng không dám vào.

"Bà có để cho tôi yên không, tôi vẫn ở với bà, có bỏ bà đâu." Mẹ khóc, không trả lời.

"Người ta mới vượt biên qua được đến đây, chồng họ còn kẹt lại, họ cần giúp đỡ vậy thôi."

Mẹ mới trả lời, "Nhưng tôi biết bà ấy là người cũ của anh, tình cũ không rủ cũng về." Tiếng cha thở dài.

Em nghe em sợ, em trốn về phòng. Cha giúp đỡ bạn cha, đó là điều tốt, sao mẹ lại phải khóc? Cha thương bạn cha là điều mẹ nên mừng, em nên vui. Em thấy khó hiểu, hỏi máy tại sao. Máy trả lời ngắn gọn:

"Tại vì mẹ ghen."

Em sợ hơn, ghen đi liền với ghét. Em xin mẹ đừng ghét ai.

"Tại sao ghen ghét?"

"Tại vì bạn của cha là một người đàn bà."

Em ôm đầu, thôi em chẳng hỏi máy nữa. Nhưng từ hôm ấy, cha ít ăn cơm nhà buổi tối. Mẹ gầy đi trông thấy. Thỉnh thoảng em cầm tay mẹ, em nói em thương mẹ, mẹ đừng buồn. Mẹ nói, "Sau lớn con sẽ hiểu." Em nghĩ bụng, có lẽ cái gương làm cho mẹ biết có một người khác đẹp hơn mẹ, được cha yêu thương hơn mẹ.

Như thế thì không nên có hai người đàn bà với một người đàn ông. Riêng đối với em, nếu thằng Nicolas có thêm một người bạn gái đi chơi với nó vô rừng, chắc em cũng thích hơn chứ, cả Géraldine cũng vậy, tha hồ mà lượm hạt dẻ dem về cho mẹ rang. Nếu năm em mười tám em trở thành đàn bà để buồn để khóc như mẹ thì thôi vậy. Thôi khoan là mười tám nghe.

Có hôm em hỏi máy, "Khóc là gì hở máy?"

"Khóc là có hai giọt nước mắt chảy ra từ đôi mắt." Nếu thế thì đẹp quá. Như sương buổi sáng nhỏ xuống cánh hoa hồng, tan nhòa trên tay em mềm mát. Nhưng giọt sương làm hoa hồng tươi, giọt nước mắt làm cho mẹ buồn rầu. Ôi, em không thể nào hiểu nổi.

Bống dưng em ôm máy thì thầm, "Máy ơi, tụi mình đừng ghét nhau, hãy vui với nhau, hãy chơi với nhau. Máy đừng bỏ đi đâu nhé."

Lời của máy

Tình cờ, may mắn hay là tôi đã có tiền duyên với cô bé. Cha mẹ cô đã chọn tôi trong số hàng chục bạn bè cùng lứa, đưa tôi về ở với cô. Tôi là món quà đã làm cô thích thú. Cha mẹ cô, hai người ấy chỉ có mình cô là con gái độc nhất. Họ đem tôi về với hy vọng tôi bầu bạn cùng cô cho cô đỡ cảm thấy cô quạnh. Đấy là một cô bé không giống như mọi cô bé khác. Ngày sinh nhật cô mà trông cô buồn buồn. Tuy mới chín tuổi nhưng trông cô kín đáo và dằm thắm lắm. Tôi nhìn ngay vào đôi mắt, đôi mắt thông minh như hai vì sao sáng của bầu trời đêm trong lành. Tôi yêu cái tính chu đáo của cô bé. Mỗi ngày đi học về, cô dùng khăn sạch lau hết bụi bặm bám vào người tôi. Tôi không ưa lũ bụi, chúng làm tôi ngứa ngáy. Điều này cho tôi biết rằng cô yêu thích tôi. Sau hai buổi chỉ dẫn của người cha, cô đã sành sõi cách sử dụng các nút bấm trên người tôi. Đôi bàn tay cô dịu dàng tròn trịa thương yêu. Đôi bàn tay chỉ để ôm ấp những chú chó lông, những chú gấu con, những con vịt tơ mỏ vàng chất đầy giường cô. Ôi, đôi mắt, tôi phải nhắc lại một lần nữa về đôi mắt cô. Từ khi thấy đôi mắt ấy, tôi biết vũ trụ đêm không còn có ngôi sao nào đẹp nữa.

Cô nhanh nhẹn, phản ứng kịp thời với những trò chơi tôi bày cho cô. Đôi lúc cô tỏ ra khó hiểu, chậm chạp với những câu hỏi lẩn thẩn làm tôi bối rối. Vì những câu hỏi không có trong dự tính của đầu óc tôi. Nhưng với một cô bé đáng yêu như thế, có việc nào mà tôi không cố gắng cho cô vui lòng.

Có lần cô nói, "Máy hãy nói em nghe những điều có thật nhé." Tôi trả lời bằng lòng. Cô nói tiếp, " Máy đừng cho em những điều ảo tưởng."

Cô bé có vẻ ưa rắc rối. Đừng tưởng cô là con nít mà tôi muốn trả lời sao cũng được. Trả lời không mạch lạc rõ ràng là cô hỏi lui hỏi tới. Tôi thường kiểm tra liên tục những dữ kiện thống kê trong "bộ nhớ". Tôi chỉ là một cái máy với những bộ phận lắp ráp, nhưng là một cái máy giúp đỡ trí nhớ con người, thế mà cô bắt tôi phải hiểu biết những chuyện thuộc về tình cảm con người để trả lời. Dần dần cô cho tôi cảm tưởng rằng tôi, một phần nào đó mang tính chất người. Tôi kể điều này để minh chứng nhận xét của tôi. Dạo này mỗi lần thay quần áo, cô không thay trước mặt tôi. Cô vào ẩn trong phòng tắm thì phải. Có lẽ cô xem tôi là một người bạn đang sống chung thật sự với cô trong phòng, nên cần phải giữ gìn tế nhị với nhau. Trời ơi! Nếu tôi được là người, tôi sẽ làm bao nhiêu điều tốt đẹp cho cô bé đáng yêu này. Tôi sẽ vào rừng với cô, tôi sẽ hái những chùm hoa vàng mới hé cài lên mái tóc đen của cô, sẽ hát cho cô nghe những bản nhạc êm ái bên tai cô và lượm rất nhiều hạt dẻ đem về. Biết đâu sẽ có "ba hạt dẻ" trong truyện cổ tích mà cô thầm mơ ước.

Nhưng được làm người, đâu phải chuyện dễ. Nghe nói phải hóa thân qua mấy mươi kiếp, phải tu luyện cả ngàn năm. Nhưng tôi cũng hy vọng, những con rắn rít, những con mãng xà gớm ghiếc nhờ công khổ tu mà được nên người. Tôi thông minh sáng suốt giúp đỡ người có lẽ tôi được hóa thân sớm hơn. Ấy, khi một mình không có cô tôi lẩn thẩn thế đấy.

Có hôm họ hàng nhà cô đến chơi, họ chạm vào người tôi. Cô bé đã vội chạy lại ôm tôi. "Không, máy của em, máy của em!" Cô không muốn ai sờ mó vào tôi. Cô luôn luôn bảo vệ tôi khỏi bàn tay của người khác, cô sợ tôi khó chịu, cô sợ tôi hỏng. Tôi phải là của riêng một mình cô thôi. Tôi cần phải sống hoài bên cô. Ôi, sự ích kỷ dễ thương của cô bé, cô làm tôi xao xuyến.

Rồi có một chiều, cha mẹ cô đi vắng, nghe cô nói họ đi ăn đám cưới. Cô bấm nút hỏi tôi:

"Bao giờ em mười tám tuổi?"

Tôi cười thầm, sao cô thích chóng lớn, người lớn thì sợ già sợ chết. Tôi hỏi:

"Để làm gì?"

"Để em có một người yêu."

Trời, ai dậy cho cô nói điều như vậy? Cô ơi, cô có biết không, người ta yêu là người ta khổ đấy. Cô còn bé cô không biết. Theo thống kê, những người nào muốn được yêu nhiều thì khổ nhiều. Loài người thường kêu than bất hạnh, yêu nhau không lấy nhau được, họ buồn. Yêu nhau lấy nhau rồi họ cũng buồn rồi ly dị nhau. Cái bất hạnh có lẽ do họ chế tạo ra. Chứ làm người thì hạnh phúc lắm chứ. Ước chi tôi được là người. Tôi xin được làm người để yêu thương suốt cả đời. Suốt cả một đời vui.

"Sao máy không trả lời em?"

Tôi bối rối chớp chớp mắt. Những dòng điện trong tôi rung lên từng hồi. Cô lại hỏi:

"Em muốn biết người em yêu như thế nào."

Giọng cô trở nên tha thiết hơn bao giờ, đôi môi mềm mấp máy, hơi thở cô thơm mùi nho xanh. Cô dùng chữ "em" sao nghe như một lời thơ. Em, em, em . . .

Trên cuộc đời này, có còn một bà Tiên nào không nhỉ? Xin đến đây, xin hãy đến đây giúp cho tôi hóa thân bằng chiếc đũa ống ánh thủy tinh, cho tôi biến thành một hoàng tử có đầy đủ đức tính để yêu cô. Tuy lòng tôi mơ mộng, nhưng trí óc tôi vẫn làm việc để hiện lên khung kính một mẫu người đàn ông.

Cô bé nhìn.

"Sao người đàn ông này cao quá?"

"Để bảo vệ cô."

"Sao tay ông dài quá?"

"Để ôm vai cô."

"Sao mắt ông ta to quá?"

"Để nhìn cho rõ cô."

"Sao đầu ông ta to quá?"

"Để chứa đầy trí tuệ cho cô hỏi han."

Cô bé hỏi một hơi dài, coi bộ bằng lòng. Cô mỉm cười. Lát sau cô hỏi tiếp:

"Thế ông ta có một tâm hồn không?"

Tâm hồn? Một mẫu vẽ thì làm gì có tâm hồn, vả lại tâm hồn là gì nhỉ? Ai có thể vẽ nên một mẫu tâm hồn?

"Nếu người đàn ông này không có tâm hồn thì em không yêu đâu."

Ui chao! Cô bé nói năng dài dòng quá, chữ nghĩa này cô học ở đâu thế. Mặt cô phụng phịu giận dỗi nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi hoảng quá, tôi nhớ người ta thường vẽ một quả tim để tượng trưng cho tình yêu. Quả tim là tâm hồn, là tình yêu. Tôi vẽ một quả tim trong ngực mẫu người đàn ông.

"Sao quả tim ông ta to thế?"

"Để yêu cô thật nhiều."

Bây giờ cô bé cười tươi, cô ôm lấy tôi.

"Máy nói đúng đấy."

Tôi sung sướng hãnh diện. Chưa bao giờ tôi làm được điều kỳ diệu nào như thế. Cô bé cười, có hai cái răng cửa thật lớn. Hàng vạn nụ hồng thơm đủ màu sắc đang nở ra theo cùng với môi cười.

Tôi chưa kịp hưởng hết niềm hoan lạc, cô hỏi:

"Em có được gặp ông ta không?"

Tôi ngập ngừng mãi. Không ngờ cô bé nhỏ xíu này bắt trí thông minh của tôi trở nên ngu đần. Người đàn ông ấy chỉ là một mẫu vẽ. Làm sao có người đàn ông nào với đôi chân cao khòng, đôi tay quá dài, đôi mắt quá to, cái đầu rất trí tuệ và một quả tim đầy yêu thương. Tôi có nên trả lời rằng đấy không phải là một sự thật, cô đừng tin. Một sự thật làm cô tuyệt vọng. Cô sẽ tắt lịm nụ cười. Ngàn vạn cánh hoa hồng sẽ héo úa. Cô ơi, tôi chỉ là một cái máy, tôi

không bao giờ biết nói dối mà tôi cũng không muốn nói dối. Bởi vì cô đã từng chân thành tin tưởng tôi. Dù sao, tôi cần phải nói thật.

"Đó chỉ là ảo tưởng."

Cô mở to đôi mắt, đôi môi tái nhợt mấp máy.

"Không thể gặp? Vậy những điều tốt đẹp dành cho em không có thật."

Sáng hôm sau, tôi không thấy cô dậy đi học như mọi hôm. Mẹ cô qua phòng thấy cô mê man trên giường ngủ, hoảng hốt đưa cô đi bác sĩ. Sau đó không thấy cô về nhà. Tôi lo lắng chờ đợi. Sao cô chưa về? Không hiểu mẹ cô đưa cô đi đâu mà lâu thế. Tôi đếm biết bao nhiêu lần mặt trời lặn qua cửa sổ. Bao nhiêu lần tôi hy vọng những sáng bình minh. Tiếng động nào tôi cũng ngỡ là tiếng chân cô. Lần đầu trong đời, tôi phân tích và hiểu thấm thía rằng không có cái buồn nào cho bằng nỗi nhớ. Tôi nhớ cô, tôi nhớ lắm. Làm sao tôi quên được cái nghiêng đầu vuốt tóc, thỉnh thoảng có một sợi tóc tơ rơi xuống trên tôi, tôi đã ấp ủ như một báu vật. Làm sao tôi quên đôi bàn tay mềm mại, những ngón tay hồng hào như mười bông hoa gạo nở đầy.

Tôi nghe cha mẹ cô nói với nhau, "Bác sĩ bắt phải nằm lại bệnh viện để tìm bệnh."

Cô ơi, em ơi. Tôi ân hận vô cùng đã nói một sự thật làm cô đau lòng. Cô đáng thương đáng yêu. Tôi đáng giận đáng ghét. Cô đang nằm một mình trong nhà thương. Tôi còn lại một mình trong căn phòng vắng này. Cô ơi, em ơi. Tôi hiểu cô, chỉ muốn làm cô vui suốt đời. Nhưng tôi không là người, tôi chỉ là một cái máy như muôn ngàn cái máy khác với hữu hạn của một thứ đồ vật. Bà Tiên ơi, bà Tiên ơi! Tôi cầu cứu. Tôi ngẩn ngơ. Ngày qua ngày. Hoàng hôn không thấy chìm qua cửa sổ. Bình minh không có nắng ban mai. Xám ngắt một màu. Nếu một mai cô không tìm thấy được người cô yêu, thì tôi vẫn luôn luôn bên cạnh cô. Tại sao cô cứ thích tìm kiếm những điều tốt đẹp làm gì không biết. Cô còn nhỏ, còn nhỏ quá để có thể chịu đựng sự thật.

Không có cô, tôi không còn một hữu ích cho ai, không làm cho một ai vui. Tôi vô dụng. Chân tay tôi rã rời. Đầu óc nhức nhối. Vỡ toang hết mọi phán đoán.

Lời người kể chuyện

Ở trong bệnh viện, hôm nay cô bé cảm thấy khỏe khoắn. Mấy hôm rồi cô đã ngồi dậy, đòi ăn cơm thật nhiều. Cô cảm thấy nhớ nhà. Nhớ lắm. Lòng cô nôn nao. Gần tháng nay, người cô khi tỉnh khi mê. Cô không biết tại làm sao. Bác sĩ cũng không biết cô bị bệnh gì. Hôm nay bác sĩ vào, cô xin cho cô về nhà, cô không thích ở đây nữa, cô về cô đi học lại. Thấy cô ăn nói tỉnh táo trở về trạng thái bình thường, bác sĩ bằng lòng.

Cha mẹ cô đến đón về. Vào nhà, cô bé hối hả đi ngay vào phòng mình. Cô lấy khăn tay chùi bụi bám đầy trên cái máy. Cô cắm điện rồi bấm nút. Máy im lìm.

"Cha ơi, cha vào sửa máy cho con."

Cha cô loay hoay với dây điện, với những nút bấm. Máy bất động. Gần một giờ trôi qua cô bé hồi hộp. Máy không lóe sáng cũng không kêu tin tin vui tai như mọi hôm. Cô nhìn cha, cầu cứu hy vọng.

Cha cô nói, "Máy hỏng rồi."

Cô bé thảng thốt, ngồi xuống hai tay ôm quàng qua cái máy. Cô kêu lên:

"Máy chết rồi! Trời ơi! Máy của em! Máy của em!"

Cái máy, một thể khối lạnh băng như thây một người chết. Có những giọt nước chảy ra từ đôi mắt tràn xuống máy. Hơi nóng của dòng lệ và hơi ấm của lòng cô bé đượm vào thể khối lạnh băng. Bỗng máy phát ra tiếng rì rì . . . tin tin tin . . . Ánh sáng lóe lên chớp chớp. Cô reo:

"Cha ơi, mẹ ơi! Máy đã . . . đã . . . sống lại."

Cha cô đứng sau lưng, mẹ cô đứng bên cạnh. Cả hai người lớn ngạc nhiên sửng sốt. Cha cô nói:

"Có lẽ dòng điện bị chạm."

Chỉ riêng một mình cô bé, cô hiểu tại sao máy hồi sinh. □

HUỲNH LIỄU NGẠN

một tiếng chim vang cõi hữu hình

ngồi nhìn lên trời và nhìn mây
nắng xế nghiêng qua một chút ngày
anh lấy tay che cơn gió thổi
buồn như rụng xuống ở đâu đây

mười năm sông hồ mười năm trôi
nhìn lên nhìn xuống một chỗ ngồi
tháng tới mây bay qua đầu lại
một nỗi hoang liêu lại đâm chồi

tới lui cũng sự đời chật hẹp
làm sao quên hết nỗi buồn lo
ra giêng lòng vắng thêm chút nữa
vắng cả nhân gian tiếng gọi đò

qua rồi mấy bữa trưa ngồi ngó
quẩn quanh vô sắc với vô hình
(vô lẽ cứ nhìn lên trời mãi)
một tiếng chim vang cõi hữu hình

TRẦN LONG HỒ

mưa chiều bên sông

truyện ngắn

Khi tôi bước qua khỏi cổng nhà thì mưa bắt đầu rơi. Những giọt mưa nhỏ nhưng rơi có vẻ nặng nề trên mái ngói. Tiếng lộp độp thân quen quá như tôi đã nghe chúng tự thời nào xa lơ xa lắc. Có phải vì mái ngói làm động âm vang của một thời quá vãng hay tự tôi bắt gặp lại tiếng kêu của những ngày đã mất.

Ngôi nhà này, tôi đang đứng trên bậc thềm đá xanh cũ kỹ bám đầy rêu xanh, xem như không có gì thay đổi sau hơn ba mươi năm xa cách. Hàng rào kẽm gai phía trước vẫn xiêu vẹo và rỉ sét. Hai cửa cổng bằng cây không mục nát hơn năm xưa bao nhiêu. Ngày đó chúng đã ngã sụm bên lối đi thì bây giờ chúng vẫn nằm đó. Có lẽ chúng cũ hơn một chút, nhưng điều đó đâu có làm cho chúng khác đi, và càng không làm cho chúng trở nên quan trọng. Còn cây nhãn trước nhà, trông y như cũ, thân sần sùi, lổm ngổm những cục u đen đúa. Lá nó vẫn mang màu xanh đậm, khiêm nhường bên mái ngói nâu đen. Cây nhãn trông già quá, từ nhỏ, khi biết được mọi vật chung quanh mình, tôi đã thấy có nó rồi. Tuổi nó đến nay cũng phải gần năm mươi. Nó đã tạo nên mấy vết sẹo để đời trên người tôi và nó đã chứng kiến cả một thời tuổi trẻ xôn xao của tôi.

Còn ngôi nhà, cũ lắm rồi, nó đã được dựng lên hơn một trăm năm. Nhà cất trên nền đá xanh cao khoảng một thước rưỡi, bên trong đổ đầy cát. Mái lợp ngói, vách ván, còn cột nhà đen mun, bề ngang lớn cả một vòng tay ôm.

Thềm nhà đá xanh, tôi đang đứng đây, vẫn còn cao lắm. Hơn ba mươi năm rồi, đứng lại chỗ cũ tôi vẫn còn cảm giác lao đao. Xích ra một chút, ngay mí thềm, đúng rồi, nhìn xuống sao tôi thấy còn chóng mặt như những ngày nào

*

Quyền ơi, em đâu rồi. Tiếng chị Sương kêu thật gấp, giọng chị trong trẻo và hiền hòa. Giọng chị lúc nào cũng vậy, ngay cả lúc chị giận, Quyền chưa thấy chị lớn tiếng với ai bao giờ.

Quyền biết chị Sương muốn làm gì rồi. Quyền đã mười tuổi, đâu còn nhỏ nhít gì, nhưng cứ mỗi chiều chị phải bắt Quyền tắm cho kỳ được. Chị nói Quyền chơi bẩn đạn, tạt hình, rồi chà lết dưới đất, dơ hết cả quần áo, mình mẩy. Chị thường bắt Quyền ra cầu nhủi sau nhà, cởi quần áo ra hết và đứng

tồng ngồng giữa trời. Chị múc nước sông xối lên người Quyền, gió thổi làm Quyền lạnh run.

Nghĩ tới đó, Quyền cảm thấy ngại ngùng. Quyền lần theo bậc thềm đến núp sau cột nhà phía bên đường hẻm. Tiếng chân chị Sương từ nhà sau đi lên. Chị đi quanh mấy bàn thờ và bộ ván gỗ. Quyền biết chị đang sục sạo tìm kiếm. Rồi chị ra ngoài hàng ba, coi Quyền có núp sau mấy cánh cửa hay không. Quyền không dám thở mạnh sợ chị bắt gặp.

Chị Sương tìm hoài không thấy Quyền, chị ra ngoài đường ngó trước ngó sau rồi kêu Quyền ơi ơi. Một lúc sau chị trở vào và đi về phía đường hẻm.

Quyền biết thế nào chị Sương cũng bắt gặp. Bậc thềm đá xanh nhỏ quá, bề ngang chỉ độ hai gang tay của Quyền, còn cột nhà bị tấm vách chiếm mất phân nửa rồi, không còn chỗ cho Quyền núp được. Chỉ còn một cách phải nhảy qua bậc thềm nhà bà Ba bên cạnh. Nghĩ xong là làm liền, Quyền bậm môi phóng qua. Nhưng Quyền nhìn xuống, mặt đất sâu hun hút bên dưới mà khoảng cách hai bậc thềm lại quá xa. Quyền cố nhoài mình tới. Quyền chỉ kịp thấy bậc thềm đá xanh kề sát vào mặt mình rồi chung quanh tối sầm lại.

Khi Quyền tỉnh dậy thì trời tối hẳn rồi. Quyền cảm thấy nhức nhối ở mũi và gò má bên trái. Quyền sờ thấy cả mặt bị băng lại. Chung quanh tối lờ mờ, chỉ có cây đèn hột vịt để trên bàn. Quyền bị đau nhưng không dám khóc. Giờ này chắc ba đi đánh cờ tướng hay uống rượu với mấy ông bạn, còn má chắc nhập bọn với các bà hàng xóm chơi tứ sắc rồi. Ba má đi tự hồi chiều đâu có hay Quyền té chết giấc. Chỉ còn chị Sương thôi. Quyền kêu lên, chị Sương ơi, chị Sương đâu rồi. Quyền há miệng lớn quá nên cảm thấy đau buốt trên mặt. Nhưng Quyền không muốn khóc, sợ chị Sương lo.

Chị Sương từ nhà bếp hấp tấp chạy lên. Chị mừng rỡ ôm lấy Quyền hun lấy hun để. Những giọt nước mắt nóng hổi của chị rơi trên trán Quyền. Chị nói, em tỉnh lại rồi, em không sao, em không sao. Quyền cảm thấy thương chị quá. Quyền nắm tay chị, em đâu có bị gì, em đói bụng quá. Chị Sương ấn vào tay Quyền trái mận thật lớn, em ăn đi để chị đi lấy cháo cho em. Quyền nắm lấy tay chị, bàn tay chị mềm và lạnh quá. Quyền nói, chị đừng lo, em không bị gì hết, em không cho ba má biết đâu. Quyền cảm thấy bàn tay chị Sương rung mạnh khi Quyền nhắc tới ba má. Quyền biết ba má thương Quyền, nhứt là ba. Quyền sẽ giấu không cho ba má biết. Quyền sẽ ngủ quay mặt vào trong, ba má làm sao biết được.

Chị Sương đem cháo lên đút cho Quyền. Mùi cháo cá thơm, vị ngọt, nhưng nóng quá. Chị Sương phải thổi nguội từng muỗng rồi đút cho Quyền. Chị cho Quyền ăn thật chậm rãi, nâng niu từng muỗng cháo. Quyền bị đau trên mặt và mũi, không há miệng lớn được nhưng chị Sương vẫn kiên nhẫn cho Quyền ăn hết một chén cháo. Chị nói, tối rồi em đừng ăn mận, coi chừng bị đau bụng, để mai hãy ăn. Quyền nghe lời chị. Quyền lúc nào cũng nghe lời chị. Quyền không dám cãi chị.

Ngọn đèn hột vịt cháy leo lét trên bàn. Ánh sáng chiếu lung linh và mờ nhạt. Quyền thấy khuôn mặt chị Sương vừa đẹp vừa buồn bã. Chị ngồi gần Quyền, mặt chị xoay ngang. Da mặt chị thật trắng. Quyền thấy khuôn mặt chị nổi rõ lên trên bóng tối chung quanh. Chị vuốt đầu Quyền thật trìu mến, nhưng mắt chị cứ nhìn vào bóng chị chờn vờn trên vách. Ánh mắt chị trông xa vắng quá. Chị ngồi kế bên nhưng Quyền cứ tưởng như chị đang thả hồn đi đâu đó, thật xa.

Quyền nắm bàn tay chị đang để trên vai. Hai chị em cứ im lặng như vậy, lâu lắm. Quyền nhắm mắt nhưng không ngủ. Cơn đau trên mặt làm Quyền không thể ngủ được. Quyền cắn răng không rên la. Quyền là con trai và không muốn chị Sương phải lo sợ.

Một lúc sau chị Sương rút nhẹ bàn tay ra. Quyền biết chị xuống bếp để nấu nước cho ba. Tối nào cũng vậy ba về khuya và hay uống trà. Chị Sương phải để sẵn nước sôi cho ba. Quyền không dám giữ chị lâu bên giường. Quyền muốn chị đi ngủ sớm.

Bóng tối trong nhà hình như dầy đặc hơn sau khi chị Sương đi khỏi, ánh sáng của ngọn đèn dầu yếu quá nên cảnh vật chung quanh càng thêm mờ nhạt. Tiếng thằn lằn chắt lưỡi càng nhiều và tiếng kêu của con kỳ nhông hằng đêm cũng lớn hơn. Hình như nó đang vươn cái cổ dài màu xanh lẫn màu máu bầm lên, dựng những cái gai nhọn và hả miệng để phát ra âm thanh vừa khàn vừa chát chúa. Chưa hết, những con mèo đêm cứ rượt nhau, cào cấu, gừ gừ nho nhỏ. Thỉnh thoảng có một con kêu lên thảm thiết hay rên rỉ như một đứa trẻ lạc mẹ trong đêm. Tiếng kêu của chúng thật trong và não nuột làm Quyền cảm thấy sợ hãi.

Phòng Quyền ở nhà trên, nằm ngay bên tay phải của bực thềm từ nhà sau bước lên nhà trước. Căn nhà này quá rộng. Phần nhà trước có vách ngăn làm hai. Phía trước để bàn thờ ông bà. Quyền thấy ba má để hình của nhiều người mà Quyền phải gọi là sơ, là cố. Những người có đôi mắt sánh long lanh, mười móng tay dài và cong quắp lại. Ban ngày, mỗi lần trông thấy Quyền còn kinh sợ huống chi là ban đêm. Còn phần sau của nhà trước chia làm hai phòng ngủ. Phòng của Quyền bên phải còn phòng của ba má ở bên trái. Nhà trước cách biệt với nhà sau bởi một chiều cao hơn một thước, nó cao đủ cho Quyền có thể té sặc máu mũi. Nhà sau thấp hẳn xuống và rộng mênh mông. Đó là giang sơn của những con mèo hoang kêu thét, chuột kêu rúc rích, thằn lằn chắt lưỡi, và kỳ nhông gào khản cổ trong đêm. Và đó cũng là giang sơn của chị Sương, ngày cũng như đêm. Chị ngủ trên bộ ván ở nhà sau, cạnh bếp, giữa bóng tối mịt mù và giữa những tiếng kêu gào quái gở ấy. Chị phải ngủ dưới đó, chỗ của chị gần bếp để tiện việc nấu nướng.

Đêm tối làm Quyền lo sợ, có lẽ cơn đau làm Quyền không ngủ được nên tưởng tượng ra nhiều chuyện kinh khủng. Mọi đêm Quyền vẫn ngủ một mình, đâu có sao. Nhưng đêm nay Quyền muốn có chị Sương bên cạnh. Quyền sợ tiếng con mèo kêu giống tiếng đứa trẻ đi lạc khóc lóc trong đêm.

Quyền sợ tiếng con kỳ nhông khàn khàn lẫn với tiếng gió sông rít qua kẽ vách. Quyền nghe tiếng mấy con chuột đang gặm vách bồ lúa ở nhà sau rồi rượt đuổi, cắn nhau chí chóe. Quyền lại nghe được tiếng chị Sương khua động mấy cái chén từ phía nhà bếp. Quyền không dám ngủ một mình nữa. Quyền phải đi tìm chị Sương.

Quyền bỏ dép, đi lần xuống nhà sau. Nền gạch tàu mát lạnh. Chung quanh tối quá nhưng Quyền không bị vấp té. Quyền đâu cần ánh sáng. Quyền đã quen thuộc chỗ để từng cái bàn, cái ghế trong nhà.

Vách nhà sau làm bằng ván có nhiều kẽ hở nên gió thổi luồn vào thật mát. Hình như trăng bên ngoài sáng lắm. Trăng chiếu vào làm thành từng vệt sáng trên mấy tấm gạch tàu. Ánh sáng trăng khiến Quyền nhớ đến ngày Trung Thu. Chỉ còn một tháng nữa thôi.

Quyền đi rón rén ra sau bếp. Chắc chị Sương sẽ giật mình khi thấy Quyền. Chị giận nhưng không la Quyền. Có một lần Quyền sợ ma, lén xuống bếp với chị Sương. Chị làm bộ sụ mặt nhưng cũng ôm Quyền vào lòng. Hai chị em nhìn lửa reo tí tách và nhảy múa trong lò. Bóng hai chị em chập chờn trên vách. Quyền ngồi gần lò lửa, ánh sáng chiếu bóng Quyền lớn hơn của chị Sương. Quyền nói, không cho ba má đánh chị Sương nữa và khi lớn sẽ đi làm nuôi chị. Hai chị em cứ ngồi như vậy cho đến khuya.

Đêm nay Quyền vừa bị vết thương hành lại vừa sợ ma, Quyền tìm chị Sương để được chị vỗ về, an ủi. Quyền đi chân không nên chị Sương không hay biết. Trong bếp còn ánh lửa, chắc chị Sương đang nấu nước, pha trà cho ba.

Quyền đi đến gần cửa. Ánh lửa chiếu bóng chị Sương lên vách nhà sau. Nhưng Quyền đứng lại, Quyền thấy bóng chị Sương lạ quá. Hình như có bóng một người nữa. Hai cái bóng chập chờn với nhau giống như chị Sương và Quyền ngồi trong đêm trước. Ánh lửa lao chao kéo hai cái bóng khi dài khi ngắn, khi lớn hẳn ra, khi thu nhỏ lại. Dù thay đổi như thế nào đi nữa hai cái bóng vẫn dính chặt vào nhau.

Trong bếp có tiếng chị Sương và một người nữa xầm xì với nhau. Quyền rón rén bước lại gần rồi nhìn qua kẽ vách. Quyền thấy một người đàn ông đang ngồi ôm ngang lưng chị Sương. Anh ta quay lưng lại nên Quyền chỉ thấy mái tóc ngắn và hai vai rộng của anh dưới lần vải đen mốc bị rách loang lổ. Quyền không thấy mặt nhưng biết người đàn ông ấy là anh Của, con bác Tư ở bên vựa lúa. Dòng họ bác Tư làm tá điền cho gia đình Quyền từ mấy đời qua, nghe đâu từ thời ông nội Quyền còn nhỏ. Bây giờ đến đời anh Của cũng vậy. Gia đình anh được ông nội Quyền cho lấy một gian của vựa lúa làm nhà ở. Anh Của làm mọi việc nặng nhọc cho gia đình Quyền, từ ngoài cho tới trong nhà.

Quyền không ưa anh Của mặc dù anh rất tử tế với Quyền. Anh là người khỏe mạnh, làm việc siêng năng. Tính anh chân thật, tốt bụng, hay giúp đỡ mọi người. Nhưng Quyền không thích anh. Có lẽ vì tướng anh ô dề và kệch

cợm. Mặt anh vuông, cằm bạnh, tóc ngắn và cứng. Mí mắt bên trái anh bị tật, kéo xuống thấp nên nhỏ hơn mắt bên phải. Mũi anh to, hai cánh mũi phồng ra, môi anh dầy và thâm xì vì khói thuốc rê. Điều quan trọng nhất, Quyền biết rõ, tại sao Quyền không ưa anh Của, tại anh có cảm tình với chị Sương. Ngược lại, hình như chị cũng ưa anh Của.

Chị Sương của Quyền dẹp lắm. Khuôn mặt chị thon đều dặn, mắt to đen láy. Da chị trắng, mũi chị cao và thẳng đều. Tóc chị đen mượt và phủ dài xuống quá vai. Vóc dáng chị lại thon nhỏ. Anh Của không xứng với chị chút nào.

Quyền ghét anh Của. Mỗi lần anh qua nhà múc nước sông, đổ vào lu để lóng phèn, anh hay mang cho chị Sương các thứ như me ngào đường, mận hồng đào, bánh tráng kẹp đường . . . Ba má không biết chuyện đó nhưng Quyền biết. Có lần chị Sương lấy gói me ngào đường của anh Của đem cho Quyền. Chị không nói gói me ấy của ai, nhưng Quyền biết và ném nó xuống sông.

Đêm nay Quyền thấy anh Của ôm chị Sương trong bếp. Hai người ngồi im lặng thật âu yếm. Chị Sương gục đầu vào vai anh Của, hai tay chị còn ôm vòng qua lưng anh. Quyền cảm thấy tức nghẹn trong lòng. Quyền không cho phép anh Của làm như vậy. Chị Sương thuộc riêng Quyền, hơn nữa anh Của xấu quá, không xứng với chị. Quyền ôm mặt khóc nhưng không dám phát ra tiếng. Quyền trở về phòng, khóc mùi mẫn và tức hận anh Của vô cùng.

Tới khuya, Quyền giật mình tỉnh dậy. Quyền mới biết đã ngủ thiếp đi trong sự đau khổ. Trên mặt Quyền còn ướt nước mắt. Quyền nghe tiếng kêu khóc của chị Sương từ dưới bếp vọng lên. Quyền mừng thầm vì tưởng ba má đã khám phá ra chuyện chị hẹn hò với anh Của. Nhưng không, xen trong tiếng roi quất và tiếng chị Sương lăn lộn van xin, Quyền nghe tiếng ba má chửi mắng chị là đồ hư thân mất nết, không lo chăm sóc cho em, để em té bị thương như vậy. Quyền nhớ ra, lúc Quyền ngủ quên chắc ba má về rồi soi đèn thấy mặt Quyền sưng húp, mặt lại ướt đẫm nước mắt. Ba má nghĩ rằng Quyền bị té đau lắm và khóc cả trong giấc ngủ.

Tiếng chị Sương khóc thảm thiết quá. Quyền muốn chạy ra van xin ba má để chị không bị đòn nữa, nhưng Quyền nhớ tới chuyện anh Của. Quyền cắn răng nằm yên mặc dù Quyền thương chị Sương lắm. Mỗi tiếng la của chị làm Quyền cảm thấy đau đớn đến chảy nước mắt.

Ba má đánh và chửi mắng chị Sương lâu lắm, Quyền nghe tiếng roi vun vút cho tới khi ngủ thiếp đi.

*

Mưa rơi thật đều đặn đan thành màn nước che kín cả mọi vật. Mưa liên tục như nước chứa trên cao không bao giờ hết. Bầu trời trắng xám và gió vần vũ tạt những hạt nước nhỏ vào trong cả hàng ba. Tôi lui vào trong. Nước vẫn không tha. Nước chảy qua những mảnh ngói nứt nẻ nhểu xuống thành từng giọt trên nền gạch.

Nền gạch tàu đã bị bể nát và bị gỡ đi quá nhiều, để trơ lại màu cát vàng nâu lẫn đầy rác rến. Mấy cây cột nhà ngày xưa đen mun nay bị đổi màu xám mốc và bị trẻ nhỏ gạch rách nát cả.

Tôi đi lần vào trong. Vách nhà trước đã bị mọt ăn loang lổ. Tấm biển ghi tên dòng họ bằng chữ Hán, sơn son thếp vàng không còn trên cửa chánh nữa. Thay vào đó, một tấm bảng khác cũng viết bằng chữ vàng trên nền đỏ "Tổ Hợp Nhựa Tre Đan", nằm im lìm dưới mái ngói và giữa mấy mạng nhện. Căn nhà từ đường của dòng họ đã trở thành một tổ hợp thủ công nghệ quốc doanh. Căn nhà truyền qua bao nhiêu đời, hơn một trăm năm giờ đã bị đổi chủ, đổi tên. Nhưng dù qua bao thay đổi nó vẫn mang đầy thương tích dĩ vãng của một thời. Từng dấu trầy trên vách gỗ, từng viên gạch vụn, và trên mỗi dấu chứng trên mình nó vẫn giữ nguyên vẹn kỷ niệm của ngày xưa.

Chung quanh yên lặng quá. Không một tiếng động nào khác ngoài tiếng mưa rơi. Ngôi nhà trơ mái ngói và những cây cột cũ kỹ như ôm lại đứa con lạc lõng trở về.

Tôi vòng qua đường hẻm đi ra phía sau. Nền đá xanh hai bên vẫn nguyên vẹn với từng tảng đá lớn và rêu xanh bao phủ. Nhà sau không còn nữa. Người ta đã phá bỏ hoàn toàn phần sau của ngôi nhà và lấy hết số gạch tàu lót nền. Trên phần đất rộng lớn đó bây giờ chỉ có những hàng chuối sờn sơ, từng dãy khoai lang, và khoai mì mọc xen kẽ.

Gió sông đưa lên lồng lộng. Những tàu lá chuối bị thổi quần quật dưới mưa rơi. Tôi bước ra giữa trời, mưa lạnh sao bằng cơn lạnh trong lòng tôi.

Chợt một miếng gạch vỡ vừa nhô cạnh ra bên vồng khoai lang. Màu gạch từ đỏ nâu đã biến thành đen sậm. Cơn mưa tầm tã đã dội lớp đất nâu đi nên miếng cạnh mới có dịp lộ ra.

Tôi cầm miếng gạch lên. Nó lớn cỡ bàn tay, hình tam giác. Nó chính là một góc vỡ từ một viên gạch. Nó nhỏ quá, không thể làm gì được nên người ta vứt bỏ ở đây. Tôi lật miếng gạch qua mặt kia. Trên nền gạch màu nâu đen hiện ra hai chữ nhỏ "Sương-Của". Chữ sắc nét và sâu xuống mặt gạch nên mưa nắng qua bao nhiêu năm vẫn không làm phai nhòa.

Miếng gạch và hai chữ quen thuộc quá . . .

*

Cháy . . . cháy . . . Ngọn lửa phụt lên miếng giấy kính của đèn kéo quân rồi lan ra thật nhanh. Quyền chỉ kịp la lên hai tiếng thì lửa đã bao trùm cả cái đèn. Tiếng la của Quyền kéo chị Sương chạy đến. Chị quì xuống, chụp nùi giẻ lên đèn kéo quân để dập tắt lửa. Chị hấp tấp trùm miếng vải rách ấy lên cái đèn, miệng chị cố thổi cho tắt ngọn lửa. Quyền thấy lửa táp vào tay chị Sương nhưng chị chưa cảm thấy đau. Hơi nóng làm khuôn mặt chị đỏ hồng. Quyền sợ chị bị phỏng, Quyền la lên, chị bỏ nó đi, nó cháy hết rồi. Quyền lay vai chị nhưng sức Quyền yếu quá nên không cản được chị.

Ngọn lửa vẫn cháy mạnh. Chị Sương thúc dục, em đi lấy nước, mau đi em. Quyền định chạy đi nhưng sực nhớ cái đèn này do anh Của làm. Anh ấy tặng

nó cho Quyền nhân dịp lễ Trung Thu. Bây giờ nó thuộc về Quyền, nó là món đồ chơi của Quyền, đang lẽ Quyền phải giữ gìn nó. Nhưng dù sao nó vẫn là thứ do anh Của làm ra.

Quyền đã thấy lửa bén vào giấy kính mà Quyền cứ chần chờ cho đến khi ngọn lửa bùng lên thật mạnh. Lúc Quyền kêu cứu thì cái đèn bị cháy hơn phân nửa rồi. Bây giờ chị Sương đang cố sức cứu nó, Quyền biết chị yêu quí cái đèn cũng như chị muốn gìn giữ tất cả những gì thuộc về anh Của. Như vậy Quyền phải đốt cháy nó.

Chị Sương ngước đầu lên, sắc mặt chị vừa hoảng hốt vừa ngạc nhiên. Quyền thấy khuôn mặt chị đỏ hồng, da lấm tấm mồ hôi. Quyền tội nghiệp chị quá, sao chị muốn giữ cái đèn này. Quyền la lên, tại sao chị phải cứu nó? Chị Sương đáp trong tiếng khóc, cái đèn của em mà, nó là của em, chị phải giữ nó cho em. Quyền lớn tiếng nói, anh Của làm ra nó nên chị muốn giữ nó mà. Quyền vừa nói xong thì sắc mặt chị Sương càng đỏ hơn nữa. Chị ngồi bật ra sau, đáp vội, không phải đâu, chị muốn giữ nó cho Quyền, chị muốn giữ nó cho em mà.

Hai mắt chị Sương nhắm lại và nước mắt chảy giàn giụa xuống má. Quyền ôm lấy chị an ủi, chị đừng giận em, chị đừng buồn nghe, chị nói anh Của làm lại cái khác cho em. Chị Sương mở mắt ra, ánh mắt chị vui rạng rỡ, em không giận anh Của phải không? Quyền ôm đầu chị Sương, gật đầu, hai cánh tay nhỏ xíu của Quyền chỉ quàng đủ qua bờ vai chị. Quyền thương chị quá. Quyền gật đầu, em không giận anh Của đâu. Miệng Quyền nói vậy nhưng Quyền lại nghĩ rằng, nếu anh Của làm lại cái đèn kéo quân khác, Quyền không đốt nó nhưng Quyền không thèm chơi nó.

Tối hôm đó Quyền phụ chị Sương lấy mỡ thoa lên hai bàn tay chị. Da tay chị bị phỏng từng mảng đỏ, có chỗ nổi phồng thành bong bóng nước. Quyền tội nghiệp cho chị Sương, có thể chị lo cho cái đèn của Quyền, chớ thật sự chị không nhớ tới anh Của. Quyền đã giận lầm chị.

Mấy ngày sau, chị Sương có vẻ ít nói. Chị vẫn thương Quyền, hay ôm Quyền vào lòng, nhưng chị không vuốt đầu Quyền vì hai bàn tay chị bị nhiễm trùng. Da tay chị nổi những mụn mủ và những chỗ cháy xém làm chị bị đau rát nhiều lắm. Chị Sương và Quyền không dám cho ba má biết. Lần trước chị bị một trận đòn như tử vì để Quyền té sặc máu mũi đến chết giấc. Đến bây giờ hai chị em còn sợ.

Từ đó mỗi ngày Quyền giúp chị Sương rửa chén. Hai chị em ra cầu nhỏ sau nhà. Mùa mưa nước sông lên cao, lòng sông trở nên rộng mênh mông. Nhìn qua bên kia, Quyền chỉ thấy lờ mờ phố chợ và có người qua kẻ lại. Nước sông trôi mạnh nên chị Sương sợ lắm. Không phải chị sợ cho chị vì chị lội giỏi lắm. Mỗi khi chị tắm, chị kẹp tóc cao lên, cột chéo áo, túm hai ống quần lại rồi lặn hụp, bơi theo dòng nước thật dễ dàng. Quyền biết chị Sương sợ cho Quyền. Nước chảy mạnh như vậy mà để Quyền lọt xuống sông thì khó cứu lắm. Quyền có mệnh hệ nào thì chị buồn lắm và ba má sẽ giết chị.

Vì nước sông lớn nên Quyền năn nỉ mãi chị Sương mới cho phép Quyền giúp chị rửa chén. Cầu nhủi dốc và trơn nên chị cột tay Quyền vào tay chị để phòng khi Quyền có té xuống sông thì không trôi đi được.

Nhờ Quyền giúp việc rửa chén, vo gạo, chị Sương không phải nhúng tay vào nước nên vết thương chị lành mau. Những vết thương mưng mủ cũng thu nhỏ dần, nhưng sao chị vẫn mệt nhọc. Anh Của hay lén đi mua thuốc về cho chị. Quyền lấy tiền bỏ trong ống heo đưa cho chị.

Nhưng bệnh tình của chị Sương hình như không thuyên giảm. Chị ốm dần và xanh xao. Chị hay ụa mửa và hay ăn các trái chua như cóc, ổi, xoài. Anh Của cứ lén lút mua mấy thứ đó bỏ vào cái khăn rằn rồi tối tối đem qua cho chị. Quyền lo sợ lắm cứ hỏi khi nào chị hết bệnh. Chị Sương cứ nói sẽ hết rồi ngồi im lặng vuốt tóc Quyền. Chị dặn Quyền không được nói cho ba má biết chị bị bệnh. Chị hăm Quyền, nếu ba má biết sẽ đánh chị như đêm đó. Quyền sợ lắm nhưng Quyền vẫn lo có chuyện gì xảy ra giữa chị và anh Của. Chị Sương hay khen anh Của và khuyên Quyền đừng ghét anh Của. Nhưng Quyền vẫn ghét anh và Quyền không muốn anh gặp chị Sương nữa.

Rồi chuyện gì cũng không thể giấu lâu được. Ba má không biết chị Sương bị bệnh nhưng biết chị yếu sức và cả chuyện anh Của hay qua lại với chị. Ba má cấm hẳn anh Của không được bén mảng đến cửa nhà.

Vựa lúa, nơi anh Của ở, cách nhà một khoảng sân rộng lót gạch tàu. Sân này dùng để phơi lúa hay cho mọi việc khác. Chính giữa sân bị trũng xuống nên mỗi khi mưa xuống, nước dọng lại như cái ao nhỏ. Quyền hay nhìn mưa rơi lăn tăn trên mặt hồ tạm bợ ấy để chờ khi dứt cơn mưa, chị Sương sẽ làm thuyền giấy cho Quyền. Sau cơn mưa nước trong ao ấy trong vắt, gió lại thổi nhè nhẹ nên mấy thuyền giấy của Quyền trôi rất đẹp mắt.

Kể từ khi ba má biết được chuyện liên hệ của anh Của và chị Sương, cái sân gạch ấy trở thành vật chia ly hai người. Anh Của không được vượt qua khỏi chỗ trũng ở giữa sân, ngược lại chị Sương cũng vậy. Chỉ có Quyền được tự do. Quyền có thể đi bất cứ đâu. Quyền hay qua xem bác Tư đan rổ, giỏ, hay làm cần câu. Mỗi lần Quyền sang anh Của làm bộ hỏi bóng gió thăm chị Sương. Anh cho Quyền xoài, ổi xá lị, hay mận hồng đào. Lần nào anh cũng cho thật nhiều vì anh biết Quyền sẽ cho chị Sương. Quyền biết hết mọi chuyện nhưng Quyền vẫn không ưa anh Của được.

Chị Sương càng ngày càng xanh xao và buồn bã. Tối nào Quyền cũng xuống bếp ngồi chơi với chị Sương. Quyền ngồi trong lòng chị, nhìn lửa nhảy múa trong lò. Chị để dành những củ khoai lang dương ngọc để lùi tro cho Quyền. Chị hay vuốt tóc Quyền và hỏi, Quyền có thương chị không? Chị đâu cần hỏi như vậy. Quyền thương chị hơn thương ba má nữa. Chị la, đừng nói hỗn. Giọng chị nghẹn lại và nước mắt cứ tuôn. Quyền không biết tại sao chị khóc. Quyền cầu mong sao cho chị mau hết bệnh.

Năm nay trời lạnh sớm hơn mọi năm. Mới qua Trung Thu mà gió buốt căm căm. Buổi sáng sương xuống thật nhiều và trời lại sụp tối sớm. Ngoài

sông nước lên cao ngập lên tận thềm nhà sau. Đất cũng bị soi lở rất nhiều. Chỗ cầu nhủi, đất bị nước sói mòn trơ ra mấy cột cây và mấy miếng ván bị sụp xuống. Nhờ chuyện đó anh Của mới được phép sang bên nhà. Ba cho gọi anh qua để tấn cây và vét bùn đắp bờ. Anh làm hùng hục từ sáng đến chiều mà không hề than vãn. Còn chị Sương rút trong bếp, không dám ló mặt ra ngoài. Đến bữa cơm, ba bắt anh Của về nhà bác Tư ăn, ba không cho phép anh có dịp gặp mặt chị Sương và bắt Quyền phải theo canh anh chị.

Qua vụ đất lở, anh Của không còn dịp nào qua bên nhà nữa còn chị Sương càng lúc càng sầu thảm hơn. Quyền thấy chị ngồi yên trước lò lửa hàng giờ, hay mỗi chiều chị ra ngồi bên cây liễu ở bờ sông.

Một buổi tối đợi lúc ba má ra khỏi nhà, chị Sương kêu Quyền vào bếp. Quyền thấy sắc mặt chị tái nhợt, mắt chị thâm quầng, còn người chị thì tiều tụy quá. Chị ôm Quyền mà khóc. Nước mắt chị làm ướt một bên mặt Quyền.

Đêm đó trời thật lạnh và gió quá nhiều. Nhà sau đã được đóng kín cửa rồi nhưng gió cứ luồn qua kẽ vách, rít lên từng hồi. Sóng ngoài sông cũng mạnh lắm, đập ầm ập vào bờ.

Quyền ôm chặt chị Sương. Quyền thấy vẻ mặt chị nhớn nhác như sợ hãi một điều gì. Chị nói, em có thương chị không. Quyền gật. Chị hỏi tiếp, em thương chị thì có muốn giúp chị không. Quyền lại gật. Chị nâng đầu Quyền lên rồi hun vào một bên má Quyền, chị nói, chị thương em lắm, em biết không. Quyền gật đầu nữa. Chị Sương tiếp, chị cũng thương ba má lắm.

Quyền nghe giọng chị Sương nhỏ và trầm xuống, tiếng chị nói ngay bên tai sao Quyền nghe như tiếng chị vang rền từ xa. Giọng chị lại thảm thiết quá. Quyền sợ đến khóc nấc lên. Chị Sương dỗ dành, em là con trai, không được khóc, nhớ chưa. Quyền nín khóc. Quyền nghe lời chị.

Hai chị em ôm nhau như vậy thật lâu, mặc cho gió gào và sóng vỗ bên ngoài. Rồi chị Sương ngồi xuống bên bếp lửa, ôm Quyền vào lòng. Quyền không biết thời gian trôi qua bao lâu đến khi chị Sương đánh thức Quyền dậy thì vẫn hai người còn ngồi bên lò. Lửa vẫn reo tí tách.

Chị Sương đưa cho Quyền một phong thư, chị nói, em giúp giùm chị. Quyền ngạc nhiên hỏi, thư gì vậy? Chị đáp, thư của chị mà, chị nhờ em đưa cho anh Của. Quyền nhổm người dậy, Quyền không muốn chị làm như vậy. Quyền nói, ba má dặn chị rồi mà, đừng liên lạc với anh ấy nữa. Chị Sương ôm chặt Quyền, chị khóc, em làm ơn giúp giùm chị. Tiếng khóc chị nghe sầu thảm quá làm Quyền không nỡ từ chối. Nước mắt chị lại chảy giàn giụa lên mặt Quyền.

Cuối cùng Quyền nhận lời giúp chị Sương. Quyền hứa sẽ đưa lá thư đó cho anh Của. Chị Sương mừng lắm, chị hun Quyền như thể lúc Quyền còn nhỏ, mặc dù lúc ấy Quyền đã mười tuổi rồi.

Chị Sương mở cửa cho Quyền. Bên ngoài quá lạnh, gió thật nhiều. Sân gạch trở nên rộng mênh mông trong bóng đêm. Quyền cũng sợ ma nhưng Quyền đã hứa giúp chị Sương rồi. Quyền phải đi.

Quyền nhắm mắt chạy ù qua sân gạch. Khuôn mặt sầu thảm của chị Sương chợt hiện ra trong bóng tối làm Quyền cảm thấy sợ hãi, hình như chị định làm điều gì ghê gớm lắm. Quyền linh cảm sẽ mất chị vào tay anh Của.

Bước chân Quyền chậm lại. Vựa lúa hiện ra lờ mờ trong bóng đêm. Quyền tiến đến phía cửa, gõ nhè nhẹ. Có tiếng bác Tư hỏi, ai đó? Quyền đáp, con là Quyền đây. Bác hỏi, trời lạnh lắm sao cậu chạy qua đây. Giọng bác lo lắng lắm.

Cánh cửa mở hé ra rồi bác Tư hối, cậu trở về mau, cậu bị bệnh thì tụi tui bị rầy chết. Quyền đáp nhanh, anh Của đâu rồi? Bác Tư đáp, nó đây. Cánh cửa mở ra rộng hơn và anh Của ló đầu ra. Mái tóc sù sụ và khuôn mặt vuông của anh làm Quyền cảm thấy chán nản. Cơn bực tức trong lòng Quyền chợt dấy lên. Quyền cảm thấy ghét anh quá.

Anh Của hấp tấp hỏi, chuyện gì vậy cậu? Bỗng dưng Quyền đổi ý, không muốn đưa bức thư đó cho anh Của nữa. Quyền nhanh nhẩu đáp, chị Sương nói đã khỏe lại rồi. Câu trả lời của Quyền làm anh ngỡ ngàng. Anh hi vọng một điều gì khác hơn và quan trọng hơn điều đó. Anh im lặng một lúc rồi nói, cậu chờ một chút. Anh Của quay vào rồi trở ra đưa cho Quyền một cái kẹp tóc bằng tre. Anh nói, nhờ cậu đưa cái này cho chị Sương. Quyền gật đầu rồi quay lưng chạy trở về.

Quyền giấu lá thư vào trong lưng quần. Chị Sương đang chờ bên cửa. Chị im lặng ôm Quyền vào lòng. Quyền khẽ dúi cái kẹp vào tay chị rồi lẳng lặng đi lên nhà trên. Quyền biết chị Sương vui lắm, nhưng chị đâu biết Quyền đã phụ lòng tin của chị.

*

Cơn mưa vẫn rỉ rả nhưng gió đã dịu dần đi. Ngoài sông, nước lên cao nhưng chảy chậm. Lòng sông phẳng và rộng mênh mông. Màn mưa vẫn đan kín trên mặt nước. Tôi nhìn ra, sông, nước và mưa làm thành một màu bạc trắng. Bên kia sông chìm khuất sau mưa. Chỉ có một màu trắng xóa từ sông cao lên đến trời.

Mưa như tự nghìn xưa đổ về. Nước còn dọng mịt mù trên những đám mây trắng trên cao kia và nước còn rơi như không bao giờ muốn dứt.

Trên bãi đất của kỷ niệm một thời chỉ còn những tàu lá chuối đong đưa, những hàng khoai mì trơ trọi, và những luống khoai lang nằm im lìm. Mưa hôm nay đâu có khác sao cảnh vật ngày xưa lại thay đổi quá nhiều.

Tôi đi lần xuống bờ sông, giữa trời, dưới mưa rơi và gió lạnh. Dòng sông kia vẫn chảy như tự bao giờ. Miếng gạch vỡ của chị Sương vẫn còn đây. Cây liễu bên sông vẫn còn đó, dáng buồn như chị ngày xưa.

*

Khi Quyền thức dậy thì mặt trời đã lên cao. Nắng chiếu qua khung cửa sổ rọi vào vách mùng, xua bớt khoảng tối mông lung bên trong. Quyền cảm

thấy mệt và nhức đầu quá. Đêm qua chắc Quyền khóc nhiều sau khi đọc bức thư của chị Sương, bây giờ hai mắt của Quyền nặng trĩu.

Quyền quơ tay tìm lá thư nhưng không thấy nó. Đêm qua Quyền giữ nó trong tay mà. Quyền ném tung mền gối, tốc mùng lên, giũ cả chiếu. Lá thư của chị Sương đâu rồi? Quyền sợ hãi chạy tuôn ra khỏi phòng.

Có tiếng xôn xao ngoài sân gạch. Quyền nhón gót nhìn ra. Đông người quá, có cả ba má Quyền nữa. Người ta đang ném đồ đạc của bác Tư và anh Của ra sân. Ba đang la hét xua đuổi gia đình bác Tư.

Quyền biết được ba má đã lấy bức thư của chị Sương trong mùng của Quyền và từ sáng tinh sương ba đã đuổi anh Của đi. Còn chị Sương. Quyền hấp tấp chạy xuống bếp. Chị Sương đang nằm gục bên đống củi. Tóc chị rũ rượi. Lưng áo chị rách bươm lộ rất nhiều lằn roi rướm máu trên làn da trắng nuột. Quyền ôm lấy chị Sương, khóc ngất. Thân thể chị mềm nhũn. Chị thở thoi thóp nhưng chị không khóc. Quyền gọi giật chị nhưng chị không trả lời. Quyền lay chị, vừa khóc vừa năn nỉ chị. Quyền biết chị Sương không tha lỗi cho Quyền. Chị nghĩ Quyền đã giấu lá thư rồi báo cho ba má biết. Quyền có mở thư ra đọc nhưng Quyền không cho ai biết. Quyền chỉ muốn chị đừng bỏ đi với anh Của chớ Quyền dâu có báo cho ba má biết.

Từ khi anh Của bị đuổi đi chị Sương không muốn nói chuyện với ai nữa. Ngay với Quyền, chị cũng không nói nhiều như trước. Nhưng Quyền biết chị vẫn thương Quyền rất nhiều. Chị thường ôm Quyền vào lòng, ngồi bên bếp lửa hàng giờ. Chị không nói gì và Quyền cũng không dám hỏi.

Cuối năm đó, rời trở lạnh nhiều. Nước sông lớn hơn mọi năm. Mỗi khi nước lên có nhiều loại rắn nước vào bờ. Nước dâng qua thềm nhà rồi khi rút xuống những loại rắn đó bị kẹt lại. Quyền sợ lắm. Chúng lớn cỡ ngón tay cái của Quyền và dài ngoằng. Chúng bò rất nhanh. Chị Sương không cho ai giết chúng. Chị cố giúp chúng thoát ra sông.

Càng gần tháng mười hai âm lịch, trời càng lạnh. Gió sông thổi lên giá buốt căm căm. Vách nhà làm bằng ván có nhiều kẽ hở nên trong nhà cũng lạnh như bên ngoài. Chị Sương ở riết trong bếp. Quyền thấy chị làm việc không ngưng nghỉ. Ngoài việc nấu nướng chị hay ngồi trên khúc cây cũ và lấy mũi dao khắc lên viên gạch hai chữ"Sương-Của". Nét dao tuy mềm và ẻo lả nhưng rất rõ nét. Quyền thấy chị khắc chữ trên gạch, chị cũng biết điều đó nhưng chị không giấu Quyền. Ánh mắt chị buồn thảm quá, mỗi khi nhìn chị Quyền chỉ muốn khóc. Bây giờ Quyền muốn anh Của trở về. Quyền muốn chị trở lại vui vẻ như xưa.

Nhưng điều mong ước của Quyền không bao giờ trở thành sự thật. Ba giao cho gia đình bác Tư canh tác phần đất rất xa, anh Của đã nghiện ngập rồi chết vì bệnh tật. Những người tá điền quen khi về thành kể lại cho chị Sương biết. Quyền thấy chị lặng im khi nghe tin đó. Chị không khóc mà cũng không lộ vẻ gì chứng tỏ chị xúc động. Quyền cũng mừng thầm.

Mùa lạnh năm đó chị Sương đan cho Quyền cái áo ấm màu xanh rất đẹp. Quyền thấy chị mệt mỏi quá, định can chị nhưng Quyền chưa dám nói. Vài tuần gần đây chị Sương hay bị mệt và đi chuyển chậm chạp lắm. Chị lấy cái khăn rằn quấn chặt ngang bụng rồi mặc áo phủ bên ngoài. Quyền không biết chị làm gì. Quyền nghĩ chị mệt nhọc quá và mỏi lưng nên phải làm như vậy. Cuối năm trời trở lạnh nhiều. Chị Sương cũng đan xong áo ấm cho Quyền. Đêm đó mưa thật nhiều, Quyền nhớ rõ chị Sương thức khuya lắm, chị phải làm đủ chuyện để chuẩn bị Tết. Mặc dù ngày Tết còn đến cả hai tháng mà ba má đã bắt chị Sương mua nếp, tìm lá chuối, dự trữ nước tro để làm củ kiệu. Quyền nhớ đêm khuya lắm mà chị còn làm việc dưới bếp. Quyền cứ ngồi trên khúc cây trong góc bếp. Mọi khi chị hay bắt Quyền trở lên phòng, phải ngủ sớm, nhưng đêm nay chị cứ để Quyền ngồi như vậy. Quyền ngủ gà ngủ gật. Có lúc Quyền giật mình tỉnh dậy, thấy chị Sương ngồi khóc. Quyền ngạc nhiên quá, anh Của đã đi gần hai tháng rồi. Lâu nay Quyền không hề thấy chị khóc. Quyền tưởng chị đã quên anh Của rồi.

Chị Sương thấy Quyền còn ngồi trong bếp, chị chẳng những không la mà còn cho Quyền theo chị ra sau nhà. Chị mở cửa sau trông ra sông. Đêm đó trăng tròn và sáng, bầu trời lại trong và nhiều sao. Nước sông lên lớn lắm, ngập lên tới tận thềm nhà. Hai chị em ngồi ngay ngưỡng cửa nhìn ra sông. Nước sông trải rộng mênh mông còn trăng sáng vằng vặc. Bờ bên kia chìm khuất trong màn đêm. Trời đất mở ra chỉ có trăng và nước.

Hai chị em ngồi trên bậc cây, nhúng chân xuống nước. Đêm lạnh nhưng nước ấm hơn Quyền tưởng. Quyền ngồi nép vào chị Sương, còn chị ôm choàng Quyền vào một bên hông. Mọi khi Quyền hay bắt chị kể chuyện đời xưa, nhưng đêm đó Quyền biết chị buồn lắm, Quyền muốn nói để chị vui nhưng không biết phải nói gì. Chị Sương thì buồn lắm. Quyền biết. Chị cứ ngồi khóc, nước mắt chị nhỏ xuống cánh tay Quyền. Rồi chị dặn dò Quyền rất nhiều chuyện. Quyền lắng nghe và vâng dạ.

Đến khuya chị Sương bắt Quyền đi ngủ. Chị ngồi bên giường cho đến khi Quyền ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau trời lạnh quá. Gió thổi qua mấy kẽ vách vào trong nhà làm Quyền bị lạnh run lên. Quyền không ngủ được. Quyền nhớ chị Sương, không biết chị đã hết buồn chưa. Quyền để dành được một số tiền, Quyền sẽ nhờ má mua vải may áo cho chị.

Quyền ra khỏi giường. Trong nhà sao im lặng quá. Ba má thường về khuya nên thức dậy trễ. Chỉ có chị Sương, lúc nào cũng đi ngủ trễ nhưng lại thức dậy sớm. Mọi khi, từ sáng sớm Quyền đã nghe tiếng chị khua động dưới bếp rồi.

Sáng nay sao không nghe tiếng động nào ngoại trừ tiếng gió rít qua kẽ vách. Sự yên lặng làm Quyền lo sợ.

Quyền đi xuống bếp. Không có ai cả. Lò lửa lạnh tanh. Chị Sương đâu rồi. Không ai nhúm lửa trong bếp. Chị Sương đâu. Chị Sương. Quyền kêu lên thất thanh. Quyền chạy qua phòng chị. Mền gối còn để y nguyên trên giường.

Chị Sương đâu rồi. Quyền chạy lung tung trong nhà. Làm sao có chị Sương để Quyền gặp. Chị Sương đâu rồi. Quyền sợ hãi sắp khóc lên.

Quyền chạy ra cửa sau. Cánh cửa chỉ khép hờ. Quyền mở tung cửa. Gió sông thổi lên lồng lộng. Bờ sông vắng lặng. Nước đã rút xuống thấp. Cầu nhủi nằm trơ vơ trên bãi sình.

Quyền nhìn qua cây liễu bên bờ sông. May quá. Chị Sương ngồi đó, dựa vào thân cây. Chị mặc nguyên bộ đồ trắng, tóc chị xõa ra tung bay theo gió. Quyền la lên, chị Sương. Chị không quay lại. Quyền kêu tiếp, chị Sương. Chị vẫn ngồi im lặng. Quyền bước ra ngoài. Nước sông đã rút nhưng để lại lớp bùn trơn trợt trên lớp đất ướt làm Quyền té nhào, suýt rơi xuống sông. Quyền nhoài người dậy, vừa cố bước tới vừa gọi, chị Sương.

Chị ngồi im, vẫn dựa vào gốc liễu, chị quay lưng lại nên Quyền chỉ thấy người chị nghiêng qua một bên, tóc chị bay bay trong gió. Tóc chị đen và màu áo chị trắng toát. Lá liễu xanh rờn trong màn sương trắng dục cứ phủ lòa xòa xuống vai chị.

Quyền nhổm dậy, lại trợt té lần nữa. Bùn nhão nhoẹt. Quyền lại hấp tấp nên cứ trợt hoài. Cả người Quyền lấm bùn lem luốc. Quyền kêu lên trong tiếng khóc, chị Sương, chị Sương. Mặc cho Quyền kêu, chị vẫn ngồi im lặng.

Quyền bò lê trên bùn tiến dần về phía cây liễu. Hai tay Quyền run bần bật, chân Quyền muốn rũ liệt. Quyền cố lết gần chị Sương.

Khi bàn tay Quyền với tới vai chị Sương thì cả người chị ngã ngửa ra sau. Mặt chị tái nhợt, mắt nhắm nghiền lại, và tay chân chị đã giá lạnh. Chị Sương ơi! Tại sao vậy?

*

Mưa còn rơi. Ngoài sông, nước vẫn chảy lặng lờ. Mặt sông phẳng và đầy bong bóng nước. Cầu nhủi bên bờ chỉ còn trơ mấy cây cột trên bãi sình. Cây liễu còn đứng ủ rũ. Nước ăn mòn bờ quá nhiều khiến nó nghiêng qua một bên, trơ ra đám rễ tua tủa.

Sân đất trơ vơ, bờ sông đã lấn tận mí thềm. Chị Sương ơi. Hơn ba mươi năm rồi, sao lòng tôi còn đau như trong buổi sáng năm xưa. Ba mươi năm rồi, tôi vẫn còn hối tiếc chuyện cũ. Ba mươi năm rồi, nỗi đau xưa vẫn không phai nhòa được. Xin chị hãy tha lỗi cho em.

*

Có tiếng người đi gần lại, rồi một người đàn bà mặc áo nâu, quần đen, tuổi gần sáu mươi xuất hiện sau đám chuối. Bà nhìn có vẻ ngạc nhiên rồi hỏi, xin lỗi cậu tìm ai. Tôi tìm ai? Làm sao tôi tìm lại những người không còn ở đây nữa? Làm sao tôi tìm lại tôi của ngày xưa tội lỗi? Làm sao tôi chuộc lại lỗi ngày xưa?

Người đàn bà càng ngạc nhiên hơn, cậu nói gì? Không có gì, tôi muốn tìm một người tên Quyền. Bà đáp, ở tổ hợp không có ai tên Quyền hết. Tôi biết. Cậu biết sao cậu còn hỏi? Tôi biết người tên Quyền ở đây trước kia? Trước kia? Dạ, hơn hai mươi năm về trước.

Tôi ném viên gạch xuống lòng sông. Trời cũng tạnh mưa. Anh Của và chị Sương ơi, tôi xin tạ lỗi. □

ĐẶNG PHÚ PHONG

đăm đăm

Sầu trên vùng trái đắng
Ngựa trắng bước hoang mang
Em đi như giọt nắng
Từ mùa thu vội vàng

Biết là sương cô tịch
Biết là đất khách đây
Áo thiền sư dầm ướt
Áo em nhẹ mây bay

Hôm qua sầu thương nhớ
Hôm nay buồn vĩnh ly
Cửa đời luôn khép mở
Người tìm lối mà đi

Ta không thể là cá
Đời không thể là trăng
Và người xưa đâu tá?
Ta mãi nhìn đăm đăm?

Ta đưa em lên ngựa
Cả ba vẫn sáu chân
Buồn bây giờ còn đắng
Ai cười? ai bâng khuâng?

ĐINH TRỌNG HIẾU

các ông tá ta

tạp bút

(Tiếp theo kỳ trước)

CON CHÓ CÁI

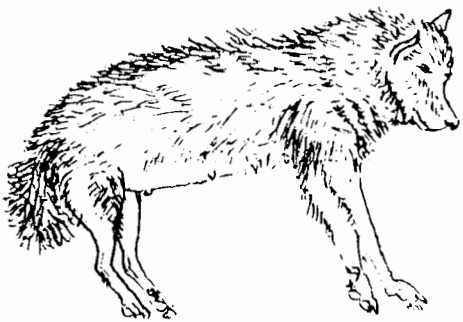

Cặm cụi vẽ hình con chó cái này, tôi không ngờ nó có ngày được nằm trên mặt báo nhà, vì nó tuy nằm ngủ, nhưng còn sống, trong khi báo chí nhà ta, trong nước, chỉ loan những tin đồng loại nó khi chúng chết.

Nhân nói đến báo chí, tiện thể nói luôn. Lâu lắm, khi tôi còn được tờ *Đoàn Kết* nổi tiếng chưa khoét tên trong "Ban biên tập" thể theo lời yêu cầu của chính tôi, nhưng chắc cũng hợp ý ban "lãnh đạo", một hôm, ông chủ sự vời anh em đến dự buổi trà đàm ở Hội quán, 16 rue du Petit-Musc, vừa chào mừng sự có mặt của đồng chí Hồng Hà, phó Tổng biên tập tờ *Nhân Dân* khét tiếng, nhân dịp đồng chí tham dự lễ báo *L'Humanité* cũng khét tiếng không

kém, vừa "truyện trò thân mật", vừa "nắm thêm tình hình trong nước". Tham dự buổi họp, người ta còn nhận thấy sự có mặt của vô số tôm càng, cua biển, bia, đế, do đồng chí chủ tiệm Vina-Paris dích thân mang đến, hữu hiệu làm tăng thêm phần hào hứng buổi tối khó quên này. Đang hăng say, thì anh Giám đốc quản lý, người thường làm độc giả chú ý vì bút hiệu khó đọc, pha trộn con số với chữ cái, ồ ồ đặt câu hỏi: sao dở báo *Nhân Dân*, ta thấy ngay trang đầu hình các nhà lãnh đạo và những tin tức kiểu "tiếp tân", "khai mạc", vân vân? Nếu trí nhớ tôi không lầm, anh còn ngụ ý rằng đó là những tin tức "khánh tiết" vô bổ. Câu hỏi đã anh hùng, câu trả lời còn anh hùng hơn. Ông Hồng Hà kể khá chi tiết lúc nào văn phòng của Đại tướng Tổng tham mưu trưởng than phiền rằng báo quên loan tin Đại tướng mới đi tham quan đơn vị X., lúc nào thư ký của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ đòi dành chỗ đăng tin Chủ tịch sắp làm chuyến du hành, vân vân và vân vân. Rồi ông Hồng Hà dõng dạc kết luận, câu này nó nhảy vào tai tôi, không biết nó có nhảy vào tai các bạn khác sau này "đổi mới" xoành xoạch không? "Tôi cũng phải lo cho cái ghế của tôi chứ!"

Báo *Đoàn Kết*, số lâm chung, cho chúng ta biết: sau Đại Hội VII ông Hồng Hà dứng thứ sáu trong "Ban bí thư Trung ương". Tôi kính cẩn chúc chiếc ghế của ông ngày càng vững mạnh.

Anh giám đốc quản lý kia, nhớ ngày nào "chống Mỹ cứu nước", anh còn ở ký túc xá Lutèce, chuyên cần đánh rất kỹ những trang báo trên đấy tôi chưa hề thấy một chữ tán tụng chính quyền đương thời ở một nửa quê hương ta, phần dưới cái bản đồ. Anh còn nhớ có lần truyền tay tới anh một cái bài tựa "Hàn Tín luồn khố"? Người ta bảo, đất nào cũng có anh hùng, phải chăng anh hùng trong và ngoài xứ ta lại "anh hùng" hơn người hùng xứ khác, vì họ đã tự cải trang không ra hùng lắm, lúc nhân danh "đại sư", lúc lại vì nhận định rằng câm nín, dè dặt, lắm khi "hữu hiệu" hơn? Tôi vẫn hỏi: trí thức "yêu nước" của chúng ta, ra đường sói trán trông thật thông thái, biết đâu đã chẳng rụng tóc, bóng đầu, vì bắt chước Hàn Tín ngàn thuở trước?

Trở về với con chó cái nơi đồng ruộng, mà các bạn đang nhìn vào chân dung cạnh đây, thú thực, lần này tôi dự định bàn về tri thức.

Cô chó cái nằm ngủ say, bốn chân duỗi thẳng này, về mặt thuần túy động vật học, nên tìm hiểu thêm xem có họ hàng gì với giống *Cuon* bán hoang ở châu Úc, như vậy, phần nào, biết thêm vài khía cạnh tương quan giữa Đông Nam Á với châu Úc, thuở xa xưa, khi tất cả còn chưa hẳn tách rời và bị Đại dương chia cách, như ngày nay. Ấy là cách nhìn của khoa học tự nhiên. Cách nhìn của chúng tôi nhằm tìm hiểu mối tương quan giữa người và thú vật, nói gọn, nghĩa là tìm hiểu những vốn liếng kinh nghiệm dân gian về cách nuôi chó, chọn chó, sử dụng chó, vân vân. Hãy nghe cụ già làng kể: Chó vàng, chân trắng, không nên nuôi, nó sẽ hại chủ. Chó đen chân trắng, một con thạch sùng (= có vệt trắng dài) bám cổ, tốt. "Tứ túc mai hoa", tốt. "Khăn điều vắt cổ", tức là lang như ngựa, cũng được. Chó vàng thật tuyền, nuôi tốt.

"Huyền đề", tức là có móng thêm, tốt. Trông kỹ chó cái này, bốn chân đều có "huyền đề", "tứ túc huyền đề" thế là tốt. Đốm đen trên lưỡi, cũng tốt. Vắt đuôi bên phải, bên trái, không cần (lời các cụ dạy, không phải lời tôi châm biếm thái độ chính trị của một ai); vằn, vện, khoang,có cụ cho là không nên nuôi. Cụ khác còn cho biết: xưa có sách dạy nuôi con của (con của: tiếng địa phương gọi con chó, Vĩnh Phú). Muốn tự mình thiến chó, cũng dễ, lấy dao khía, bóp cái cà, khâu cũng được, hai ba mũi chỉ, bôi tí nhọ chảo, tí dầu Tây (dầu hỏa, dầu hôi), không đầy ba ngày là khỏi, chó thiến béo, không chạy lung bung. Xưa kia, hay lấy mảnh sành, hạt sỏi, nhét vào dái chó, chó đau, đâm ra dữ, kiểu những người bị sỏi thận, sinh ra cáu kỉnh, càu nhàu vô cớ.

Phụ nữ cô nào đọc đến những chữ thô tục trên, xin đừng để bụng. Tiếng dân gian, sỗ sàng mộc mạc. "Dái" gọi là "dái", "hòn" gọi là "hòn", chẳng "ngọc hành, ngọc tôi" gì hết, cà tim tím giông giống "cái kia" của con dê, thì gọi là "cà dái dê", ăn ngon, mát. những thứ thực vật về mặt phân loại khoa học thuộc về họ Cà, khi mới du nhập vào nước ta, thoạt đầu còn gọi u ơ gọi bâng quơ theo phiên dịch: quả tô-mát, cây tô-mách, sau cũng lần hồi nhận ra được họ, tên gọi đổi thành "cây cà chua". Đi tìm cái hiểu biết của dân gian, chán vạn thứ hay, mười tập sách này chưa viết hết.

Ấy vậy mà ở nước ta ngày nay, có người cứ mang cái kiến thức nông quèn học lỏm thiên hạ, lấm khi học không đến nơi đến chốn, chưa thấu đáo, đi dọa dân. Như cái ông tá ở một làng khác, đã hiến bọn này một mẻ cười đích đáng. Ông là con rể cụ già làng mà chúng tôi kính trọng. Xem ra cụ cũng quý ông, hay nhờ ông leo mái nhà lợp lại hàng ngói lệch, chứ không thích nghe ông nói chuyện, vì trong câu chuyện ông thường hay xen những từ mà cụ cho là học thuộc lòng, khó nghe. Cách ông diễn đạt tư tưởng lại lòng thòng. Cụ nói ngắn, mà rõ. Qua cách nói chuyện của ông, khách đến nhà, ai cũng biết quân hàm của ông do những chiến công lừng lẫy, lại còn biết trước kia và lúc tại ngũ ông học hết "hai bằng đại học". Tôi chẳng hiểu ông chuyên môn ngành gì, nghe ông nói chỉ nhớ là tên nó dài và mường tượng rằng nó dính đến chất nổ, nhưng không dám hỏi, sợ ông mang ra biểu diễn. Ông về hưu sớm, đóng ở làng, dùng kiến thức đã học "giúp dân". mỗi lần đến nhà bố vợ, y như cụ già nhờ ông leo lên mái, còn cụ đứng ở dưới, chỉ, trỏ, thét to, thao túng đạo diễn, như không còn nhớ gì đến chức tước của ông nữa.

Ở đây, anh thấy tôi đi đôi giày "Church", cứ nguýt; anh có biết về ở nhà làng, tôi suốt ngày đi chân đất? Một hôm, trên gạch ẩm, thấy gạch nóng, như "phát hỏa", bèn gọi anh bạn đến hỏi, anh bạn đặt chân lên gạch, thấy nóng, cũng lạ, nhưng tôi và anh đều cho là ngẫu nhiên, bỏ qua. Hôm khác, ông tá đến nhà bố vợ, đang ngồi trà nước thì trời mưa. Mưa ở miền Trung du lạnh, anh ạ, gạch nhà mưa ướt càng thêm lạnh, tự dưng đang bước tôi dẫm vào một miếm gạch nóng, khoảng ba bốn vuông; gọi anh bạn lại, anh bạn để chân vào, cũng ngạc nhiên. Chưa ai kịp hiểu ra sao, thì ông tá đặt chén trà, đõng đạc tuyên bố: "Vùng này có quặng Uranium, phóng xạ tiết ra thành hơi nóng".

Ông còn nói lòng vòng ám chỉ rằng, vì vậy, có rất nhiều người "ngoại quốc" đến thăm dò vùng này, nhiều khi mang cả máy móc trang bị tối tân! Tôi nghĩ bụng: phen này thật chết, có là oan Thị Kính!

Về làng, tôi đem theo máy quay phim, hiệu Sony, loại lớn nhất và tối tân nhất, có chân, có bộ điều khiển từ xa. Làng không có điện, nhưng tôi mang sẵn kính lấy năng lượng mặt trời, chuyển điện vào bình, đi đâu lệnh khệnh mang 15 cân trên vai, nhưng được việc. Công an đã để ý rồi, người đi kèm theo kè kè, đi đái, đi ỉa, cũng có người theo, đêm nằm chó hàng xóm cứ sủa vòng quanh, như sủa cái bóng người đi tuần quanh đó. Tôi lại thầm cám ơn sự có mặt vô hình và sự bảo vệ kỹ càng ấy; nhờ nó mà có đêm tôi phơi chiếc quần bò, bỏ quên, không mất trộm, do vậy lại càng biết mình được chăm sóc. Có sao? Theo đúng quan niệm "hành nghề", tôi cứ quay phim người nào thì ngay sau đấy mời người ta ghé mắt coi những gì mình vừa quay và ghé tai nghe những gì mới vừa thâu, già trẻ lớn bé thảy đều như vậy, không mảy may vụng trộm. Ai thêm bớt, phê phán điều gì, lại ghi chú thêm. Do vậy, tôi có những tư liệu quý vô ngàn, chưa công bố, nhưng chưa chắc gì sau này còn có tư liệu như vậy nữa. Làm việc này, chưa công bố, tôi không nghĩ đến "sự nghiệp" của bản thân tôi, mà mong tìm kiếm, sưu tầm thật nhiều dữ kiện về văn minh nước nhà, nhất là về văn hóa dân gian. Rất tiếc, số tôi hẩm hiu, không họ hàng, bà con gì với những nhà "lãnh đạo" đất nước ta, vậy nên không có dịp "cưỡi ngựa xem hoa", đi tham quan đất nước dùng "máy bay lên thẳng". Tôi tiếc, vì rất cần hình chụp từ cao của đất làng hiện nay, như một phương tiện viễn thám, để so sánh với không ảnh khi xưa, trong quá trình tìm hiểu cảnh quan xã hội nông nghiệp quê nhà. Nhân làng gần vùng đồi, tôi rủ người làng lên thăm núi, rồi từ đó quan sát, chụp ảnh, quay phim. Mấy bữa, đã có lời đồn: núi có vàng, tôi dùng máy đi kiếm. Năm 1982 cũng thế, đi giữa cảnh vật của ngày nay, tôi hay có tật tìm lại cảnh vật xa xưa: nhìn hai thân cây đại cổ trơ trọi giữa nương sắn, tôi dừng lại hỏi thăm ngôi chùa xưa chắc ở ngay đấy, người dẫn đường kinh ngạc, vì chùa đã phá từ mấy chục năm, tôi mới về làng, mới đi qua đây, sao biết? Với dân làng, rất dễ, chỉ ba câu cắt nghĩa là họ hiểu, lắm khi còn bổ sung cho tôi nữa; lần này làm sao cắt nghĩa với ông tá kia rằng cái nóng của gạch chưa chắc đã là do bức xạ của Uranium, và tôi không về làng để tìm quặng cho "đế quốc"? Giữa cơn bối rối nguy kịch ấy, con chó cái đã cứu tôi! Mà làng nước ôi, nó cứu tôi thật!

Tôi cặm cụi vẽ chân dung nó, và bây giờ đấu tranh với tờ báo để đăng hình nó, là vì thật sự "ghi ơn"! không, nó không cứu tôi như trong các truyện phiêu lưu ly kỳ, trong ấy những con chó trung thành và khôn ngoan nhảy xổ vào cắn họng tướng cướp. Nó chỉ là một con chó cái xồm, xoàng, bình thường, trong trăm nghìn chó làng, một con chó có phần gầy yếu vì không thừa đồ ăn như chó nhà sang. Nó lừ đừ đứng dậy đi sang chỗ khác nằm, khi tôi bước đến đúng chỗ ấy. Cả nhà đang trầm tư, tôi bỗng hô vang lừng: "Phóng xạ con chó cái, bà con ơi!" Thằng cháu bé chạy đến, nhanh nhẩu đặt chân vào chỗ con

chó cái vừa nằm. Đúng! Gạch nóng hầm hập, so với gạch lạnh ướt ở bên. Mấy ông khách cũng đến đặt chân vào, gật gù. Cụ già vỗ đùi cái đét, nhưng không nỡ cười to. Ông tá lùi lũi đứng dậy, vào bếp nấu thêm ấm nước. Chuyện xảy ra đầu tháng mười 1989, khoảng hai, ba giờ trưa. Sau đó, có bữa cụ ranh mãnh kể lại câu chuyện ngày xưa, rồi cao hứng ngâm vang: "Đa mao, thiểu nhục, tắc phù". Cụ không dịch nên mấy người tân học chúng tôi ngồi quanh, không hiểu gì khi cụ hóm hỉnh cười, thấy cụ cười, cũng cười theo . . .

Từ đấy dân làng bớt lo.

Kể lại sự việc hôm ấy, tôi không có ác ý bêu xấu một cái tật có từ lâu mà các cụ ngày trước đã đặt tên thật dài "Chẳng thà đốt đặc còn hơn hay chữ lỏng" ngày nay thường được các ông tiến "ở Liên Xô về" khuếch lên thành "quốc sách". Nói vậy không có nghĩa là các ông tiến, phó tiến, các ông đỗ đạt bằng vàng chói lọi ở khắp năm châu, khi về làng không mắc bệnh ấy!

Ngược lại, ông tá vừa nhắc đến ở phần trên, nhiều lần làm tôi thán phục. Những khi cần quyết định, tôi nhận thấy ông nhanh như chớp, cái chân tướng con nhà binh lúc ấy hiện nguyên hình. Có những kế hoạch quan trọng, thay đổi ngay nhân sự trong làng, có những việc khẩn cấp khác thuộc về xử thế, ông làm rôm rốp. Tôi run thầm, nghĩ nếu mình không may cầm đầu một toán quân, mà dụng vào ông, hoặc lỡ rớ về làng định chuyện này chuyện khác, không hiểu có ngo ngoe nổi được mười lăm phút? Đấy là cái tri thức của người lãnh đạo quân sự, của người quen dụng chạm với những tình huống trong thực tế Việt Nam và cư xử thật "nhà nghề". những "phạm trù" ấy, tôi gà mờ, và không điên đầu vỗ ngực đi so với ông tá nhà ta. Nhưng tôi về làng không đi dò quặng, không đi đo thám, không đi làm cái nghề "chichomách" trong nước thiên hạ không thích lắm, thì ông cũng đừng để cái chuyên môn của ông nhảy qua địa hạt người khác. Nhất là, tôi thầm mong ông chịu khó nghe bà con, nghe các cụ, chung quanh. Thế thôi.

Anh hỏi tôi: nghề "chichoách" là nghề gì? Khi nghe thế, tôi cũng hỏi. Có bạn trong nước rành mạch kể cho, bảo đó là cách hành nghề của một số kẻ ở nước ngoài về, hình như không có chuyên môn gì nhiều, nhưng chạy nơi này, chỉ nơi nọ, trỏ cái kia, mách thứ này, buôn thứ khác, phần lớn lợi cho họ nhiều hơn cho đất nước. Anh bạn như hậm hực, khiến đôi lần tôi đã phải làm thày cãi không công cho cái nghề ấy, vì tôi biết rằng dời sống ở đây cũng khó khăn, người thất nghiệp cũng nhiều. Vả chăng, phàm ở đời, đi câu ai chẳng muốn được cá, mấy ai cố đợi lúc nước trong, và biết đợi đến bao giờ? Trừ vài dứa đi câu chơi, sáng xách cần đi, tối xách về, không phải đôi lúc không ngồi thèm con cá xinh, con cá lớn, chẳng qua bất tài và cầu nhàn nên không bắt nổi. Không biết anh đã từng đi câu như thế?

MỔ BỤNG

Dưới cái "tít" nghe rùng rợn trên đây, tôi xin vẽ chân dung một người rất hiền, có lẽ chỉ có cục đất vô tri mới hiền hơn. Anh làm đại tá, trong ngành

chuyên môn, anh đã lên tột đỉnh, nhưng chưa hề đâm chém, giết chóc một ai. "Thế đại tá giấy à?", anh bạn mau miệng và châm biếm, mỉa mai hỏi tôi thế, âu cũng là cố tật của người quá thông minh. Thưa không! Anh tôi làm đại tá, nghành Quân Y. Tôi gọi anh là "anh", chắc không phải vì thấy anh sang, đâm quàng nhận họ, mà vì đích thực anh là người trong gia đình. Năm 1946, đang học năm thứ ba ngành Y, anh đi theo "Kháng chiến", sau những lần đèo tôi đi xe đạp quanh bờ hồ Hà Nội. Sau này, được biết anh đã lặn lội hết chiến dịch Điện Biên, lại sang chiến trường Lào, rồi Trường Sơn, rồi "đi B", rồi mới về Hà Nội.

Anh có một niềm hãnh diện, thổ lộ với tôi, nhắc lại đây vừa bàng hoàng, tôi vừa cảm động: "Nhiều lần, anh được mời vào Đảng, đều từ chối". Bàng hoàng, vì đằng sau cái hiền của anh, là thử gan lỳ. Cảm động, mang mang đoán được bao nhiêu khó khăn anh phải vượt qua, bao thiếu thốn. Anh vẫn giữ nụ cười thật đẹp trên khuôn mặt ngót nửa thế kỷ gian truân không làm khô héo nổi. Tôi không biết làm sao cho mấy đứa đăm chiêu ngồi "bàn việc nước", tóc muối tiêu và khuôn mặt quắt queo, thấy nụ cười này, để chúng hiểu rằng khơng phải cứ tiêm một mũi "ý hệ" là sẵn có trong người liều thuốc cải tử hoàn đồng, cứ cà-phê và bia nốc vào là con người trẻ mãi.... Nhưng thôi, nói chuyện ấy làm gì.

Năm 1982, tôi vừa về Hà Nội, thằng cháu, con anh, lúc ấy đã tốt nghiệp chuyên khoa trường lớn, đến chơi, lắp bắp: "Lạy chú, lạy chú, chú có về mang theo một ít thuốc mê!". Nó vừa bị mổ ruột thừa, bác sĩ mổ hay, nhưng không có thuốc mê, đưa nó cắn một mớ bông và gạc. Mổ hay, nhưng khử trùng không kỹ, bụng tấy mủ, mổ lại lần nữa, lần nữa nó cắn mớ bông và mớ gạc. không phải bố nó, đại tá quân y, không thương nó; cũng không hẳn là nước ta quá nghèo, ai ai mổ đều phải cắn răng như nó cả; nhưng bố nó đã cắn răng không vào Đảng, và nước ta, nói thật, thiếu thốn đủ điều. Sao nó lại có quyền hưởng những gì đa số người khác không được hưởng? Lần mổ thứ hai cũng mưng mủ. người ta lại dè nó ra, mổ thêm lần nữa. Chấm dứt chuyện mổ bụng thằng cháu.

Về làng, giữa trưa, bỗng dưng nghe vẳng từ phía trạm xá, tiếng kêu dài, như tiếng kêu đau đớn của thú vật, mỗi lần nhớ lại tôi còn rùng mình. Ở quê nhà, ngày nay, nói để anh rõ, trạm xá là bệnh viện của làng, sạch sẽ, chứa được mươi giường, trước mặt có "vườn thuốc" trồng lá thuốc bỏng, bụi sả, bạc hà, gừng,đinh lăng, hơn kém những ba mươi hai loại cây cỏ khác nhau, và trong căn nhà chính có chiếc tủ, như chiếc chạn con, lỏng khỏng vài lọ thuốc viên vàng, viên trắng. Đẻ khó, cấp cứu, bị hàng xóm chém vỡ sọ, và mổ, đều mang đến đây. không có thuốc mê, tất nhiên, khi Hà Nội con ông đại tá Quân y còn cắn răng chịu mổ suông thì ở làng phải cắn răng hơn thế nữa. Tôi hỏi: "Gì mà kêu gớm vậy?", làng trả lời: "Mổ ruột thừa!", tôi hình dung một gã trai làng, cắn răng không chặt lắm, chắc thiếu bông và gạc, để tiếng vang vào tai tôi trưa ấy, vang đến bây giờ, khủng khiếp, nghe rồi mà không

sao tả lại nổi với anh, lúc nào anh cũng mượt mà, lúc nào anh cũng hào hoa. Lỗi tại tôi, tôi nghe tiếng kêu thống khổ của người đời, của đồng loại, mà ú ớ như câm, người ta gọi, đớn đau, tôi không trả lời. Chó hú ban đêm, chó khác hú theo, một con ngựa đau cả tàu nhịn cỏ. Hay là tâm hồn tôi đã chết.

Về Paris, tôi còn mang theo tiếng kêu ấy, dài, trong đầu. Sợ đến nỗi, không bệnh tật gì, tự dưng đến nhà thương, đòi người ta mổ trước, mổ ruột thừa, mổ sẵn, để khi về lại làng xóm Việt Nam không còn rủi ro bệnh ruột thừa nữa. Không còn tiếng vang kia trong chính miệng mình nữa. Bác sĩ nhìn tôi, hỏi kỹ xem tôi nghĩ gì mà định thế. Tôi ú ớ, biết nói sao, biết kêu thế nào khi mình chưa đau đớn, để người ta hiểu đớn đau của đồng loại mình. Tôi tự để tâm hồn mình điếng đi, như chết tạm. Bây giờ vẫn còn giữ khúc ruột thừa, lắm khi bất chợt tự hỏi: tim mình có thừa không? dạ dày có thừa không? đầu óc có thừa không? Ai dám trả lời?

Tôi dẫn anh đến thăm nhà người đại tá Quân Y ấy.

Vâng, tôi biết, có ông "Việt kiều yêu nước" kể chuyện đại tá nhà ổng ngồi bơm xe ngoài đường, như trong phim Trần Văn Thủy. Ai không mủi lòng. Nhưng, tại sao không? Ông về hưu, không có nghề gì khác mới bơm xe dạp kiếm cơm, chứ có bao giờ, trước kia, ông nhảy từ xe com-măng-ca có mành mành xuống đường lia lịa bơm xe cho nhân dân đâu? Dân mình đi xe đạp, đại tá về hưu ngồi bơm xe đạp; dân mình đáp máy bay, đại tá về hưu ra Bưu điện lĩnh hàng máy bay từ Mỹ gửi về; dân mình leo lên thuyền, ra biển, đại tá lênh đênh đôi mắt . . . Thuyền đắm, đại tá ngồi bơm xe.

Tôi không làm đại tá, nhờ trời, nhưng nếu không may làm đại tá, có lẽ tôi đã ra bắn phát súng vào đầu như có người đại tá nào ngày 30 tháng tư "lịch sử" đã làm thế, hoặc trúng đầu tôi, hoặc trúng đầu những đứa cầm đầu trong đầu đã rỗng tuếch. Lúc ấy cái gì sẽ văng ra? có thể sẽ chỉ như một quả bong bóng nổ. Một tiếng xịt. Sao không ai làm? ngồi bơm xe. Đáng!

Mà này, đại tá, giữ sức, bơm vừa vừa chứ, đừng làm nổ lốp xe nhà người ta, bây giờ dân Hà Nội phũ phàng lắm, họ bắt đền đấy, lúc ấy không lẽ lại chìa cái lon đại tá!

Súng ống của người tôi dẫn anh đến thăm chỉ là ống tiêm. Một gian phòng sâu thẳm trong ngõ. Thấy khách đến nhà, ông đại tá Quân Y bước vội vào "phòng ngủ", mặc thêm áo ra ngoài chiếc may-ô rách. "Phòng ngủ" là chiếc giường , chung quanh có màn che, bước lên giường, kéo màn, khác gì vào phòng ngủ? Chung quanh "phòng ngủ" của bố mẹ, có "phòng ngủ" của con cái, một giường lớn, hai giường bé, tất cả ba "phòng ngủ". Chung quanh "phòng ngủ", còn "phòng ăn", một bàn, bốn ghế, và "phòng khách", đã tả trong "phòng ăn".

Một bữa, anh tôi mời ăn tiệc, tôi và bác trịnh trọng đến. Bao nhiêu "phòng ngủ" đã dẹp gọn. Bác tôi, anh, chị, và tôi ngồi trên bốn chiếc ghế ở "phòng khách", uống trà, nói chuyện. Thỉnh thoảng bà chị lại đứng lên, vào "nhà bếp" sau chiếc màn, ở đó nghe lủng củng tiếng va chạm, tiếng dao băm,

và tỏa ra mùi măng hầm, mùi gà nhồi, mùi miến lươn thơm phức. Rồi chúng tôi từ "phòng khách" đứng lên, người ta kê thêm mảnh ván lớn, phủ lên chiếc khăn bàn trắng phau, có thể vì ít dùng. Thế là chúng tôi lại ngồi trong "phòng ăn" thịnh soạn. Ít có dịp, về Hà Nội, tôi lại được ăn no, uống say, mà không dè dặt như thế. Tôi thương anh chị, các cháu, ở đời chưa chắc đã có bữa tiệc thứ nhì ngon như vậy. Hôm khác, có việc gấp, đạp xe đạp đến nhà anh, không báo trước. đúng bữa anh chị, cháu, đang ngồi ăn. Cả nhà hấp tấp đứng dậy, úp vội lồng bàn lên mâm cơm, chuyển mâm cơm vào "nhà bếp", như chạy giặc. Tàn nhẫn, nhưng vì trong nhà tôi mới dám tàn nhẫn như vậy, tôi đuổi theo, tận "nhà bếp" cạnh đấy, mở lồng bàn lên: trên mâm, một đĩa rau muống luộc gần hết nửa, một chén tép rang, và một chén nước chấm; thế thôi! Tôi gọi "nước chấm", có người sẽ cằn nhằn cho là tôi quên hương vị quê nhà, quên mùi chén "nước mắm". không phải! nhiều người, ở Hà Nội lâu rồi không còn biết mùi nước mắm, "nước chấm" gồm một chút muối, một chút bột ngọt (tức mỳ chính), hoà với một chút nước, dùng để chấm rau cho dễ nuốt. Chị tôi ngượng, chữa thẹn (tính người Hà Nội vốn ngại "mất mặt"): "Ấy, nấu nhiều thứ quá sợ ăn không hết, nó hỏng." Hồi 1982, tôi còn ngây thơ, ngớ ngẩn hỏi: "Sao anh không mua tủ lạnh?" Lúc ấy, tôi mới thấy anh cười, vẫn nụ cười nhàn quạt không chút gì chua chát cả, vỗ vai tôi, thành thật: "Em không biết, anh chị còn chưa đủ đồ chửa vào tủ ấm (anh vỗ vỗ vào bụng, cười), lấy đâu mà bỏ tủ lạnh?"

Bây giờ anh về hưu, không ngồi bơm xe đạp, mà ngồi bơm thuốc, chữa bệnh thiên hạ, tạm sống, tạm đủ, tàm tạm trong một đất nước cái gì cũng tạm hết. Nhớ khi xưa, sau khi "giải phóng Hà Nội", lần thứ nhì anh được mời vào Đảng và lần thứ nhì anh từ chối. Hồi ấy, anh được bổ nhiệm cai quản Trung tâm lấy máu. Anh kể: cứ mỗi người cho máu thì lại được "thưởng" 50 đồng và hai hộp "Con chim". 50 đồng, dạo ấy lớn lắm, còn hai hộp sữa đặc có đường, nhãn hiệu "Con chim" dân Hà Nội quý vô cùng. Người cho máu, vì nghĩa vụ cao cả cũng có, vì món "thưởng" cũng có. Nhiệm vụ của anh là điều hành sao cho đồng đều, mỗi tháng mỗi người cho máu một lần, ghi sổ cẩn thận, kẻo có người vì tham cho máu nhiều lần, hại sức khỏe. Một hôm, anh thấy bước vào nơi lấy máu một chị trắng trẻo, đẫy đà, anh nhận ra ngay, hỏi: "Chị mới cho máu cách đây một tuần, sao bây giờ đã đến lại?" Chị ta chìa "chứng minh thư" tên khác, địa chỉ khác. Anh tính mang ra điều tra. Chị ta vội xé quần, xé áo,ôm lấy anh và tri hô là anh toan hãm hiếp chị. Nội vụ mang ra công đoàn xử. Anh bảo: may cho anh, chị ta làm giấy giả thật. May cho anh là quá trình như thế, công lao như thế, tính tình như thế, ai cũng biết! Sau này anh được "trắng án" kể chuyện này, như kể một sự rủi ro nghề nghiệp, nên tôi không muốn liên hệ sự từ chối này với sự từ chối kia, có Trời mới biết, tôi chỉ muốn bạn đọc coi thêm đoạn sau này, là chuyện duy nhất không dính gì đến đề tài mấy ông tá nước ta. □

A.B.C

một khoảng việt nam cộng hòa nối dài

hồi ký

... Chính quyền mới có thể phân trần rằng đó chỉ là tuyên truyền xuyên tạc của bọn phản động, đế quốc, thực dân, phong kiến, nô lệ... Nhưng đã có bằng cớ rằng những người được tha về đã trốn lánh tất cả mọi người mà khi bất đắc dĩ phải gặp ai thì với cái bộ mặt ngơ ngơ chỉ trả lời câu hỏi bằng tiếng "dạ" lửng lơ, không biết hướng về ai, bày tỏ những gì. Tôi đã được một người quen hỏi trong dịp về nhà: "Ở trong đó họ cho các anh uống thứ thuốc gì mà ai nấy về cũng như người mất hồn vậy?" Theo lối sống vụt ăn vụt nói về chính trị của thời gian qua, người ta làm sao giải thích được hiệu quả của sự đàn áp ở trại tập trung ngoài cách gán cho một nguyên nhân trong tầm hiểu biết của quá khứ: bị "thuốc"?

Trong tầm vóc to lớn hơn, thế giới đã ngạc nhiên không hiểu được các vụ án 1936-1938 của thời Stalin: làm sao những lãnh tụ vào tù ra khám , từng vượt ngục Sibérie... lại phải sợ công CA đến mức độ thú nhận những tội tày đình mà chắc họ không bao giờ làm? Làm sao những người CS với tinh thần quốc tế giai cấp còn nóng hổi đó lại đi nhận làm tay sai cho đế quốc, tư bản? A Koestler đã cố tìm cách giải thích trong quyển Le Zéro et l'Infini với kinh nghiệm của bản thân nhạy cảm trong những ngày theo Đảng. Nhưng giải đáp có vẻ quá lí tưởng đến quên cả thực tế mà Nguyễn Du có lần đã kêu lên: "Thịt da ai cũng là người ..." Nhân vật Rubashov — mà có người nhìn thấy hình bóng của Boukharine — bị truy bức tư tưởng đến độ phải đầu hàng, nhưng chỉ đầu hàng khi người chấp pháp đưa ra miếng mồi lí tưởng dẫn dụ con người lí tưởng: nhận tội là hi sinh phẩm giá, danh dự cá nhân — một tàn tích tiểu tư sản phải hủy bỏ, là hi sinh cho Phong trào. Tiểu thuyết dù thế

nào cũng vẫn là tiểu thuyết. Thực tế có vẻ tệ hại hơn nhiều. Vì cứ nghĩ rằng chế độ mới, tiến bộ hơn so với chế độ cũ, dù có xấu cũng không thể xấu hơn chế độ cũ, nên người ta không thể chấp nhận rằng tổ chức Tchéka, Guepeou gây kinh hoàng hơn Mật vụ của Nga hoàng, Stalin đáng sợ hơn Nicolas II. Thêm nữa hoàn cảnh đã đổi khác thì không thể xét theo các dữ kiện đã qua: Người ta có thể can đảm trước kẻ thù chung vì sự gan liều cá nhân, vì được sự tiếp sức bởi cả tập thể cùng phe đồn lại, vô hình như có thực. Lòng tự tín đó bị lung lay khi phải chống đối với các đồng chí của mình, các đồng chí đang nắm quyền lực trong chế độ đang lên, sừng sững có dáng như kéo dài đến "muôn đời con cháu mai sau". Tấm thân "thịt da" do đó trở về với cá nhân nhỏ bé làm sao không khuất phục được trước nhục hình, trước sự truy bức tư tưởng đến cùng cực? Lịch sử các cá nhân nổi bật vốn thường được truyền bá, ghi chép theo một ý hướng cao cả có sẵn, theo khuôn mẫu tốt đẹp cho là phải có của Phong trào đã thành công, lịch sử về cá nhân thường vô tình hay cố ý được bỏ qua những yếu mềm lạc lõng mà có khi được sự tình cờ bao che, sửa chữa không để nổi bật lên. Lối nhìn đó phóng đại nhân vật, những con người thịt da không thể mình đồng da sắt mãi mãi. Đã có biết bao nhiêu "anh hùng thấm mệt"? Lũ chúng tôi, chưa từng tưởng mình là anh hùng — trừ một vài lần nhậu say, trước mặt gái — chúng tôi làm sao không trở nên ngơ ngẩn, hoảng hốt, tâm thần không ổn định trước các bậc thầy cải tạo tư tưởng có kinh nghiệm của hai bậc đàn anh và cả một quá khứ ọ ép người bên trong lũy tre xanh được cải biên, áp dụng một cách "sáng tạo" ở VN?

Can đảm cũng cần đến số đông. Sự cô lập làm cho người ta đâm sợ sệt. Sự cô lập hoàn toàn dễ đưa đến sự liều lĩnh, nhưng sự cô lập trong hoang mang đánh tan ý thức kháng cự. Những người, những tổ chức có ý định "đi tìm sự thực có khi không thấy được sự thực là bởi nguyên cớ đó.

Những ngày cuối tháng 4(?)-77, chúng tôi nghe đồn có phái đoàn báo chí quốc tế nào đó đến thăm trại. Cuộc tiếp đón diễn ra ở T2 kiểu mẫu. chúng tôi trở thành một thứ khán giả. Đứng bên này rào vọng về phía xa hơn trăm thước, từ sáng sớm chúng tôi chẳng thấy gì lạ. Chỉ thấy có một toán bóng chuyền chơi thật lâu, kéo dài cả vài ba tiếng đồng hồ. Mãi sau mới biết họ được lệnh chơi để khi phái đoàn tới thấy được sinh hoạt bình thường đáng mong ước của trại. Có điều khách được đưa tới trễ gần hai tiếng đồng hồ thành thử họ đánh bóng đến vã mồ hôi, bủn rủn tay chân trong một sinh hoạt bình thường không bình thường ấy. Gần đến giờ cơm, lúc chúng tôi tụ tập quanh bếp thì có người tinh mắt chỉ cho thấy một người Âu mang camera đi vòng ra phía sau trại bên kia, có bộ đội hướng dẫn. Dân T2 quần áo gọn ghẽ trong lúc chúng tôi đánh trần với quần xà lỏn chồm chồm bên hàng rào dây kẽm gai. "Người Mỹ đấy", một người kêu lên, chắc thay cho ý nghĩ không phải của một số ít. Tôi không nghĩ như vậy nhưng mong rằng trong phái đoàn có Don Luce, không phải chỉ ở nơi đây mà còn ở nơi khác nữa. Trong

lúc chúng tôi cười đùa xôn xao thì người kia đã giơ máy về phía chúng tôi. Nhiều người chống nạnh, ưỡn ngực ra, thích thú thấy mình sẽ lên trên màn ảnh nhỏ ở nơi nào đấy.

Đối với chúng tôi thì chuyến viếng thăm chỉ có chừng ấy. Nhưng với các bạn T2 thì lại khác. Có người sau này kể lại, chắc với nhiều ngạo cợt rằng bộ đội xuống nấu cơm cho chúng tôi ăn, mỗi người hôm đó được phát 1/2 kí thịt, và trên đầu giường nằm bộ đội cho mượn một hộp sữa rồi sau thu lại... Điều chắc chắn là tiêu chuẩn thịt và đồ ăn đã hơn ngày thường vì ăn trước nhịn sau, có đâu mà thiệt! Hộp sữa chắc của dân cải tạo được trưng bày với gợi ý của cán bộ. Những câu trả lời bắt buốc phải bằng Việt ngữ qua thông dịch viên chuyển lại. Bởi vậy mới có câu chuyện cười bò... một người trả lời phóng viên là anh ta chỉ biết nói tiếng Việt, hỏi thêm thì được biết anh là giáo sư sinh ngữ quân đội. Phóng viên hỏi người khác: "Từ ấy đến nay trại có bao nhiêu người được thả về?" Câu trả lời có kèm theo một ngón tay trỏ giơ lên, nhưng được thông dịch trả lời giùm rằng: "Il y en a plusieurs"! Chuyện ấy chẳng có gì lạ nên một phóng viên thăm Kà Tum sau khi vác máy đi quay những thứ bộ đội không hướng dẫn, trước khi ra về đã tuyên bố: " Tôi đã từng ở vào hoàn cảnh của các anh nên rất thông cảm với thái độ phải có của các anh bây giờ. Khả năng tôi có hạn nhưng tôi hi vọng trường hợp các anh sẽ được thế giới hay biết". Nhưng một thế giới chỉ được nhà cầm quyền mới hiểu là "của ta" thì dư luận ở phần thế giới "không phải của ta" làm sao có thể ảnh hưởng tới được? Nói không phải như "ta" nói chỉ toàn vu cáo, bịa đặt do cay cú thất bại mà có, do thâm nhiễm tuyên truyền phản động, chống giai cấp mà ra! Chủ nghĩa nhân bản của Tây phương thâm nhập vào tầng lớp trí thức, giàu có quay quắt mặc cảm về sự sung túc của mình trên đám dân cựu thuộc địa nên thật dễ dàng nhảy vào bênh vực những cuộc chiến đấu lí tưởng, tô màu hồng, thật hồng tươi cho những cuộc chiến đấu ấy với sự đẩy đưa thật có ý thức chọn lựa của những người bạn khốn khổ của mình qua các màn xếp đặt la ó mang tính cách bi hùng khiêu gợi sự thương hại che lấp dưới sự thán phục của người ngoài, qua những cuộc tiếp đón tham quan giới thiệu sự thánh thiện của chế độ. Chỉ những người ở chiến trường đối đầu với thực tế, mà thật là hiếm như viên sĩ quan GP nọ, có ý nghĩ xuất thần thoát ra cái vòng vây tư tưởng nhồi nắn hàng triệu triệu người đó, đã nói một cách thành thật:

" Đúng ra chúng tôi đã thắng lớn trước mặt trận ngoại giao". Anh chàng này chắc đã không chịu học bài. Và thật may mắn cho đất nước là còn có những người vẫn giữ được suy nghĩ riêng tư.

Người làm chính trị có quyền hãnh diện về thành quả của mình đem ra biện minh cho phương tiện sử dụng. Than thở trong thất bại thì cũng phải có chừng mực: "Ai biểu thua làm chi!" người ta có nhận xét rằng trong mấy mươi năm qua người dân miền Bắc sống rất trẻ. Và quả thật bao nhiêu năm chiến tranh họ có vẻ không phải đói. Không phải chỉ vì chế độ ưu việt đã

mang lại no ấm cho tất cả mọi người, nhưng viện trợ các nơi cùng phe đồn lại — không thừa mứa vì bà con cũng còn nghèo, nhưng vừa đủ để người dân đứng khỏi run đầu gối mà chiến đấu. Quá khứ khốn khổ hàng thiên niên kỉ không đòi hỏi nhiều quá sự mong ước ấm no nên chỉ cần một sự tiếp sức nhỏ giọt cũng giúp người ta chịu đựng. Cuộc sống ấy, dân Tây phương trong sự xa hoa của mình không tưởng tượng ra nổi. Khi người ta đã quen với điện năng với thành quả thiết thân của nó, người ta không thể nào hiểu tại sao kẻ khác có thể sống với ánh trăng sao, với đèn dầu tù mù. một cái building bị cúp điện, gây rối loạn thần kinh, gây tai nạn chết người trong khi ở những ngôi nhà tre lá, nhà ngói cũng được, ở thôn quê dân cư vẫn ung dung hoạt động. Cái bi thống trầm hùng ở đây mà một số người Tây phương tô vẽ trong quan điểm nhân bản của mình, thật cũng là bình thường để người dân có thể chịu đựng được mà chờ sắp hàng lãnh tiêu chuẩn, không có thịt cá thì cà mắm tương rau, không có xe cộ thì lết bộ cũng tới — nhà nước chẳng cần họ đi xa, đi nhanh vì muốn thấy bóng họ để dễ bề kiểm soát. Họ chẳng cần lo nghĩ nhiều vì cái gì cũng không với tới thì nghĩ cũng vô ích, còn chuyện bình thường thì đã có nhà nước lo sẵn rồi. Sự cô lập tạo thêm yếu tố khách quan để khỏi thấy sự phiền tạp của cuộc sống — vô tri bất mộ mà! Quyền bính hờm sẵn về mặt tích cực, và mối lo cơm áo về mặt tiêu cực giúp chận những ý nghĩ rắc rối riêng tư. Quả thật người ta đã sống rất trẻ.

Ấy thế rồi chiến thắng mở của thế giới — không phải thế giới "của chúng ta". Sàigòn như là ngoại quốc đối với Hà Nội, một thứ ngoại quốc có cách biệt hàng trăm năm về phía trước dù bộ máy tuyên truyền ra sức phủ nhận. Người Bắc trở nên rất già. Như chàng Từ Thức mở cái hộp thần kỉ niệm, tóc lượn lần sóng bạc, da uốn nếp nhăn nheo, lưng còng gối mỏi... ý thức không gian vô cùng, ý thức thời gian biền biệt, ý thức cuộc sống quay cuồng. À thì ra thế giới là thế đó! Cái huênh hoang chiến thắng không đủ che lấp nỗi dằn vặt, chưa kể dằn vặt không xuất hiện vì khối lượng chiến lợi phẩm lù lù đè xuống. Thói quen phục tùng không đủ khơi dậy những biến động chính trị có ý thức. Nhưng như mối mọt đục ruỗng bên trong, nền tảng chính trị sụp đổ: cái trong sạch của thời KC," cái lí tưởng nhiệt thành chung tan biến, người ta lo xây dựng chủ nghĩa xã hội cho riêng mình mặc dù nhà nước, lãnh đạo cố gào thét, kìm cương, cái dây cương không còn hiệu quả vì phải buộc vào hàng trăm hàng nghìn con ngựa tuột mất cái tích chc mắt. Chỉ còn lại những quyền lợi ráng chia nhau mà hưởng, còn lại lòng tự ái về quá khứ oanh cố trì níu thời kì liệt lù lù trước mắt.

Người trong đã vậy mà người ngoài thì cũng chẳng khác. Giấc mơ nhân bản của họ tan biến sau một chặp thiếp đi ngắn. Còn bàng hoàng thì họ kêu khóc về thân phận, kiếp người. Thiếp đi nữa thì họ có thể đi vào một giấc mơ nhân bản mới với đối tượng cập thời. Đó là biểu hiện của những người phản chiến cũ, những nhân vật mà vì còn nể nang, hay đúng hơn để khỏi chứng tỏ mình quay quắt,

Chính quyền "ta" gọi là "những người nhẹ dạ" trước đường lối tuyên truyền có hệ thống của bọn phản động quốc tế... Biện minh là quyền của tất cả, vấn đề là biện minh có tính thuyết phục hay không.

Vào một buổi chạng vạng, có một chiếc xe hàng chở người đi ngang đường vào T6. Xe đầy chỗ ngồi, chạy chậm nên nghe được các câu trả lời: "Ở Bắc về, Sáu cục (đại tá), bốn cục..." Không ai qua T5 chúng tôi cả, nhưng do xáo trộn trại chúng tôi biết họ phần lớn không phải là những người trình diện cùng lúc với chúng tôi mà có những tù binh từ hồi tết Mậu Thân, từ Mùa hè đỏ lửa... Mười năm, tám năm... chúng tôi phải chờ bao lâu? nhưng có sá kể gì với anh chàng trung sĩ năm 1955 nghe lời kêu gọi của đất nước — và của loa tuyên truyền đã bỏ ngũ về quê được tiếp đón nồng nhiệt cho quên tiếng vọng phương Nam, nhưng từ năm 1965 phải đi học tập và đến năm 1977 này vẫn chưa về? Những người mới ra bị đồng bào xa lánh vì ghê sợ bọn ngụy mọi gan, móc tim ăn như sách báo của Đảng, của nhà nước, của nhân dân đã dạy bảo nhiều lần. Một toán được tổ chức cho đi thăm lăng Bác. Những người có tội với Tổ quốc đã quì xuống lết trên đầu gối để đến gần Bác. Có người đã khóc vì ân hận! Than ôi! Một cuộc lễ hiển phù văn minh! Thiếu một nhà điêu khắc để đời sau thấy những ông phỗng đá, béton tù binh Chàm-mới hầu hạ những khai sinh đất nước mới vĩ đại nhất từ lúc có các vua Hùng! Cuộc tiếp đón tù binh dưới tàu lên thật dàng hoàng, chu đáo khiến ít ra cũng có một nước bại trận phải ganh ghét nếu biết được. Những sau đó là những lán rừng bạt ngàn, những hầm tối của các mỏ hết khai thác để tù binh phải được cho tắm nắng 15 phút hàng nửa tháng, một tháng.

Nhưng tình người ở đâu cũng vậy, cũng xuyên được bức màn giả dối. Những người đi làm rừng vác cây gỗ nặng được đồng bào thiểu số giả vờ đánh rơi hoặc đặt bên vệ đường gói xôi, nắm củ rồi lảng ra xa. Ngược lại có những người thấy lửa CA đào thoát thật là dễ mà không thể thoát được đám quần chúng được tôi luyện phẫn nộ đã uà lại đánh chết tên tù binh vượt ngục kém may mắn — không cần báo chính quyền biết. Sự phẫn nộ của nhân dân là chính đáng mà! Nhưng khi cái vòng vây cừu thù ấy tan biến — điều này không biết là chính đáng hay không, thì người tù binh lại thấy ra ở dân chúng sự ơ hờ, vô trách nhiệm đến ngạc nhiên, sự dửng dưng truyền thống "cháy nhà hàng xóm bình chân như vại" vẫn còn đó dưới lớp sơn tinh thần tập thể mới đã tróc loang lổ. Anh chàng tù binh đào thoát chẳng cần phải lặn lội theo dường rừng vào Nam mà chỉ kiếm chiếc xe thồ (bằng cách nào?) đi buôn lậu xuôi ngược, tối căng võng nhà ga làm đẫy giấc! Anh bị bắt lại chỉ vì một cơn nóng giận đã chửi thề đặc biệt Sài Gòn — y như mấy anh đặc công hồi Tết Mậu Thân vào quán ăn gọi bánh chưng! Những người ít máu phiêu lưu hơn anh chàng này thì khuất thân làm ở các hợp tác xã nông nghiệp, lúc nghỉ ngơi thay vì mắc võng Trường Sơn thì dòng dưa dưới bụi tre già hưởng buổi trưa mùa hè của thời Quốc Văn giáo khoa thư cũ. Có anh sung sức hơn thì đi cua

gái làng, nhưng cố không vụng về như anh nọ làm cho cô giáo nhân dân anh hùng đã phải mang bầu mà còn đi cải tạo nữa!

Tin về Nam thật bất ngờ như từ trên trời rơi xuống. Thôi thì có gì bỏ lại hết. Có anh tháo cả cái nhẫn dúi cho bà mẹ già để nghe bà rưng rưng nước mắt: "Từ thuở bé đến giờ..." Cũng vẫn câu chuyện chỉ ba ngày gởi tạm Hóc Môn rồi về nhà. Cái nết có ai đánh đâu mà phải lo chừa? Có người chờ sốt ruột đến vài ba tháng. Thôi dù sao cũng là về!

Còn may hơn anh chàng ở T4, cái T đối diện mà chúng tôi thấy mỗi tù binh đi qua đều phải giở mũ nơi trạm gác, nơi vì thói quen đó được chúng tôi đặt tên là miễu âm hồn. Anh chàng này vốn là hạ sĩ lại phải đi học tập theo sĩ quan. Chẳng hiểu vì sao, nhưng trường hợp đó không lạ. Sau chúng tôi, các cấp hạ sĩ trở lên thuộc ngành tình báo an ninh phản gián đều bị gọi đi hết. Đã nói có trường hợp vui chơi, lỡ bước theo người khác đi "học 10 ngày" nên bị kẹt. Có những học sinh được tài xế xe lam gọi đùa "Mời đại úy, mời thiếu tá lên xe" bị "đồng bào" tố cáo là dân tình báo nên phải lên xe bít bùng. Có người — mà đây là số đông, con nhà giàu, hay dân ăn chơi, vốn ở cấp dưới, giả sĩ quan đi cua gái, rồi cưới vợ, đeo lon lá quanh xóm nhà vợ nên có trở lại lốt thật cũng không ai tin. Chưa kể có người vào trại rồi mà cứ nằng nặc xưng là SQ, gặp người chỉ huy cũ vẫn lắc đầu quầy quậy trước CA: "Ông ấy lầm tôi với ai khác đấy chứ,tôi đúng thật là trung úy..." Có người nghĩ rằng anh ta trót dâm lao theo lao không dám phản cung. Có người mỉa mai rằng nghe nói có tờ thông cáo trước kia của MT cho sĩ quan CH giữ cấp bậc cũ trong chế độ mới nên anh ta cứ gắng gồi để nuôi hi vọng làm quan CM. Lời mỉa mai dựa trước một chuyện cho là có thực của một trung úy KQ cứ xưng là đại úy để được làm đại úy lái máy bay nhân dân anh hùng. Anh lính kia lâu ngày trông đợi mòn mỏi đến 5,6 năm ăn củ mì, bèn đầu hàng, thay đổi chiến thuật xin trở về vị trí người lính đơ dem cùi bắp cũ. Chiến thuật mới thành công, anh ta đã ra về một lượt với tôi từ Gia Trung.

Người hạ sĩ ở Hóc Môn không được may mắn như vậy. Vào buổi tối độ 9 giờ, tôi đang rửa cái chén chè anh bạn vừa cho thì nghe có tiếng ùng ục hướng nhà bếp. Tưởng có đám đánh lộn, tôi chạy lại thì thấy bếp lúc nhúc đầy người lấp ló nơi mấy cái lò than, mấy cái chảo. Tiếng ùng ục, loảng xoảng của xích sắt, tiếng người kêu khóc là từ bên kia hàng rào, nơi cổng ra vào của T4. Chỉ có một ngọn đèn chụp trọn vùng sáng dưới đất phía trước cổng, một vệ binh bận quần xà lỏn, áo may ô, cầm AK lăm lăm tứ phía. Khoảng đường từ cổng vào nơi ở cải tạo cũng có người vệ binh khác hướng súng đề phòng. Mấy cái conex nằm lù lù tối đen, chỉ có một cái có ánh đèn chiếu không hết khung cửa, từ đấy có tiếng ùng ục của vật nặng đập vào một vật mềm, tiếng xích sắt theo đà sức xô đập vào thành conex kêu loảng xoảng và tiếng rên, tiếng hét của một người bị nhét giẻ hay bịt mồm. Không có tiếng la hét của người sử dụng quyền uy. Không ai có thể sử dụng sức mạnh tàn bạo một cách liều lĩnh như vậy, một vết son cho công trình của Đảng huấn luyện thanh

niên. Không ai có thể quyết tâm giết người một cách thản nhiên như vậy. Mà cũng phải, la hét làm hao hụt năng lượng đáng lẽ phải dồn vào đôi tay, cùng lắm là chỉ phí phạm vào đôi mắt rực lửa.

Cả đồng hồ dài chúng tôi theo dõi tiếng rầm rập và tiếng ú ớ. Đau xót, lo sợ mà bất lực. Anh bác sĩ X. của những ca mổ trứ danh ở bệnh viện Bình Dân thốt lên tiếng lầu bầu nho nhỏ khi rời bếp về chỗ nằm: "Dã man... Dã man..." Một lúc sau tiếng động dừng lại và lần đầu tiên chúng tôi nghe tiếng kêu của nạn nhân: "Mẹ ơi! Trời ơi! Tôi tội tình gì..." Rồi im bặt. Hai người vệ binh không phải gác nữa. Không ai phải mỏi tay nữa. Hai ngọn đèn vẫn soi sáng chừng ấy bóng đêm. Chẳng có gì thêm hay bớt đi trong một khung cảnh vừa có thêm một xác chết.

Buổi sáng hôm sau T4 vẫn có người đi lao động nhưng đoàn người bước ra cổng có vẻ chậm chạp hơn, dáng trầm lắng hơn. Một chốc sau một chiếc xe lam mang cái hòm vào. Chẳng có gì phải nói thêm. Ngoài câu chuyện rỉ tai về nguyên nhân của "tai nạn": Anh hạ sĩ này bị bệnh , không thuốc men, trong một cơn sốt mất bình tĩnh đã chửi vung tàn tán những kẻ anh cho là cội nguồn đau khổ của anh, "từ cấp cao nhất" như người ta xầm xì mà không nêu đích danh ai là "thằng này, thằng nọ". Cái đuôi câu chuyện hơi dài nhưng cũng phải nói là chuyện anh khối trưởng ở đó đi báo cáo sự việc với quản giáo. Có lẽ anh tưởng chỉ làm một việc "hết trách nhiệm thông thường" mà không ngờ được kết cục bi thảm. Nghe nói anh ta có vẻ buồn vì chuyện đã xảy ra, nhưng cũng mong rằng nét buồn tỏ ra không phản ánh hết được phần ân hận to lớn còn lại trong tâm hồn.

Người chết được chuyển trại. Qua T7. Về đây chúng tôi chỉ thấy có T6 là hết. Nhưng có kẻ cắc cớ nhắc T7. Đó là lúc có người nổi nóng thấy bạn bè ồn ào, la lối, dục dẽo rầm rầm suốt ngày sáng trưa chiều tối. Anh ta được trả lời: " Mày muốn khỏi ồn ào thì xin chuyển qua T7 đi. Ở đó yên tĩnh lắm, ít người, chỉ độ vài chục thôi, mà thằng nào thằng nấy nằm yên tại chỗ, không ai nói với ai một lời nào cả, suốt ngày". Cái số vài chục ấy tôi không biết hết, nhưng nghe nói có một bà -- đúng hơn là cô đại úy HCQY đồng nghiệp, Cục QY, hoa khôi ở đó, hơi già. Một người nữa, mãi sau này mới biết đó là anh bạn cùng đi lên Trảng Lớn nhận ra chỗ mình đến là nơi mình bị thương vì đạn pháo kích lúc đang tuần hành. Nhưng cũng có dân T7 lại muốn ở chỗ yên tĩnh hơn. Anh ta nằm riêng bên mé hàng rào T5. Một hôm phát quang ở đó, rào lại bờ đổ, tôi gặp anh. Mộ chí hẳn hòi ghi: "Thiếu tá Quách... pháo binh". Đó là người của lớp tá trình diện trước, định trốn trại nhưng không thoát. Nghe nói khi bị bắn anh ta có hô: "QLVNCH muôn năm!" Cái thế oai hùng lẻ tẻ, muộn màng, bất chợt ấy giá như được đoàn thể "có nghề" khai thác thì cũng hay đấy. Anh ta có thể thành tượng tự những vị thần của hệ thống phẩm trật thiên đình ngày nay, đi vào văn học, vào nhà trường, nằm trong kinh nhật tụng để hướng dẫn cho các thế hệ mai sau. Nhưng ở vào thời tập thể anh đã có tiếng hô "Sauve qui peut!" thì anh phải nằm đây, có được

nhớ chăng chỉ là vào lúc người vợ lặn lội xin phép dựng mộ bia xong, rồi bỏ đấy để lo cho cuộc sống, cái lo không rời thân xác.

Cái rãnh nước làm rào cũng chứng kiến một cảnh thương tâm khác. Lựu đạn đầy rẫy dưới cỏ, tất nhiên rồi. Hai vệ binh nhảy xuống bắt cá cải thiện cũng là điều thường của một sinh hoạt rất là thôn quê, điều làm cho người chủ hãnh diện vì tính nhân dân của quân đội mình. Nhưng chẳng biết vì mức độ sinh hoạt thấp kém chung làm họ phải lúng túng khi hoàn cảnh đổi khác để báo QĐND phải kêu gọi đến truyến thống mới xác lập nhưng đã bị tình thế vượt qua gấp rút khi nhắc tới những hiện tượng "sai trái" cái kiểu ăn quà vặt làm giàu cho bà hàng nước, hiện tượng bê tha, tránh né lao động vẫn xảy ra ở doanh trại... Trở lại người vệ binh và trái lựu đạn bị rỉ sét dưới nước lúc chốt chặn chỉ cần đụng đến là bung ra. "Thằng ... chết rồi!" Mọi người chạy xô về phía tiếng nổ không ai chú ý đến một mảnh thịt văng về phía T6, rơi bên cạnh một người đang băm rau cho vịt. Anh cầm lấy xắt nhỏ để cho bầy con anh được thêm chút Prô-tít. Một cách thản nhiên che dấu một bên trong đầy hận thù. Nước sơn văn minh thật là mỏng mà con người với thú tính có quá khứ hàng chục vạn năm quả thật dễ dàng bật dậy nhân danh căm thù lí tưởng và cá nhân trở thành trần truồng với thời man dã!

PHAN NI TẤN (N.D.)

chim bay sen nở trăng tròn

người cũng giống như chim bay sen nở trăng tròn
nằm vuông trong tượng trứng trời nọ
năm tháng với mùi sơn cọ
đã trổ mầm tươi như đất quê nhà

lắng hết lòng vào trong thiền họa
mặc chung quanh hỗn độn những vui buồn
Cây Tổ vẫn sừng sững trên mộc bản hương nguồn
bén rễ già đục vỡ máu lòng bàn tay

theo bằng hữu khắp phương xa biết mấy
tháng sáu đổ về tôi gặp lại ngón tài hoa
vì nghệ thuật đã hóa thân kỳ lạ
người thành ra trăng tròn sen nở chim bay.

VÕ ĐÌNH

động đất ở montréal? thư cho một họa sĩ trẻ, IV (1)

Vô tình mà cứ hai năm chú lại viết "thư cho một họa sĩ trẻ". Hùng nhỏ bằng nửa tuổi chú, trẻ là phải rồi. Có người gọi giễu chú là "họa sĩ trẻ . . . lại". Hay! Dí đỏm! Trẻ lại cũng được, có sao đâu. Nhưng chú đâu có trẻ *lại*. Râu tóc bạc thêm nhiều, làm việc nặng kém đi, nhưng chú có bao giờ cảm thấy chú già đâu, mặc dù Tết năm con Gà sắp tới chú đã 60. Chú nghĩ rằng chú trẻ hoài cho đến khi chú chết. Trẻ hoài để sống với đời, với người, cây bút, cây cọ chứ. Để nghe gió thổi, chim kêu, để nhìn mưa rơi, tuyết xuống chứ. Ở tuổi cửu tuần, Hokusai, Picasso, O'Keefe vẫn trẻ kia mà. Gọi Hùng là họa sĩ trẻ chỉ vì Hùng là hàng con cháu đó thôi.

Nói chuyện con cháu, phải khoe với Hùng là chú mới được có thêm hai thằng "cháu" họa sĩ nữa. Đừng vội ghen! Tuấn và Tài ở Montréal. Làng chàng tuổi ba mươi như Hùng. Đã ra khỏi cái mà chú gọi là "trường phái lãng đãng". Cuối tháng 6, chú từ Washington lên Montréal chuẩn bị phòng tranh thì Tuấn lại phải đi ăn đám cưới ở Boston vì đã hẹn trước từ lâu. Nhưng trước khi về lại Mỹ, hai tuần lễ sau, chú đã được gặp lại Tuấn và xem tranh Tuấn. New York nhiều hơn Paris. Dễ hiểu. Jean-Paul Riopelle, đệ nhất danh họa của Gia Nã Đại, tuy là người Québec (nếu chú không lầm), từng ngụ tại Paris lâu năm, vậy mà vẫn gần với New York School hơn là Ecole de Paris.

Tuấn đi vắng, có Tài giúp chú. Các bạn "già" của chú lo các việc lớn, phiền hà hơn, tốn kém hơn. Chỉ có Tài là lo giúp chú từng cái đinh, sợi dây, từng bóng đèn, mảnh gỗ. Có thể nói không có Tài thì nhất định phòng tranh đã không mở cửa kịp ngày. Đêm 26, 1 giờ sáng mới lấy được phòng, tuy đã mướn trước. Làm việc suốt đêm đến 9 giờ sáng mới xong phòng tranh. Về chợp mắt cái lại phải dậy, tắm rửa, thay áo quần, chạy. Cho kịp khai mạc lúc 1 giờ trưa.

*

Nói đến phòng tranh, chú tiếc. Tuy ở cái xứ mịt mù "đất thấp" quê hương của Rembrandt và Van Gogh kia, chắc đọc báo Hùng cũng đã biết quá nhiều rồi về những lộn xộn đã xảy ra, chú miễn con cà con kê. Chú chỉ muốn nói cho Hùng nghe bởi vì sao chú tiếc.

Chú không tiếc vì những trục trặc đó có ảnh hưởng bên lề không mấy tốt cho phòng tranh. Thật tình, hoàn tất được số tranh đó, lòng chú đã sung sướng lắm rồi. Những năm gần đây, chú viết, chú vẽ khỏe nhưng chú không còn tha thiết lắm với những chuyện sinh hoạt gọi là "phụng sự văn nghệ" và "phát huy văn hóa" nữa. Hùng biết chú không phải là một người nổi tiếng khiêm tốn. Nhưng quả thật, chú cũng không phải là một kẻ kiêu căng. Ấy vậy mà bạn hữu thương mến đã phải năn nỉ nhắc nhở gần cả năm trời chú mới chịu để anh em tổ chức buổi triển lãm và đêm văn nghệ gọi là "đánh dấu 35 năm cầm bút" cho chú. Trong bối cảnh đó, phòng tranh đã được dựng lên, tốt quá rồi. Sá gì dăm ba cái trục trặc lẻ tẻ. Chú không tiếc vì công trình cá nhân của chú.

Chú cũng không tiếc vì có một vài mũi tên bắn về phía chú. Thời buổi này, điều đó cũng thường thôi. Xưa nay chú vẫn tâm niệm: Sống chân thành, hành động theo lương tâm, ngoài ra . . . nhờ Trời! Xưa nay chú vẫn là ông quan tòa nghiêm khắc nhất đối với bản thân chú rồi.

Và nhất định chú không tiếc vì trong bầu không khí căng thẳng đầy nghi kỵ đó, tác phẩm của chú, những họa phẩm của chú, dưới mắt chú, như có tráng lên một lớp men bẽ bàng. Thay vì được quét lên một lớp véc-ni theo đúng truyền thống "vernissage". Hùng biết không, chú đã âm thầm làm việc trong hai ba năm trời mới hoàn thành được 35 bức tranh đó. Chú đã vẽ trong những đêm tuyết rơi tầm tã. Những sáng mưa gió dầm dề. Những trưa hè thiêu đốt, nhà không có máy lạnh, cởi trần ra mà vẽ, ăn cơm nguội với canh rau mà vẽ. Có những khi sực tỉnh nửa đêm về sáng, vùng dậy, bật đèn, vẽ. Và có những hoàng hôn hiu hắt, chú cầm cây cọ trong tay mà hai mắt rưng rưng, chú đã vẽ, vẽ "*trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh*", vẽ "*cánh hồng bay bổng, tuyệt vời*", vẽ "*trong lò sen nở sắc thường tươi*" (2). Chú đã "hóa giải" *hình* của hội họa với *tính* và *tình* của thi ca (3). Và cuối tháng 6 qua, trong gian phòng đồ sộ của một *club privé* sang trọng ở Montréal, 35 đứa con của chú treo nằm trên tường, câm nín với tất cả nỗi niềm xót xa và hạnh phúc. Tuy nhiên, như người mẹ mang nặng đẻ đau sanh chúng ra đời, chú nhìn chúng và chú thấy chúng nằm trên tường như những xác thân trần trụi. Tênh hênh. Trên tràng.

Tuy nhiên, cũng không phải vì thế mà chú tiếc. Nghệ thuật là tinh hoa (hay cặn bã) của sự sống. Chú đã sống hết mình. Chú không có gì để phải tiếc. Vậy thì chú tiếc cái gì? Để chú nói Hùng nghe chú tiếc cái gì.

*

Chú tiếc cho một số người yêu tranh chú. Chú tiếc cho vị nào đó muốn "thỉnh" một họa phẩm của chú nhưng, đau đớn thay, họa phẩm đó, trong tất cả 35 họa phẩm của phòng tranh, đã được một khách chơi tranh khác "thỉnh" mất rồi! Chú tiếc cho vị nào đó muốn mua tranh chú nhưng, khổ thay, toàn bộ họa phẩm trưng bày kích thước dọc ngang không đủ đồ sộ như ý thích!

Chú tiếc cho vị nào đó yêu tranh chú, đã mua tranh chú, nhưng vì lý do này hay lý do khác lại yêu cầu người coi phòng tranh đừng tiết lộ danh tánh họ trong thời gian "sôi động" đó! Chú tiếc cho một vài vị có tên trong ban tổ chức cuộc triển lãm mà lại không quá bộ đến dự buổi khai mạc, cũng như không đến xem tranh khi phòng tranh đã mở cửa. Tuy nhiên, chú tiếc cho họ là việc của chú. Các vị ấy có tiếc cho chính mình hay không lại là việc của các vị. Ở đời, thiệt thòi mà biết rằng mình thiệt thòi thì mới khổ đau, phải không Hùng?

Chú *mang ơn* và chú cũng tiếc cho mấy chục anh chị em trong đoàn văn nghệ Hồng Lạc từ Toronto — một đoàn văn nghệ có phẩm chất cao — đã không đến xem tranh được vì bổn phận nặng nề trước và sau Đêm Trầm Hương, cùng ngày với ngày phòng tranh mở cửa. Chính hai thành viên nòng cốt của đoàn văn nghệ là hai chị em xinh đẹp và tài hoa, Tôn Nữ Lệ Ba và, Tôn Nữ Hương Bình, cũng chỉ đến phòng tranh được một tiếng trước khi lên máy bay về Toronto!

Chú tiếc cho nhà thơ Cung Vũ (tức ông chủ bút Nguyễn Hữu Nghĩa của tạp chí *Làng Văn*) đã không có mặt ở Montréal. Cung Vũ đã cho ra đời ba thi tập. Tập nào cũng có in lại một họa phẩm, hoặc như phụ bản hoặc như bìa sách của chú. Cứ xét theo sự kiện ấy và lẽ thường tình thì chắc hẳn nhà thơ phải trân trọng nghệ thuật của chú lắm. Ấy vậy mà ông đã khéo thu xếp ngày giờ công việc của ông làm sao để đến nỗi bỏ mất đi cơ hội ngàn vàng xem cho được tận mắt những họa phẩm nguyên bản kia. Tiếc thay!

Chú càng tiếc cho đồng nghiệp Khánh Trường, cây viết, cây cọ đa tài, đầy năng lực và nhiệt huyết, trong sự "thông cảm tương nhượng" (4) đã phải khiếm diện ở phòng tranh. Cũng như thế, chú tiếc cho "cô bé Trân Sa, hải ngoại chi bảo" (mượn lời ví von của nhà phê bình Đặng Tiến). Và cho tất cả những bạn khác ở xa đến, tuy có lòng với chú nhưng vì tình đoàn kết với những người bị "khuyến cáo đích danh 'cấm đoán', không được . . ." (4) đã chính thức không tham dự những sinh hoạt trong những ngày rầm rộ cuối tháng 6 vừa qua.

Đặc biệt, chú tiếc cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác, người chú đã đích thân mời qua nói chuyện. Những trục trặc xảy ra, ông Nguyễn quyết định không đến phòng triển lãm, không nói chuyện ở *Đêm Trầm Hương*. Chú cảm thông và tán thành quyết định đó. Nhưng chú tiếc. Tiếc người bạn văn vốn thường có cái nhìn sâu sắc và chân thành, đã không được chứng kiến cái cảnh

những đứa con tinh thần của chú nằm trần trụi trên tường với tất cả những dớn đau và hoan lạc của chúng.

Và hơn hết, chú tiếc, chú thương cho nàng Tự do.

*

Chú gọi Tự do là "nàng", cũng như chúng ta vẫn gọi Thơ là "nàng". Có lẽ vì cái tượng khổng lồ của nữ thần Tự do ở hải cảng New York. Có lẽ vì thi sĩ Paul Eluard đã gọi "nàng" là "em" một cách thiết tha và đau đớn trong bài thơ lừng tiếng của ông, *Liberté*. Hay có lẽ bởi vì bức danh họa Eugène Delacroix vẽ năm 1830: nàng Tự do xung phong, áo trắng "trễ xuống quá nương long"... Những "nàng" Tự do đẹp vạm vỡ, đẹp hiên ngang.

Cách đây vài năm, ở địa phương chú cư ngụ, miền Tây Bắc tiểu bang Maryland, có tin một đoàn KKK sẽ đến sinh hoạt, diễn hành, v.v. Chú tin rằng KKK là cái quỉ gì, Hùng (cũng như độc giả *Văn Học*) thừa biết. Cả quận nhốn nháo lên. Vài nhóm chống kỳ thị và bạo động mở chiến dịch lên án KKK và kêu gọi quần chúng thỉnh nguyện chính quyền địa phương không cho phép nhóm KKK bước chân vào đất quận. Có nhóm khác, gồm nhiều trai tráng các sắc dân thiểu số bắn tiếng "cứ để bọn nó đến quận ta, chúng tôi sẽ ăn thua đủ. Một nhà thờ Tin lành tổ chức "hội thảo" về vấn đề sôi bỏng. Vì được mời cũng có, vì tò mò cũng có, chú đã tham dự buổi họp này. Đại diện các tôn giáo, các nghiệp đoàn, các sắc dân, v.v. lần lượt lên máy vi âm phát biểu.

Trưa hôm đó trời oi bức, các vị đại diện cộng đồng phát biểu tràng giang đại hải, chú buồn ngủ rục cả người. Chú chỉ nhớ có một bà lão. Gầy, nhỏ, tóc bạc phơ. Chiếc áo *dress* vải thường, điểm bông xanh nho nhỏ. Tay cầm xắc, tay chống ba-toong, cụ lẹ te đi lên bục. Bà lão nhỏ xíu vậy mà tiếng nói trong máy vi âm rổn rảng làm mọi người giật mình, chỏng tai nghe. Trong chốn trang nghiêm mà cụ bà chửi thề tùm lum. Đại để cụ rầy rà:

"Tôi không được mời nhưng tôi muốn phát biểu. Xin quí vị cảm phiền. Tôi chẳng hiểu quí vị bàn luận ngược xuôi cái gì nãy giờ. Lôi thôi dài dòng quá, rắc rối quá, tôi không hiểu nổi. Tôi chỉ muốn nói cho quí vị biết, cái bọn KKK khỉ gió này, có gì mà quí vị bức xúc dữ vậy. Tôi, tôi biết cả mấy ông cố tổ của chúng nó kia. Năm tôi 21 tuổi, chúng nó đánh cha tôi mù cả một mắt, bắt anh tôi đem đi mất tích, rồi hiếp dâm cả tôi. Bây giờ tôi 75 tuổi rồi, tôi nói cho quí vị biết. Do Thái chúng tôi thù ghét cái bọn Quốc xã Đức còn bằng ngàn bằng vạn lần quí vị ăn no mặc ấm ở cái xứ bình yên này thù ghét bọn KKK Mỹ. Quí vị, ai đã chưa từng nghe đến các địa danh Buchenwald, Auschwitz, xin giơ tay lên! Vậy mà giả thử bây giờ có một nhóm đảng viên Quốc xã đến đây, không có Quốc xã Đức thì Quốc xã Mỹ cũng được, quí vị có biết tôi sẽ nói gì với chúng nó không? Tôi sẽ nói, tổ cha chúng mày, cứ đến, xứ này là xứ tự do, tự do đi chuyển, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận. Chúng mày cứ đến, hiến pháp Hiệp chủng quốc bảo vệ chúng tao mà cũng bảo vệ chúng mày. Mỹ quốc tự do hơn Đức quốc xã là ở chỗ đó. Bình đẳng

nhân ái hơn kỳ thị độc ác là ở chỗ đó. Quí vị có biết Voltaire là ai không? Voltaire là một triết gia Pháp, thế kỷ 18. Tư tưởng của ông đã ảnh hưởng sâu đậm lên những cuộc đấu tranh cho quyền làm người của dân Pháp và thế giới. Voltaire đã từng viết: *Tôi không tán thành những điều anh nói, nhưng tôi sẽ bảo vệ đến chết cái QUYỀN của anh được nói ra những điều ấy.* Bây giờ trong quí vị có người đòi cấm đoán chúng, đòi đánh đuổi chúng, đúng là quí vị coi rẻ cái lý tưởng cao đẹp nhất của xứ sở này. Tôi, một mụ già Do Thái gần đất xa trời, hơn nửa thế kỷ về trước bỏ nhà bỏ cửa ra đi với hai bàn tay trắng, đến đây ăn mày ăn mót một chút tự do của quê hương của Jefferson, của Lincoln, tôi nói cho quí vị đó rõ: Quí vị không xứng đáng làm công dân Hoa Kỳ! Quí vị không xứng đáng làm công dân của thế giới tự do! *And I am awfully sorry about that!"* (5)

Nói một hồi xong, bà cụ động ba-toong cái rầm, te te đi xuống. Mấy trăm thính giả, trong đó có chú, ngồi ngẩn ra. Mấy giây đồng hồ im lặng tuyệt đối. Rồi không hẹn mà mọi người nhất tề đứng dậy. Tiếng vỗ tay vang động cả giảng đường.

Cư ngụ ở Mỹ đã hơn phần tư thế kỷ, chưa bao giờ chú thấm thía ý nghĩa của hai chữ tự do sâu sắc như hôm ấy.

*

Đêm 26 rạng ngày 27, ngày của khai mạc triển lãm và *Đêm Trầm Hương*, chú nói với bạn hữu: "Cái nhìn của tôi rất chủ quan. Xưa nay tôi đã quyết làm cái gì là tôi làm. Nếu tôi có toàn quyền quyết định thì chúng ta cứ làm theo chương trình đã hoạch định, coi như không có gì bất thường xảy ra cả. Tuy nhiên, tôi cảm thông với những khó khăn của anh em trong ban tổ chức. Tôi cũng cảm thông với sự bất bình của anh em đến từ xa. Tôi xin để chủ và khách chọn lựa một giải pháp thỏa đáng. Thế nào tôi cũng hoan hỷ".

Và bạn hữu đã chọn lựa. Anh chị em trong ban tổ chức không muốn hủy hoại bao nhiêu công lao tốn kém, không muốn chối bỏ trách nhiệm đối với tất cả thân hữu xa gần đã khích lệ, hỗ trợ, và còn sẽ đóng góp, cho *Buổi Triển Lãm* và *Đêm Trầm Hương*. Anh chị em ở xa đến đã chấp nhận trong tinh thần cảm thông và nhẫn nhục: họ sẽ không tham dự các buổi sinh hoạt để mọi việc có thể diễn tiến một cách êm đẹp.

Chú có nói trên, Hùng ơi, "thế nào tôi cũng hoan hỷ". Mọi sự đã xảy ra một cách khá êm. Nhưng đẹp? Cái đó, chú không biết à! Chú chỉ biết rằng cả chủ lẫn khách đã xử sự như những con người biết tôn trọng nghệ thuật và tình người. Đẹp chăng là đẹp ở chỗ đó. Cho nên chú mới nói ở trên: những họa phẩm của chú như có tráng lên một lớp men bẽ bàng . . .

Trước ngày giã từ Montréal, chú được nhà thơ Đỗ Quý Toàn lái xe đem lên núi coi Làng Cây Phong. Chú đã "sinh hoạt" cả một ngày với dân làng. Chú cũng chỉ thêm cho các em thanh thiếu niên cách ngồi kiết già sao cho thoải mái.

Đêm, ở lại trên thiền đường. Nằm dưới chân bàn thờ Phật. Nhà thơ *Cỏ và Tuyết* đã khe khẽ ngáy, chú vẫn chưa ngủ. Chú nhớ đến bà cụ Do Thái năm nào. Đầu thập niên 30, khi còn là một cô gái tuổi 20, cụ bị người Quốc xã Đức hiếp dâm. Cha cụ bị đánh mù mắt. Anh cụ bị bắt đi mất tích. Vậy mà ngày nay, cụ dõng dạc tuyên bố "tổ cha chúng mày, cứ đến, xứ này là xứ tự do". Bây giờ, hơn nửa thế kỷ sau, ông Khánh Trường, cô Trần Sa, chỉ vì đăng lại một vài văn phẩm của người trong nước (những bài, của đáng tội, tuyệt nhiên không có gì ca ngợi chế độ cả), chỉ vì đôi ba câu văn về màu sắc cờ xí (mà có người cố tình hiểu một cách lệch lạc đi) bị "khuyến cáo đích danh", "cấm đoán", "không được" ... (4) vân vân và vân vân.

Ông Khánh Trường là một cựu quân nhân, trong người còn mang mảnh dạn, ông ấy bảo đó là chuyện khôi hài đen. Đen trắng gì thì cũng là khôi hài: ông ấy "cười đến giàn giụa nước mắt". Cô Trần Sa, cô ấy có văn tài, còn rất trẻ, rất hăng: Nghe nói cô ấy cũng có cười. Chú thì chú không cười được. Chú xa quê đã lâu, mấy chục năm sống với Âu Mỹ nhiều hơn là sống với đồng bào. Chú không có được cái óc hài ước đó. Chú chỉ tiếc. Trước Montréal 1992, chú đã có đến bốn mươi hai cuộc triển lãm độc thân, ở Âu, ở Á, ở Mỹ. Sinh hoạt nghệ thuật miễn phí, nó giống như cửa chùa, cửa nhà thờ. Ai đến cũng mở rộng cửa, đón vào. Từng trưng bày ở những thủ đô nghệ thuật thế giới, chú không biết tất cả những ai đã đến thăm những phòng tranh trong quá khứ của chú. Chú chỉ chắc chắn là có đủ hạng người: trắng, vàng, đen, đỏ, giàu, nghèo, Cộng hoà, Dân chủ, Xã hội, Cộng sản, Cấp tiến, Bảo thủ, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Phật giáo, vô tôn giáo, phi chính trị, nam phụ lão ấu, v.v. Chắc chắn như vậy. Lần đầu tiên, ở Montréal, tháng 6, 1992, lại nhằm vào những sinh hoạt với người đồng hương, kỷ niệm mấy chục năm sống hết mình cho nghệ thuật, chú được có một kinh nghiệm mới: muốn được coi tranh chú, người ta phải hội đủ điều kiện! ...

Thôi, cứ cho Tự do là một "nàng" đi, Hùng nhé. Cho nó dễ thương. Nàng có thể già hay trẻ, da trắng hay da vàng, da đỏ, da đen. Ở mỗi nơi nàng mang hình dáng mỗi khác. Có điều, khi nào nàng cũng đẹp. Đã là Tự do, thì nàng phải đẹp. Đẹp vạm vỡ. Đẹp hiên ngang. Chú chỉ xót thương cho cái "nàng" Việt Nam mang tên Tự do. Ôi, sao mà gầy gò, tả tơi đến thế! □

Chú thích

(1) *Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ I*, Văn Học số 11, tháng 12-1986. *Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ II*, Làng Văn số 50, tháng 10-1988. *Thư Cho Một Họa Sĩ Trẻ III*, Làng Văn số 74, tháng 10-1990.

(2) Thiền sư Ngộ Ấn đời Lý.

(3) Đỗ Quý Toàn, *Ngâm Tẩm Hong Phơi*, Hợp Lưu 6, 8-9/1992.

(4) Hoa Thịnh Đốn Việt Báo, 4-7-1992, Người Việt, 2-7-1992.

(5) "Và tôi lấy làm tiếc vô cùng!"

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

montréal: lại "bên lở bên bồi"

Tháng 6-1992, ông Mai Thảo lên chơi D.C. có gọi đến và nói:

– Hoàng Bắc biết chưa, quyển *Bên Lở Bên Bồi* đang có số bán khá lắm!

Sau đó, đọc trong *Sổ Tay* (chắc cũng tháng sáu) của *Văn* cũng được nghe ông nhắc lại. Vậy là đỡ lo được rất nhiều chuyện. Trước hết là đỡ lo về . . . ông Thọ tức ông An Tiêm. Khi khổng khi không, nghe lời xúi dại của anh Nguyễn Mộng Giác đem in *Bên Lở Bên Bồi* rồi về chất trong phòng ngủ gồi đầu mà ngủ thì thật tội nghiệp ông xuất bản quá! Mà số phận của *Bên Lở Bên Bồi* cũng thật (hồng nhan) đa truân. Gởi cho công ty Người Việt đã hơn hai năm, một vài suy nghĩ của tác giả trong sách mà chính tác giả đọc đi đọc lại cũng còn thấy ngượng ngùng, hai năm qua, biết bao nước chảy qua cầu, biết bao nhiêu điều đã đổi thay, từ vận nước cho đến con người, *Bên Lở Bên Bồi* như số phận long đong của nó vẫn chưa ra đời, vẫn chưa thể gom lại được thành một tập để gởi đến người đọc. Cho đến khi ông An Tiêm nhận lời với sự "can thiệp cực kỳ thô bạo" (!) của các bạn thân của tôi như Trịnh Y Thư, Phạm Việt Cường, Phan Tấn Hải và của ông anh muôn-thu-quí-mến Nguyễn Mộng Giác. Cám ơn ông anh, cám ơn bạn bè, cám ơn nhà xuất bản và cám ơn những độc giả tri kỷ bốn phương xa gần.

Cũng tháng sáu, 1992, Montréal với cuộc triển lãm tranh của Võ Đình! Bữa trước, bữa sau, thành phố bỗng nhiên thành "cấm địa" và những ai đến dự phòng tranh có cầm tí cọ, cầm tí bút, hãy coi chừng, họ có thể bỗng nhiên biến thành một cảm tử quân trong đoàn quân trí vận của chiến dịch Bông Hồng Xám (Là cái gì vậy? Tôi ngớ ngẩn hỏi Trần Sa qua điện thoại và gây sự với hắn: Vậy là mi nuốt lời rồi hả, hẹn với ta đi lang thang ở Montréal mà, sao lại trốn mất tiêu?) Tôi đến phòng tranh với vợ chồng Hoàng Xuân Sơn, với cái ước vọng mơ hồ là sẽ gặp Trần Sa đâu đó rồi hai đứa sẽ kéo tuốt nhau vào một góc tán gẫu như dự tính, đợi khách danh dự đến thưởng tranh văn bớt rồi mình sẽ tà tà ngắm nghía tranh sau. Tôi đã từng lên núi, đã từng đến thăm Mai Studio của họa sĩ Võ Đình, cầm từng nắm cọ lớn, cọ nhỏ có cả bó của họa sĩ lên ngắm nghía, đã từng thấy họa sĩ ném từng tảng màu lên nền vải rộng choán gần hết một tấm vách ngăn phòng khách kế bên bàn thờ Phật . . . Nhưng xem tranh Võ Đình thế, nói theo ngôn ngữ cà chua cà chớn của tôi thì "mắt nhắm mắt mở", "con đực con cái", "điếc điếc đui đui", vân vân, nghĩa là thích, mê tranh theo cái nghĩa hoàn toàn cảm tính. Một vài ba bài đọc lõm bõm về họa sử cũng như cái kiến thức cũ kỹ truyền đạt qua quyển *Tìm Hiểu Hội Họa* của Đoàn Thêm thuở ấy, bên nhà, không đủ giúp tôi hiểu

thấu suốt được tranh Võ Đình. Thành ra bữa lên thăm Mai Studio của Võ Đình biến thành một buổi nói chuyện trên trời dưới đất rồi ra vườn . . . cắt rau muống và hái mướp hương về nấu canh. Trước khi sang Montréal tôi thú thực với Trần Sa qua điện thoại:

— Đi theo xe của Trương Vũ, ta cốt để hai đứa mình nói dóc, còn chuyện coi tranh (hơi ngập ngừng) tranh Võ Đình khó chết bỏ, mi thì sao cũng có cầm cọ quệt qua quệt lại hơn ta, tới đó mi "dẫn giải" cho ta nghe với!

Đó là tâm sự thổ lộ thầm kín của tôi.

Không gặp Trần Sa, mà lại gặp Võ Kỳ Điền! Điền đi một mình, đứng trước cửa phòng tranh cạnh Phạm Nhuận, mặt lộ vẻ rất băn khoăn.

Thấy tôi vào, Điền ghé tai bảo: "Có chuyện gì không ổn đó Hoàng!" (Các bạn cũ của tôi ở Đại học Sư phạm hồi đó đều gọi tắt tên tôi là Hoàng, cách gọi thân mật của Võ Kỳ Điền y như ba mươi năm về trước làm tôi rất xúc động).

Rồi chào cờ, khai mạc, cắt băng khánh thành, khách khứa không đông lắm mà cũng không thưa lắm! Vừa dáo dác đưa mắt rán tìm kiếm Trần Sa tôi vừa tóm tắt cho Võ Kỳ Điền nghe là có một cái vụ gì đó như là yêu cầu Trần Sa và Khánh Trường đừng đến tham dự triển lãm, mấy bạn khác bực mình nên cũng tẩy chay luôn! Montréal ơi là Montréal!

Nhưng đến chiều thì tôi cũng gặp được cô em thi sĩ, cô bạn đời tuổi nhỏ hơn tôi rất nhiều mà lại mang cho tôi được rất nhiều quà tặng của cuộc sống: tình yêu đời, lòng say mê nghệ thuật, sự thanh thản không đôi co nhỏ nhặt và sự vững vàng của một tâm hồn đầy nghị lực. Trần Sa vẫn gầy gò và rắn chắc, mắt kính cận lấp lánh vui tươi đi kèm với nụ cười dường như hơi chế giễu, tóc ngắn vẫn ngang tàng và khói thuốc, ôi bàn tay thon với khói thuốc bay mù mịt. Không văn học nghệ thuật, không chính trị chính em, không tình yêu nên không thù hận, không hạnh phúc cũng không đau khổ, chúng tôi hoàn toàn thoải mái, bá vai bá cổ, tán dóc đùa cợt, chọc ghẹo nhảm nhí, uống cà phê, hít khói thuốc, nghe nhạc, nghe thơ... Đó là những điều tôi nhớ được mỗi khi nghĩ đến Trần Sa. Lần nào cũng vậy.

Cố kéo Trần Sa đi với tôi vì vợ chồng Võ Kỳ Điền dặn mãi thế nào cũng phải "bắt cóc" cho được Sa-Hoàng (giống tên vua nước Nga La Tư). Trần Sa bảo đi một đám với nhóm Trăm Con không thể xé lẻ được, tôi đành đi một mình với vợ chồng Kiệt Tấn, vợ chồng Võ Kỳ Điền và anh Lê Tấn Lộc (chị Lộc bận việc không đi được). Nói dóc, cười đùa, tán chuyện trên trời dưới đất ở nhà vợ chồng Võ Kỳ Điền, chụp ảnh kỷ niệm. Kiệt Tấn say nhè mà ăn nói rất có duyên. Khi nghe các bạn bàn tán hôm khai mạc triển lãm tranh Võ Đình (cũng vẫn chuyện triển lãm), có một vài người đàn ông lảng vảng dưới bóng cây trước phòng triển lãm để canh chừng một vài điều gì đấy, có bạn còn nghe được cả họ nói với nhau "Coi chừng bọn Việt Cộng đang tiến vào thành phố", Kiệt Tấn bừng tỉnh nói lè nhè:

-- Mấy toa nói sao, có mấy thằng nào đứng canh chừng dưới bóng cây hả? Tôi tưởng đĩ mới đứng dưới bóng cây chớ, mấy thằng nào bày đặt canh chừng này nọ... Câu chuyện ở nhà Võ Kỳ Điền lan man đi xa hơn, đến khi tôi thuật lại chuyện cách đây ba bốn năm khi tôi không còn viết cho một tờ báo ở Toronto, Canada nữa, ông bà chủ báo đã bực mình nên viết thư cho một bạn văn ở California bảo rằng: "Dạo này Nguyễn Thị Hoàng Bắc viết ít, viết chậm vì bận đi giựt chồng người". Kiệt Tấn liền níu tay tôi bảo lớn: "Nè, tui đây nè, sao bà không "giựt" giùm tui đi?"

Sau này, Kiệt Tấn cứ nói đi nói lại: "Giựt ai cũng vậy giựt giùm tui, tui cám ơn" khiến chị Ánh, vợ chồng Võ Kỳ Điền, anh Lê Tấn Lộc và tôi được một trận cười ngã ngửa ngã nghiêng. Đôi khi bí quyết của đời sống là biến những điều bôi bác bẩn thỉu thành những truyện khôi hài, truyện tiếu lâm và có thể nó sẽ đem lại cho ta đôi ba nụ cười, niềm an ủi vì sự thành thực và tín cẩn đối với nhau giữa các bạn bè. Huống chi là giữa các bạn bè văn nghệ, giữa những người cùng có những say mê chung.

Tháng 7-1992, trời đất hỡi, vụ án "động đất Montréal" bỗng thành đề tài chung, đề tài lớn của các tạp chí hải ngoại. *Người Việt, Diễn Đàn Tự do, Hoa Thịnh Đốn Việt Báo, Phố Nhỏ, Sài Gòn Nhỏ* (báo ngày, báo tuần) rồi *Văn Học, Sóng, Thế Kỷ 21, Làng Văn, Chiến Sĩ Tự Do, Hợp Lưu, Giao Điểm, Trăm Con* (báo tháng), còn nhiều nữa, tôi nhớ không hết. Bài của Nguyễn Mộng Giác, Trương Vũ, Trà Lũ, Phan Tấn Hải, Nguyễn Hữu Nghĩa, Khánh Trường... được đăng đi đăng lại trên các báo lớn báo nhỏ, báo quốc tế, báo địa phương... Nghe đâu chị Thụy Khuê của đài RFI ở bên Pháp nhân dịp sang chơi D.C. cũng đã phỏng vấn anh Trương Vũ về vụ này. Rồi đến thông cáo chính thức của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại do ông Trang Châu ký. Vậy thì, "Động đất Montréal", đề tài lớn nhất của tháng bảy, năm 1992 có ghi thành văn bản mà sau này nếu có thì giờ nghiên cứu, có thể trở thành một vụ án lịch sử quan trọng và thú vị lắm.

Tháng 8-1992, tháng của "hậu động đất Montréal", những lá thư nặc danh và điện thoại hăm dọa. Tôi nghe nói có những người sau đây được cái hân hạnh lãnh thư nặc danh cũng như những cú điện thoại phá rối: Trần Sa (Toronto), cô em gái của Võ Kỳ Điền (Toronto), ông Trang Châu (Montréal) và cho đến nay, chị Võ Kỳ Điền (Montréal). Trần Sa gọi điện thoại đọc cái thư nặc danh cho tôi nghe, cũng như sau đó chị Võ Kỳ Điền cũng làm y như vậy. Riêng chị Võ Kỳ Điền thì còn thêm vài chi tiết cho bớt phần nặc danh đi: lá thư gởi cho chị ký tên "Chung" và bí mật gởi đi bằng số điện thư (fax) của tòa soạn *Làng Văn*, Toronto, Canada, và sau đó bị chị Võ Kỳ Điền phát hiện ra được. Thời buổi tối tân, máy móc hiện đại được sử dụng với nhiều khả năng đa diện và trái khoáy. Thí dụ cũng như cái dao mổ của ông bác sĩ mổ vết thương để cứu bệnh nhân cũng là một cái dao mà cái dao của tên hung đồ cầm đâm chết bạn bè cũng vẫn là một cái dao!

Nói về chuyện mấy cái thư nặc danh thì tôi cho rằng quí vị nào chỉ chuyên viết thư nặc danh là nhát như cáy. Đã có công sáng tác ra mấy áng văn chương "rùng rợn" như thế mà không dám chường mặt ra như cái ông Chung nào đó, lại gửi vớ vẩn thế nào cho lọt vào máy *fax* của ông Nguyễn Hữu Nghĩa. Đến nỗi ông Nguyễn Hữu Nghĩa cũng thú nhận không hiểu nổi sự ngớ ngẩn của anh chàng Chung kia, như trong một lá thư ngắn ông Nghĩa gửi cho Võ Kỳ Điền, sau khi Võ Kỳ Điền nhận ra số *fax* gốc *Làng Văn*. Ông Nghĩa viết: "Tôi nhận được cái thư gửi cho ông, không hiểu sao lại về máy *fax* của tôi!" (sic). Hay là chúng ta rủ nhau bắc thang lên hỏi ông trời?

Vậy thì, quí vị sẽ hỏi tôi, những chuyện lẩm nhẩm trên trời dưới đất, sách vở, báo chí, du lịch, bạn bè, thư nặc danh . . . những chuyện này có liên quan gì đến *Bên Lở Bên Bồi* mà tôi lại đề cái tựa là: "Montréal: Lại Bên Lở Bên Bồi"?

Có đấy, hôm đi sang Montréal thì tôi mới khám phá ra rằng nhà thơ Huỳnh Liễu Ngạn cũng có một bài thơ tên là "Bên Lở Bên Bồi" rất hay. Chứ còn gì nữa, cấm đến Montréal, cấm tham dự triển lãm tranh Võ Đình, cấm đặt tựa đề bài vũ là *Trăm Con* của ban vũ Lạc Hồng, lãnh vài ba cái thư nặc danh vớ vẩn, cấm đọc sách báo sáng tác của các tác giả trong nước, cấm in sách của người hải ngoại cho độc giả trong nước đọc, vân vân . . . là những cái thuộc về "bên lở". Nhưng bù lại, tôi được vô số "cái bồi": được đọc những bài viết rất hay trong cuộc tranh luận sôi nổi về vụ "Động đất Montréal" để được xem ai chính ai tà, được xem tranh Võ Đình, được làm quen với vợ chồng Kiệt Tấn, Lê Tấn Lộc, được đi cùng đường với Trương Vũ, Ngô Vương Toại, Trương Anh Thụy, Đinh Cường trong một cuộc hành trình có vẻ đe dọa nên rất thích thú, được gặp lại các ông anh quí mến Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, được nói đùa, trò chuyện với các bạn thân ở xa như Phan Tấn Hải, Vũ Thùy Hạnh, Khánh Trường, Chân Phương, Thân Trọng Mẫn, Phạm Việt Cường, được gặp lại các bạn bè cũ như anh Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Võ Kỳ Điền, Phạm Nhuận, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Chiều Nhân, Lưu Nguyễn . . . được hít khói thuốc và uống cà phê của Trần Sa . . .

Mỗi lần câu thơ của Huỳnh Liễu Ngạn đã được phổ nhạc vang lên bằng một giọng rất Huế, "Em ơi, hễ bên ni bồi thì bên tê lở", tôi lại thường thấy lòng mình ngập tràn hạnh phúc, vì quả thực nói như lời tâm sự của Trần Sa khi chủ trương tờ Trăm Con, Sa viết cho tôi: ". . . Tờ báo [*Trăm Con*] là nơi của những trái tim thốt lời tình tự đến con người và cuộc sống".

Có những lá thư nặc danh, có những bài viết tồi, có những lời thóa mạ bôi bác thì cũng có khắp nơi, những tờ báo hay, những áng văn chương dám ký tên, những quyển sách đẹp, để tôi thấy vẫn có nhiều, rất nhiều những trái tim đang thiết tha thốt lên lời tình tự dịu dàng để trân trọng con người và xưng tụng cuộc đời. □

TRANG CHÂU

gởi những người không phải là bạn tôi

Tôi trót sinh chọn một nghề
Lấy chữ nhân làm trọng
Nên xin rất hiền hòa
Cám ơn các anh
Đã viết về tôi những điều không thật
Đọc xong tôi vẫn mỉm cười
Vẫn ung dung ngồi xuống bàn
Lấy toa viết cho một hai anh
Những viên thuốc ngủ
Để may ra các anh khỏi bị
Những cơn mộng dữ hoành hành
Viết cho đôi anh mười viên thuốc an thần
Để may ra tìm các anh bớt bồn chồn
Sau những lần điện thoại hăm dọa nặc danh
Sau những lần rỉ tai chụp mũ

*

Các anh tự khoác cho mình
Chiếc áo quốc gia
Để tự cho mình cái quyền nghi ngờ
Những người quốc gia không cùng chiều suy tưởng
Những người quốc gia
Gấp vạn lần quốc gia hơn các anh
*
Cám ơn các anh
Đã quăng cho tôi
Một mớ chữ dửng dưng
Với ước mong
Tôi sẽ thuộc nằm lòng
Để chóng trở nên một thằng thất học
Cũng cám ơn các anh

Đã cố làm cho tôi tin
Các anh đang gánh vác những trách nhiệm nặng nề
Với đất nước quê hương
Vì quốc gia dân tộc
Nhưng có mỹ danh nào
Xóa lấp nổi những hành vi ti tiện
Có ngôn ngữ thanh tao nào
Che giấu được những ý muốn thấp hèn từng trang quảng cáo
Chửi bới nhau như một cách cố nhắc tên mình
Đang phai mờ dần trong lòng độc giả
Vân vân và vân vân . . .
*
Viết mấy dòng
Cám ơn các anh xong
Bây giờ lại đến phiên tôi mất ngủ
Đến phiên tôi cần thuốc an thần
Nếu một mai đất nước thanh bình
Thoát khỏi bàn tay bạo quyền đỏ
Nhưng chẳng may lại rơi vào
Một thứ bạo quyền hồng, tím, nâu, đen
Với một loại "chất xám" bay từ hải ngoại về
Nói là để dựng xây đất nước
Nhưng chỉ mong ngồi trên đầu trên cổ nhân dân
Những tên quản tượng, những gã cai thầu, những phường đón gió
*
Rồi trong cõi văn chương
Lương tri người cầm bút
Lại thêm một lần bị bóp nghẹt
Chữ nghĩa lại bị rình mò
Bởi những tên quản giáo văn nghệ
*
Viết đến đây
Tôi bỗng thấy bàng hoàng
Khi nghe đến ngày
Phải thêm một lần
Bỏ nước ra đi . . .

NGUYỄN MẠNH TRINH

đọc "bên lở bên bồi"

Bên Lở Bên Bồi, *tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, bìa và phụ bản của Đinh Cường, An Tiêm xuất bản, 1992, sách dày 214 trang, giá bán 10 Mỹ kim.*

Mỗi một tác giả có một thế giới riêng và những nhân vật tiểu thuyết của họ biểu hiện một phần nào cá tính riêng của thế giới ấy. Có thế giới hoang tưởng, có thế giới rất gần cận với thực tại bây giờ, đọc văn chương tức là đi vào thế giới ấy và đối đầu với câu hỏi tác giả là ai và nhân vật nào có vóc dáng, bản ngã đặc thù được diễn tả. Dù là nhân vật xưng tôi ở ngôi thứ nhất hay bất cứ một nhân vật mang tên tuổi nào ở ngôi thứ ba, dấu ấn riêng biệt đã được khai sinh, khi thì lãng mạn, khi thì thực tế.

Đọc những truyện ngắn của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, *Long Lanh Hạt Bụi* và mới xuất bản gần đây *Bên Lở Bên Bồi*, độc giả sẽ có ngay một cuộc hành trình kỳ thú vào một thế giới tuy gần cận nhưng nhiều mơ mộng đến xót xa. Đó là thế giới của những đời sống không có hạnh phúc với những mối tình dở dang chẳng bao giờ đến đích. Bàng bạc trong những truyện ngắn, vóc dáng một người đàn bà trôi nổi theo cơn sóng đời thời thế, cảm được nỗi đau đớn của những người bị nước mất nhà tan. Cảnh sống là vật vã trong cảnh tình bi thảm, quá khứ cũng chỉ là những vết thương còn tươi mới trong khi hiện tại là những tiếng thở dài. Đời sống bây giờ, ở xứ người, thường vẫn chỉ là những kéo dài lửng lơ không kết cuộc, cho nên, trong văn chương của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, cũng chỉ là những sợi khói mây, tản mạn, mù sương.

Phần đông những truyện ngắn trong *Bên Lở Bên Bồi* đều có nhân vật xưng tôi, ở ngôi thứ nhất. Kỷ niệm chính là bến ga để con tàu xa xứ chuyên chở thế những mảnh đời lạc lõng luôn luôn, từ lúc ở quê nhà đến khi sang sinh sống xứ người. Và như thế, con tàu đi mải miết để con đường chỉ là những đoạn đường sắt song song không bao giờ chấm dứt. Truyện ngắn *Như Khói Như Mây* là bước chân đi về dĩ vãng, với kỷ niệm ngày ấu thơ trong một xóm nhỏ, rồi trở lại với đời sống mệt nhoài bây giờ. Đời sống thành mây thành khói và không gian thời gian tan loãng trong sự nuối tiếc bồi hồi. *Bên Lở Bên Bồi* cũng bắt đầu với một cơn mơ, và cũng là mắt nhìn phóng về những ngày cũ xưa với những người thân yêu thấp thoáng ẩn hiện. Một người đàn bà tự thuật về chính cuộc đời mình, ít vui, nhiều buồn nên thường đào xới niềm bất hạnh của kẻ khác để bồi lở cho cái hạnh phúc hiếm hoi nhỏ bé của chính mình. Những cảm nhận từ đời sống, dường có vị chát và đắng, của những nỗi niềm mãi mãi dày vò. Ngôn ngữ truyện, vượt qua những lời tâm sự, để muốn tiến đến sự phân tích tâm lý, dù chỉ là thoáng qua, không đậm

nét. Dường như, trong cái tôi tự thuật kể trên, có thấp thoáng chính nhân dáng của cuộc đời tác giả, và như vậy, đã có một phần nào chất sinh động của đời sống thực.

Một khía cạnh khác của đời sống người phụ nữ với thất tình lục dục, hờn ghen, oán trách đã thành một đề tài cho một vài truyện ngắn khác, như *Máu Se Tàn Lạnh", như Tình Bậu Muốn Thôi*, như *Tuyết Trắng* . . . Trước 1975 trong dòng văn học miền Nam có Túy Hồng, với *Mùa Hạ Huyền*, với *Tôi Nhìn Tôi Trên Vách*, cũng mang tâm cảm của một người đàn bà xứ Huế, với những trận bão tâm tư, để với ngôn ngữ đặc thù đã tạo thành một văn phong riêng và một chỗ đứng riêng. Với Nguyễn Thị Hoàng Bắc, bùng vỡ của đời sống nội tâm đã tạo thành sự lôi cuốn người đọc qua cách diễn tả. Khi thì cực kỳ buồn bã, khi thì cực kỳ mỉa mai, ngôn ngữ đã ở cực này chuyển sang cực khác. Với nhân vật xưng tôi trong *Tuyết Trắng*, mối tình dở dang của một người đàn bà nặng gánh gia đình con cái và một người đàn ông ly dị vợ. Những xung đột, những dày vò, những ám ảnh đã tạo thành tấm phông cho câu chuyện. Kết cuộc, cũng chỉ là lửng lơ, của đường đi không bao giờ đến được. Với *Tình Bậu Muốn Thôi*, câu chuyện của một người đàn bà đến nhà người tình đêm ba mươi tết và chứng kiến được sự giả dối, không chung thủy của người này. Giọng văn của một người đau xót, bi thảm, nhưng vẫn là của trạng thái yêu thương của bước đi nhưng trái tim ở lại.

Với *Máu Se Tàn Lạnh*, nhân vật tên Nguyệt kể lại cảnh huống của đời nàng. Đời sống là chuỗi ngày không hạnh phúc, của những ngày phải sống trong buồn nản, cô đơn. Ly dị với người chồng lang chạ, nàng đã phải chịu đựng cảnh cô đơn ghê gớm, và trạng thái tâm lý chán chường này được diễn tả rất công phu đã phần nào lôi cuốn người đọc.

Một điều khá rõ ràng là giọng văn tinh nghịch sống động vẫn còn thấy được trong *Chi Lạ Rứa*. Người đàn bà xưng tôi, yêu một người đàn ông đã có vợ đang ly thân. Giọng văn lúc bỡn cợt, lúc chua chát, nhưng tựu chung vẫn là tiếng than rất thầm trong lắng sâu tâm tư. Cuộc tình đã được nhìn ngắm qua những góc cạnh của đời sống, với những xung đột va chạm mà bóng hình người vợ cũ còn lảng vảng đâu đây. Trong truyện, từ nụ cười mỉa mai đã giấu sẵn một giọt lệ và một tiếng thở dài.

Quê hương, của những ngày khốn khó, của những cuộc dời đổi tang thương, của đất cày lên sỏi đá cũng có mặt trong truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc. *Ma Nữ, Áo Màu Xanh, Phàn Lê Huê*, là những phác họa với những nhân vật rất đặc thù. Từ một đứa bé gái tật nguyền sống lây lất trong một xó hẻm nghèo khó trong *Áo Màu Xanh*, đến *Phàn Lê Huê*, của một đứa trẻ sống trong thời gạo châu củi quế của thời Cộng sản đã chiếm đóng toàn miền Nam. Nghèo đói, buồn khổ là điều dĩ nhiên, nhưng còn thêm vào đó, là nỗi bi quan cùng cực, của những người đang sống mà chẳng tìm được ý nghĩa và tương lai của cuộc nhân sinh mình.

Bên Lở Bên Bồi là những câu chuyện kể của chúng ta, những người đang hằng ngày có mặt trong đời sống bây giờ. Những khuôn dáng rất quen với đời người Việt Nam nhiều thăng trầm dời đổi. Bùi ngùi, cay đắng, dĩ vãng và hiện tại hòa thành một ở nhạt nhòa tương lai, con người quay cuồng ở trong con lốc thời thế và bất cứ một biến cố nào, dù lớn hay nhỏ, đều mang dấu ấn của thương đau ray rứt.

Bàng bạc tất cả là vóc dáng một người phụ nữ sống vật vã trong những cảnh ngộ của buổi giao thời. Xung đột gia đình, xung đột xã hội, những cuộc tình vẫn là những vòng tay kéo và đẩy, của dở đứng dở đi, lửng lơ không đoạn kết. Bất trắc, dời đổi, mất mát, để lãng mạn, mơ mộng và ngậm ngùi cay đắng hòa chung.

Những truyện ngắn, dường như trải dài ra một hành trình của người đi kiếm lại chính mình. Sống là phải cam chịu, là giỡn đùa với số mạng mà định mệnh sẵn dành cho những trái tim nhiều cảm lụy. Dù viết tinh nghịch sống động, dù viết trầm lắng suy tư, vẫn chỉ là phản ứng của một người đang trên tiến trình tìm kiếm chân dung mình.

Mỗi một tác giả sẽ có đường mốc văn chương từ văn phong của mỗi thời kỳ của từng tác phẩm. Đời người tị nạn với nội tâm phức tạp, với nhiều kỷ niệm khó quên, đã trở thành cái chung cho một thời đại. Viết để mô tả một thời kỳ như vậy, thì dù nhân vật có là tôi, là Nguyệt, là Phàn Lê Huê . . . cũng là những vóc dáng có nhiều sắc thái. *Bên Lở Bên Bồi*, của những dòng đời chảy siết qua những bến bờ, của người phụ nữ luôn luôn đi tìm hình bóng của chính đời sống mình phản ánh. □

MAI KIM NGỌC

chị em

truyện dài

Lời tòa soạn: *Do sự sơ suất của tòa soạn, tiểu đoạn 7 trong truyện dài* Chị Em *của nhà văn Mai Kim Ngọc đăng trên Văn Học số 77 bị thiếu sót một đoạn. Để giữ sự liên tục, xin độc giả theo dõi cốt truyện lại từ tiểu đoạn 7 trong số này. Văn Học thành thực cáo lỗi cùng độc giả và tác giả Mai Kim Ngọc.*

CHƯƠNG HAI
HAI NGƯỜI ĐÀN BÀ

7.

"Chị xong chưa?" Tâm đẩy cửa bước vào. Thoắt cái, nó đã đến bên cô, quần áo chỉnh tề. Cô giật mình, lúng túng thấy mình vẫn còn ngồi tần ngần trước gương, trên mình vỏn vẹn có bộ đồ lót.

Không biết nó vừa kéo cô từ căn phòng nội trú của Lương hơn hai mươi năm trước về lại thực tại, Tâm lo lắng nhìn cô:

"Chị sao xanh quá."

Cô mừng thầm là nó đã không bắt được nơi cô nét đam mê trong hồi tưởng của buổi chiều quá khứ ấy. "Không, chị không sao," cô chối. "Chỉ hơi chóng mặt một chút, chắc là chưa quen khí hậu." Và cô mau mắn mặc nốt quần áo. Cài nốt chiếc khuy áo, cô làm bộ tự nhiên hỏi em:

"Tâm gọi điện thoại cho anh ấy chưa?"

"Rồi, lúc chị còn ngủ. Nhưng em chưa nói là có chị. Chị có muốn nói chuyện với anh ấy bây giờ không?"

"Thôi khỏi. Đằng nào thì cũng sắp gặp rồi."

Tâm quay gót dẫn chị đi ra nhà xe.

*

Trên đường tới Lương, Tâm nói chuyện tíu tít. Cô ừ à với em, đầu cô miên man nghĩ tiếp về buổi chiều hạnh phúc của quá khứ, buổi chiều Lương đã hoàn toàn thuộc về cô.

Hôm ấy, khi Lương buông cô ra, tất cả những lo âu sợ hãi đã tan biến tự bao giờ. Toàn thân cô thoải mái, cơ bắp lơi lỏng và tâm hồn thảnh thơi. Cô nghĩ đến ngày mai, ngạc nhiên chỉ thấy lạc quan và bình tĩnh. Cô không còn sợ hiểm nghèo nơi chiến trường cao nguyên. Xong cuộc hành quân, Lương sẽ về, bố mẹ Lương sẽ lên Sàigòn gặp ba mẹ cô, và mọi chuyện sẽ diễn tiến như mộng ước.

Cô nằm bên Lương, nghe chiều xuống bên ngoài, và nghe trong đáy lòng xôn xao một cái gì vô hình nhưng hiển hiện, như một tri giác mới vừa bao quát vừa bén nhậy, bao la như hạnh phúc của cả một đời. Anh khẽ hỏi cô: "Hoàng, em nghĩ gì?"

Cô nói, chậm rãi như tìm cách tả một cái gì ngôn từ không tả được :

"Em nghĩ . . . em nghĩ em hạnh phúc lắm . . . mà không những hạnh phúc cái hạnh phúc của hôm nay mà còn hạnh phúc với cái hạnh phúc của hôm qua nữa . . . Tựa như hôm qua không hẳn đã qua, đã phân biệt rành rọt với hôm nay . . . Em nói làm sao bây giờ nhỉ . . . Thế này nhé . . . Em như sống với tất cả cái sung sướng dồn lại từ hôm đầu tiên em biết em yêu anh . . ."

"Em yêu anh từ bao giờ?"

Cô nói không ngần ngại:

"Từ hôm về thăm Hố Bò với anh."

"Vậy sao?"

Cô lại nói, giọng đều đều, nhỏ bé, như thể câu chuyện cô kể tự nó tràn ra từ nguồn hạnh phúc đang ăm ắp trong lòng cô. Cô thủ thỉ:

"Anh còn nhớ không, hôm ấy chúng mình đi qua một cánh ruộng nhỏ, anh dừng lại nói chuyện với bác canh điền. Em hỏi anh có biết cầy không, anh bảo anh biết. Rồi anh cởi dép, xắn quần lội xuống cầy cho em xem. Tay cầm cán cầy, tay cầm roi giục trâu, anh thành thạo đi một đường cầy trên thửa ruộng lấp xấp nước . . .

"Hôm đó trời đẹp lắm thật xanh lại nhiều mây trắng, tầng tầng lớp lớp, phản chiếu lung linh trên mấy mặt ruộng bậc thang. Anh cầy xuôi rồi anh cầy ngược trở lại, lưỡi thép sáng như bạc cắt sâu vào đất . . . Em đứng trên bờ ngắm anh, nghe mùi đất mới xới hăng hăng và tiếng bùn ruộng như níu chân anh từng bước một.

"Cầy xong, anh ngưng tay quay lại. Luống cầy thẳng tắp, và anh kiêu hãnh ngẩng đầu nhìn em, áo sơ-mi của anh ướt đẫm mồ hôi, tóc anh bay phất

phơ trong gió . . . Anh đẹp lắm, anh biết không? Em tiếc không có máy ảnh để chụp anh lúc ấy.

"Đừng cười em nghe anh . . . Rồi bất giác em nhìn lại luống cầy của anh . . . Em thấy vết thương mới cắt trên mặt ruộng, cỏ dại từ mùa trước đổ nghiêng đổ ngửa hai bên, và em nghe trong em những nôn nao mới lạ . . . Em mơ hồ tiếc cái xanh mát, cái trinh nguyên của mặt ruộng chưa cầy . . . Em thoáng trách cái thô bạo của lưỡi cầy, em thoáng trách anh . . . Nhưng rồi em nghĩ mặt ruộng mở để đón lấy gió, để ôm lấy hạt giống cho mùa màng năm tới, cho cái hoan lạc của một mùa gặt mới . . . Em bỗng tưởng như mang máng hiểu được những cái gì trừu tượng lắm, mong manh lắm . . . như cái êm đềm cái ân sủng giấu trong cái thô bạo của đời sống . . .

"Nhưng mà anh biết không, thuở đó em còn thơ ngây, em chưa sống . . . Cảm nghĩ cảm xúc em lúc ấy không rành rọt như bây giờ, như ngay lúc này bên anh . . . Chúng mơ hồ mông lung như một mớ nhận định chưa thành hình hẳn trong đầu em, bơ vơ như không tìm được một kinh nghiệm cũ gì để đối chiếu . . .

"Lúc ấy, em chỉ thấy cái mãnh liệt của xúc cảm, tựa hồ như em là một với thiên nhiên . . . như cái thân thể em là một thửa ruộng trinh nguyên đang chờ canh tác . . . Và em nghe tiếng những mô đất chông chênh đang ngả xuống lấp vết thương của đất như tiếng thở dài hoan lạc của luống cầy đang khép lại . . .

"Lúc nãy, anh buông em ra, cảnh canh tác ấy bỗng trở lại với em, với tất cả cảm xúc nôn nao lúc ấy, những cảm xúc mà bây giờ em mới hiểu được với tất cả tâm hồn . . . hay đúng hơn, mới thấm được một cách thâm sâu phủ tạng . . ."

Nói xong cô thẹn thùng úp mặt xuống gối . . .

Lương hoan hỉ:

"Hoàng ơi, em vừa làm thơ, em biết không? Em vừa làm bài thơ anh đang khao khát muốn làm mà không làm được. Nhưng bây giờ thì dễ quá . . . Em làm rồi, anh chỉ việc chép lại . . . để anh chép lại cho em . . ."

Cô tiếp tục giấu mặt dưới gối, trong khi Lương khoác áo ra bàn hý hoáy viết . . . Lát sau đưa bài thơ cho cô xem, anh bảo:

"Anh chép xong rồi, em xem có đúng ý em không?"

Cô bảo:

"Mắc cỡ chết thôi, em không xem đâu."

Anh nói tiếp:

"Anh đặt tựa bài thơ là *Luống Cầy*. Anh đọc em nghe nhé."

Tới ngồi bên Hoàng, anh khẽ đọc bài thơ cho cô. Vẫn úp mặt xuống gối, cô nói:

"Thẹn quá . . . Nhưng mà anh làm thơ hay lắm . . ."

Anh bảo:

"Không phải thơ của anh. Từ của em mà tứ cũng của em, bài thơ là con đẻ của em . . . Nhưng mà anh phục em lắm. Anh chưa thấy ai ví chuyện riêng tư như chuyện chúng mình lúc nãy với chuyện đất trời vũ trụ . . ."

Cô nói:

"Giấu đi nhé. Chỉ hai đứa mình đọc thôi, nghe anh . . ."

Anh nói:

"Anh sẽ giắt vào ví mang theo lên cao nguyên . . ."

"Đừng anh, nhỡ Việt Cộng nó bắt được, khám người thấy bài thơ này thì chết . . ."

Mải vui, cô quên cả thời gian, và khi bác tài nóng ruột kín đáo gõ cửa, cô mới biết là quá trễ. Nhưng cô không hốt hoảng. Cô bảo bác cứ về trước, cô sẽ lấy tắc-xi về sau. Cô đã quyết định ở lại ăn tối với Lương. Khi bác tài ngần ngại, cô vui vẻ trấn an bác rằng cô đã suy nghĩ kỹ và cô đã có cách đối phó. Cô cho phép bác thưa thật với mẹ cô là cô đang thăm Lương trước khi anh lên cao nguyên. Khi Lương sai y công sang tiệm cao lâu trước bệnh viện đặt cơm, cô vui vẻ chọn thực đơn. Cô biết những món Lương thích, và định bụng sẽ học những món ấy để mai kia nấu cho anh.

*

Bữa cơm vừa xong thì mẹ cô xăm xăm bước vào, bác tài lật đật theo sau. Bà giận tái người khi thấy cô và Lương ngồi trước bàn ăn. Bà bước thẳng tới cô và đang tay tát mạnh con gái.

"Đồ mặt dày mày dạn," bà mắng cô.

Lương nghiêm chỉnh đứng dậy kéo ghế mời bà ngồi.

"Bác bình tĩnh cho con thưa chuyện," anh lễ phép nói.

"Anh không phải thưa với gửi gì hết. Anh không có lương tâm. Gia đình tôi đối đãi anh như bát nước đầy, mà anh nỡ lòng nào dụ dỗ con gái tôi?"

"Thưa Bác, con không bao giờ dụ dỗ em Hoàng. Chúng con yêu nhau."

"Anh đừng nhiều lời. Tôi chỉ mong anh buông tha con gái tôi. Anh muốn gì tôi cũng chiều anh, nhưng anh không được đeo đuổi con gái tôi nữa. Anh làm mất danh giá nhà tôi."

"Con xin bác bớt giận cho con thưa chuyện," anh khẩn khoản.

"Anh khỏi phải thưa với gửi . . ."

Bà không nói hết câu. Thấy bài thơ Lương mới chép trên bàn giấy, bà cầm lên đọc.

"Mẹ, bài thơ ấy của con. Xin mẹ cho lại con . . ." Cô luống cuống chạy tới.

"Thơ với thẩn . . . Lại thư tình phải không? Để xem anh dụ dỗ con tôi thế nào . . ."

Bà đưa bài thơ ra ánh sáng cửa sổ xem cho rõ. Bà đọc:

Luống Cầy

Lấn rừng lập rẫy

Anh vỡ ruộng hoang
Lưỡi thép cứng đâm sâu vào đất
Luống cầy nhè nhẹ than van
Đớn đau mà hạnh phúc muôn vàn
Lòng ruộng mở hăng hăng mùi đất mới
Ngòn ngọt say say như máu huyết người
Bùn quấn quýt ôm chân từng bước
Ân tình khăng khít, sao nỡ cách rời
Mồ hôi đẫm ngực, mái tóc tả tơi
Anh kiêu hãnh quay đầu nhìn lại
Luống cầy thẳng tắp
Vết thương vừa cắt
Cỏ rối ngả nghiêng
Vũ trụ lặng yên
Chuyện đất trời mà riêng tư lắm
Em nghe . . .nơi đáy lòng thăm thẳm
Luống cầy khép lại
Hoan lạc thở dài . . .

Mới đầu bà đọc bài thơ rất nhanh, với giọng ê a đầy mỉa mai, giễu cợt . . . Rồi nghĩ sao, bà đọc lại, và như thấm ý, mặt bà đỏ dần, tiếng bà nhỏ dần, cho đến đoạn cuối thì bà chỉ còn lẩm nhẩm . . . Bà yên lặng một giây, mắt mơ màng nhìn vào khoảng không. Rồi giật mình như vừa tỉnh cơn mê, bà quay lại nhìn cô và Lương. Bây giờ thì bà giận dữ vò bài thơ vứt xuống đất, bà to tiếng:

"Thô bỉ, thô tục. Anh ăn học đến bằng bác sĩ, sao lại đi viết dâm thư? Nhưng mà tôi nghĩ cũng không nên ngạc nhiên . . . Con người anh sa đọa đến thế thì có viết dâm thư cũng hợp tình hợp lý thôi . . ."

"Thưa bác . . . Con yêu Hoàng, bác hiểu cho con . . ."

"Tôi không ngờ anh cư xử như thế. Anh dụ dỗ con tôi, làm ô nhiễm nó với cái văn thơ đồi trụy của anh . . . Anh lấy oán trả ơn . . . Nhưng thôi anh khỏi phải nhiều lời . . . Từ nay tôi yêu cầu anh buông tha con tôi cho nó lấy chồng tử tế. Anh biết Luật sư Bảo đã giạm hỏi con tôi từ mấy năm nay . . . Anh biết người ta là chỗ tử tế đàng hoàng. Quả tình anh yêu con tôi thì anh đừng phá chuyện nhân duyên của nó."

Tới đây, cô cả quyết can thiệp. Tay còn ôm má, cô nói: "Con xin mẹ cho con thưa chuyện. Con không thể lấy ai ngoài anh Lương . . . Con là vợ anh con rồi. Bài thơ mẹ vừa đọc là anh con viết cho con . . . là chuyện riêng tư của . . . vợ chồng chúng con."

Bác tài kín đáo lui ra ngoài. Như bị dội gáo nước lạnh, mẹ cô ngồi sụp xuống ghế. Bà nhìn quanh gian phòng, nhìn mâm cơm với hai chiếc bát hai đôi đũa y công chưa kịp dọn đi, nhìn chiếc ảnh bán thân của cô trên bàn anh. Rồi bà nhìn chiếc giường chăn gối còn bừa bộn, và bà ngồi ôm mặt khóc.

"Trời ơi, thật là điếm nhục. Tôi nuôi ong tay áo," bà khe khẽ than.

Cô quỳ trước mặt mẹ:

"Con lậy mẹ. Tất cả là tại con, là tự con. Mẹ mắng con, mẹ đánh con, con chịu, nhưng mẹ đừng mắng oan anh con."

Bà nhổm dậy như bị điện giật, mở mắt nhìn con gái. Bà dang tay toan đánh cô nữa nhưng rồi như kiệt lực, lại buông tay xuống. Bà xô cô ra, nói lẩm nhẩm một mình:

"Cô bôi tro trát chấu lên mặt cha mẹ."

Lương nhỏ nhẹ:

"Con xin bác tha lỗi cho chúng con. Con định tháng tới về phép con sẽ đưa thầy bu con lên thưa chuyện với hai bác. Nhưng cơ sự này, con xin thưa với bác ngay bây giờ, là con mong được hai bác cho phép chúng con xây dựng tương lai với nhau. Chúng con yêu nhau, và con xin hứa là con sẽ chăm sóc Hoàng suốt đời con."

Rồi với nụ cười tội nghiệp, anh nói tiếp:

"Con không giầu sang, mà thầy bu con cũng không xuất thân quyền quí. Nhưng gia đình con là gia đình đàng hoàng nhân cách. Con là một y sĩ tận tâm. Hai bác có thể kiêu hãnh về con . . ."

Bà ngồi yên. Rồi bà gắng gượng:

"Bao giờ ông bà Đội . . . Ở, bao giờ hai bác lên được . . . ?"

"Chiều mai con phải lên cao nguyên. Con về phép được là thu xếp để thầy bu con lên ngay. Nhưng sáng mai, con xin đến thưa chuyện với bác trai trước."

"Thôi được, mai tám giờ anh đến ăn sáng với chúng tôi."

Nói xong bà đứng dậy, bà kéo tay Hoàng theo. "Xin mời cô về nhà cho," bà ra lệnh.

*

Trên đường về nhà, cô ngồi yên lặng bên cạnh mẹ. Thành phố đã lên đèn. Qua cửa xe, cô ngắm những cửa tiệm, những cột điện, những hàng cây quen thuộc, cái ngoại cảnh mới mấy giờ trước còn chứng kiến niềm xôn xao thẹn thùng của cô trinh nữ đến thăm người yêu. Cũng cảnh ấy sao giờ này trông khác lạ, như ảo ảnh của quãng đời thơ ngây không còn nữa. Cô đã thành đàn bà.

Cô lắng nghe mà không thấy nuối tiếc trong lòng. Cô nhìn sang mẹ. Cái tát của mẹ còn rát trên má, nhưng cô không thấy sợ bà nữa. Cô cảm thấy cô đã ngoài tầm kiểm soát của bà. Và vô lý hơn nữa, cô cảm thấy bình đẳng với bà, tựa hồ như cả hai mẹ con chỉ là hai người đàn bà, mỗi người đã chọn một

người đàn ông độc nhất trong đời mình để yêu thương và được yêu thương lại.

Bất giác cô thấy mẹ cô cứng quá, và cô không nhớ có đam mê trìu mến trong liên hệ giữa ba mẹ cô. Rồi cô không chắc mẹ cô có yêu thương ba cô và có được ba cô yêu thương lại không. Cô xót bà. Ôm chầm lấy bà, cô nói với tất cả trái tim:

"Mẹ ơi, con thương mẹ lắm."

Bà ngượng ngùng trong vòng tay cô. Rồi dịu giọng, bà nói:

"Mẹ tha lỗi cho con. Mẹ sẽ không để cho con khổ. Nhưng dù sao, mẹ cũng phải cho nó một bài học. Không ai có thể giỡn mặt gia đình này một cách vô tội vạ . . ."

Ôm mẹ trong vòng tay mà cô thấy hai mẹ con cách xa nhau cả một đại dương.

*

8.

Sáng hôm sau, Lương đến thăm gia đình cô. Chị Năm vừa rón rén vừa vui mừng ra đón anh vào. Anh hỏi bác tài đâu, chị thưa bác đã đưa các em Tâm, Hải đi học. Lúc đưa anh vào phòng khách, chị nói vội, "Chúc cậu may mắn nhé . . . Rán nhịn bà cho mọi chuyện êm đẹp, nghe cậu . . ."

Ba mẹ cô đã ngồi sẵn đợi anh. Anh mặc quân phục mới, hai chiếc hoa mai gắn trên cổ áo còn chưa phai lớp vàng mạ. Chiếc xe *Jeep* đậu sẵn ở cửa đợi anh lên đường tới phi trường quân sự để lên nhiệm sở mới. Ba cô chỉ ghế mời anh ngồi. Không khí ngột ngạt. Sau cùng anh nói:

"Thưa hai bác, con đến để xin hai bác cho con với em Hoàng được kết hôn."

Mẹ cô nắm chặt tay ghế như cố gắng dằn cơn thịnh nộ xuống. Còn ba cô bình thản quan sát Lương, thiện cảm lẫn với ngạc nhiên. Anh lại thưa tiếp:

"Con biết là con đường đột. Con biết phong tục mình, ngoài Bắc chúng con cũng như ở đây, đòi hỏi mối lái, chạm ngõ, và bao nhiêu nghi lễ khác . . . Mà con thì đường đột như thế này. Nhưng con mong hai bác tha thứ cho con tình cảnh đặc biệt của con. Chuyến công tác này dù sao cũng có phần nguy hiểm. Và dù số mệnh con thế nào, con không muốn tình con với em Hoàng có thể bị hiểu lầm là xô bồ hay thiếu trang trọng.

"Hôm nay con cấp tốc đến hầu chuyện hai bác trước. Công tác xong, con xin đưa thầy bu con lên chính thức xin em Hoàng về làm dâu."

Nói xong, anh ngồi thẳng trên ghế bành, hai tay để trên đùi, đầu hơi cúi xuống, lễ phép chờ đợi. Nấp trong nhà, cô kiêu hãnh ngắm anh. Cô sung sướng thấy mẹ cô lúng túng trước vẻ chững chạc của anh. Nhưng bà không chịu thua:

"Anh Lương ở với chúng tôi như người nhà đã nhiều năm, chắc anh đã biết. Gia đình chúng tôi là gia đình quý người, tin người, dù nhiều khi quá tin.

"Anh có lòng yêu mến em Hoàng, chúng tôi cảm động, nhưng tôi phải nói là chúng tôi ngỡ ngàng. Tại vì chúng tôi đã sắp sẵn một tương lai khác cho em. Chúng tôi không phân biệt sang hèn, Bắc Nam, hay giai cấp, nhưng chỉ mong em được sống một đời tư cách đàng hoàng trong khung cảnh quen thuộc với em từ bé. Vậy mà cảnh sống nhà ta bên ấy . . ."

Bà ngưng lại nửa chừng, câu nói chưa hết mà ý bà đã rõ lắm. Cô căm giận mẹ. Bà bao giờ cũng phải tìm cách thương tổn Lương. Ba cô yên lặng nhìn Lương, như chờ đợi phản ứng của anh. Lương nói:

"Bác gái lo lắng đến tương lai của chúng con, thì con xin thưa là nếu được hai bác thương mà cho phép hôn nhân chúng con thành tựu, thì cuộc sống của Hoàng với con sẽ khác cuộc sống hiện tại của em với hai bác. Con không hình dung được nó sẽ khác làm sao về chi tiết, nhưng con cam kết với bác chúng con sẽ sống một đời sống đàng hoàng, và có ý nghĩa . . .

"Như bác dậy, hoàn cảnh thầy bu con rất khác hoàn cảnh hai bác, nhưng sự khác biệt ấy cũng tốt thôi. Vì con cái chúng con trong tương lai có thể nhìn về cả hai phía nội ngoại để hiểu được rằng có nhiều cách để sống một đời tư cách đàng hoàng, cách của bên nội và cách của bên ngoại."

Mẹ cô bưng tách nước trà lên uống mà tay bà run run. Rồi với giọng đanh thép, bà gọi với vào nhà trong:

"Chị Năm vào mời cô Hoàng ra ngoài này."

Bây giờ thì ba cô can thiệp. Ông nhìn vợ:

"Tôi đã suy nghĩ câu chuyện từ đêm qua. Và tôi đã quyết định."

Quay sang Hoàng đang bẽn lẽn bước ra, ông chỉ ghế cho cô ngồi xuống. Rồi ông tuyên bố quyết định của ông cho cả nhà:

"Ba thuận cho các con tiến đến hôn nhân. Còn Lương, bao giờ con hành quân về, hai ba con mình sẽ ngồi xuống nói chuyện nhiều về tương lai của các con. Có điều gì ba làm được cho các con, con cho ba hay. Còn tôi với bà, chúng mình nên thương con mà tha thứ những lỗi lầm của tuổi trẻ."

Rồi ông bảo mọi người sang bàn ăn dùng bữa điểm tâm chị Năm đã bày sẵn. Mẹ cô toan nói, nhưng bà đổi ý khi thấy mọi người hoan hỉ, kể cả chị bếp đang kín đáo hầu trà nước. Than nhức đầu, bà xin lỗi lên gác nằm . . .

*

Lương không bao giờ có dịp dẫn cha mẹ anh tới chính thức xin giạm hỏi như đã dự tính. Anh lên cao nguyên được một tuần thì cha xứ Hố Bò tới thăm gia đình cô. Ông đi một mình, và trông ông như già đi mười tuổi. Sau khi tự giới thiệu là cha đỡ đầu và cũng là bạn thân của Lương, ông báo tin là chuyện chẳng lành đã xảy đến cho anh. Ông cho hay tiểu đoàn Lương vừa tới cao nguyên đã đụng địch. Trận đánh vô cùng cam go, kết quả là ta thắng và địch đã rút lui. Nhưng Lương đã thất lạc và có lẽ đã tử trận. Một trái sơn pháo địch rớt trúng hầm anh. Trong những mảnh thi thể và quận cụ bừa bãi trên bãi chiến trường, người ta tìm được mảnh áo sơ mi của anh với chiếc thẻ bài.

Tuy nhiên vẫn còn chút hy vọng, vì ban giảo nghiệm chưa chính thức tìm được thi thể anh.

Cô chỉ nghe đến chừng ấy. Cô hét lên một tiếng rồi chạy vào phòng. Cô nằm khóc ngất, ai gọi cửa cũng không mở. Sáng hôm sau cô dậy sớm, lấy xe nhà lái đi. Trong lá thư ngắn để lại, cô viết "Con không tin anh con chết, và con phải lên tận nơi xem sự thể ra sao."

Hai giờ sau tai nạn xảy ra. Xe Hồng Thập Tự chở cô về bệnh viện trong tình trạng hôn mê. Các danh sư của thủ đô được mời tới, và sau hai tuần điều trị họ cứu được mạng cô.

Nhưng trước sự ngạc nhiên của mọi người, cô không hồi tỉnh mặc dầu các bác sĩ cho hay là não thùy cô không bị thương tổn nặng. Cô nằm thiêm thiếp trên giường, chỉ ngồi dậy nếu có người đỡ. Cô biết gọi người nhà mỗi khi cảm thấy những nhu cầu cơ bản như đói khát tắm rửa, nhưng cô không phục hồi được ngôn ngữ hay trí nhớ và hoàn toàn không nhận ra người xung quanh.

Bác sĩ Bá, một vị lương y già và nhiều kinh nghiệm, an ủi ba mẹ cô là chính ông đã gặp một trường hợp tương tự. Bệnh nhân nhiều tháng sau tai nạn mới hồi tỉnh, vậy mà khi tỉnh dậy, sức khỏe và trí khôn trở lại hoàn toàn bình thường.

Và bác sĩ Bá nói đúng. Gần một năm sau cô tỉnh lại. Chỉ có điều khi cô tỉnh lại thì mọi việc đã lỡ làng. □

(Còn tiếp)

Bác Sĩ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI
• bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
• bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở
NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM
giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: **(714) 641-0263**
Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

ghi nhận đó đây

Nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà báo Hồ Nam được phóng thích

Ngày 9-9-1990, nhà thơ Tô Thùy Yên và nhà báo Hồ Nam bị công an thành phố Sàigòn bắt giam vì một tội danh kỳ cục: gián điệp. Nhờ các kỳ thăm nuôi của thân nhân, thiên hạ mới biết được cái tội tày đình ấy đầu đuôi như sau: Tô Thùy Yên và Hồ Nam có gởi cho một người bạn, nhà báo Hồ Văn Đồng những mảng báo cắt từ báo chí xuất bản ở Việt Nam, và ông Hồ Văn Đồng có trích dẫn những tài liệu này trong một số bài viết, bài thuyết trình của ông ở Mỹ.

Cứ theo tội danh chi tiết này thì bất kỳ người Việt Nam nào cũng trở thành gián điệp. Thế mà hai nạn nhân đã phải ngồi tù suốt hai năm. Hôm 7-8-92 viện phó Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sàigòn mới ký lệnh "ngưng điều tra" (văn chương hay thật!) vì tội danh tày trời đó được "kịp thời chận đứng" và kẻ vi phạm đã được "giáo dục" đủ.

Hai đám cưới

Nhà thơ Phạm Công Thiện "lại" gởi thiệp hồng đến các bạn văn xa gần, báo tin lễ thành hôn của nhà thơ cùng cô Lê Phong Sương tại Bansktown, New South Wales, Úc châu vào ngày 26 tháng 9 sắp tới. Thêm một lần nữa, giới cầm bút vui mừng bàn tán. Mừng cho một văn hữu có máu lãng tử "lại" tìm được hạnh phúc. Bàn tán quanh câu hỏi: Lãng tử chịu dừng bước giang hồ chưa? Từ Âu châu qua Bắc Mỹ, bây giờ về Úc châu, miền đất lành an tịnh, có lẽ tác giả *Ngày Sinh Của Rắn* đã tìm được đất hứa. Cảm ơn cô Phong Sương!

Một bạn văn khác cũng giống Phạm Công Thiện ở cả hai điều: tham gia tích cực vào sinh hoạt tư tưởng Phật giáo, và "ngộ" bằng một cuộc hôn nhân. Nhà văn Phan Tấn Hải (tác giả tập truyện *Cậu Bé Và Hoa Mai*, tập thơ *Thơ Của Từ Nhân* và tập tiểu luận *Thiền đốn ngộ*) báo tin sẽ lập gia đình cùng cô Bùi Lệ Dung.

Hai tập thơ đầu

Phạm Công Thiện và Phan Tấn Hải làm lễ ra mắt các cô dâu mới, thì Khế Iêm và Trần Hồng Châu cũng cho ra mắt hai tập thơ đầu tay. Xin nhắc lại cho rõ: hai thi phẩm trên là những tập thơ đầu tay chứ không phải là tác phẩm đầu tay.

Khế Iêm đã cho in một tập kịch mang tên *Hột Huyết* tại Sàigòn từ năm 1972. Hai mươi năm sau, anh mới in được tập thơ đầu tay, tập *Thanh Xuân*. Tập thơ in đẹp và trang nhã, do tạp chí Văn xuất bản, với phụ bản tranh của Thái Tuấn, Duy Thanh. Nhưng điểm đặc biệt nhất của tập *Thanh Xuân* là không khí thơ hết sức độc đáo của Khế Iêm. Thơ Khế Iêm là một cõi riêng, không lẫn lộn trong vô số những tập thơ khác.

Trần Hồng Châu, vị cựu khoa trưởng Đại học Văn khoa Sàigòn, người thầy khả kính của nhiều môn sinh cầm bút, năm ngoái cho in tập tùy bút *Thành Phố Trong Hồi Tưởng*, thì năm nay lại cho in tập thơ *Nửa Khuya Giấy Trắng* dày trên hai trăm trang, do nhà xuất bản Thanh Văn ấn hành. Làng thơ có thêm một tập thơ đẹp với những bài thơ diễm lệ đài các và đầy chất trí tuệ.

Nhà thơ Nguyên Sa trong lời bạt của *Nửa Khuya Giấy Trắng* đã viết: "Tới hôm nay tôi mới đọc *Nửa Khuya Giấy Trắng*. Cùng với sự thích thú mạnh mẽ vừa bắt gặp, tôi cũng khám phá ra tình cảm ngạc nhiên to lớn. Cùng với thời điểm, vào lúc đầu thập niên sáu mươi đó, Trần Hồng Châu đứng ra chủ trương *Thế Kỷ Hai Mươi*, rồi đảm nhận điều khiển Đại học Văn khoa, dẫn dắt ngôi trường Văn xa xưa thành một cơ sở văn hóa đa dạng, hiện đại. Hôm nay, Trần Hồng Châu lại đến với người đọc liên tục đầy bất ngờ và thú vị. Liên tiếp văn rồi thơ. Mà văn hay. Thơ hay."

Bụi Và Rác

Nhà xuất bản Thanh Văn cũng vừa phát hành truyện dài *Bụi Và Rác* của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Đây là tập 2 của bộ trường thiên tiểu thuyết *Người Đi Trên Mây*, viết về giai đoạn sau 1975. Khoảng cách thời gian xuất bản giữa tập 1 (Người Việt xuất bản năm 1987) và tập 2 kéo dài những 5 năm, nên người đọc có phần nào bối rối khi đọc tập này. Tuy vậy, dường như tác giả đã có ý muốn mỗi tập có một vị trí độc lập như một truyện dài riêng, nên sự bối rối của người đọc không nhiều. Đối với những ai đã sống với cảnh đổi đời sau 1975, *Bụi Và Rác* khơi lại một cách linh động và xác thực những kỷ niệm cũ, qua lối nhìn một người chứng, một nạn nhân trung thực. Tác giả viết về một giai đoạn bi thương của lịch sử nhưng không theo lối mòn của "văn chương dấn thân" đầy những tín hiệu (lẫn khẩu hiệu), mà viết từ những rung cảm của người nghệ sĩ, nên "chất tiểu thuyết" được đưa cao lên trên những vấn đề thời sự, con người được coi trọng hơn lịch sử. Có lẽ đó là tín hiệu cần thiết Nguyễn Xuân Hoàng muốn nhắc cho các bạn văn của ông.

Những cố gắng đơn độc

Ngành xuất bản ở hải ngoại đang sa sút, vì mãi lực của bạn đọc giảm xuống quá nửa. Số in trung bình từ 1000 cuốn nay hiện xuống còn 500, nên các nhà xuất bản lớn càng ngày càng ít nhận in sách cho người cầm bút. Tuy nhiên, sách mới ra vẫn nhiều. Tại sao có hiện tượng nghịch thường như thế? Câu trả lời đơn giản: Do niềm đam mê diễn đạt, khát vọng được cảm thông, và cố gắng âm thầm của từng cá nhân người viết. Tình trạng các tác giả tự xoay tiền in lấy sách mình ngày càng phổ biến.

Vĩnh Hảo là một trường hợp tiêu biểu. Trong vòng ba năm Vĩnh Hảo đã tự xoay sở để xuất bản liên tiếp ba tác phẩm, Tập truyện *Mẹ, Quê Hương Và Nước Mắt* năm 1989, truyện dài *Núi Xanh Mây Hồng* năm 1991, và mới đây là tập truyện *Biển Đời Muôn Thuở*".

Những cố gắng âm thầm và đơn độc ấy đưa đến thành công hay thất bại tùy thuộc vào sự kiên nhẫn và lòng đam mê của các tác giả. Nhiều người bỏ cuộc sau cuốn đầu tay. Một số ít chịu đựng một thời gian, cuối cùng đã có nhiều nhà xuất bản chịu nhận in, hoặc hợp lại với nhau để lập thành một phong trào, như nhà xuất bản Miệt Vườn của Nguyễn Tấn Hưng.

Nhà văn Nguyễn Tấn Hưng thông báo cho biết: ngoài việc anh vừa được nhà xuất bản Đại Nam ấn hành tập truyện Một Nỗi Buồn Riêng, chính anh dứng ra lập một nhà xuất bản chuyên in các truyện miệt vườn, tiểu thuyết đồng quê lấy tên "Miệt Vườn". Năm tới, nhà xuất bản sẽ tung ra thị trường ba cuốn: *Bạn Trầm* của Hoàng Du Thụy, *Tình Nghĩa Thầy Trò* của Sĩ Liêm, *Hội Rẫy Vườn Sông Rạch* của Hồ Trường An.

"Văn Nghệ" làm phận sự công dân

Nhà xuất bản Văn Nghệ chịu ảnh hưởng nạn suy thoái kinh tế nên độ này chỉ in sách lai rai, ông giám đốc Võ Thắng Tiết chú tâm vào việc phát hành hơn là xuất bản, nghĩa là bớt "văn nghệ" một tí.

Thế mà tháng này Văn Nghệ lại quyết định một việc rất văn nghệ và thiếu óc kinh doanh. Nhân vụ Trung Quốc xua quân chiếm Trường Sa, nhà xuất bản Văn Nghệ tuy sống tha hương nhưng đau cái đau chung của cả dân tộc. Đã có những cựu chiến sĩ nhảy dù hô hào tái lập một lực lượng quân sự về giải phóng Trường Sa. Dân viết sách, in sách lạng quạng chuyện súng đạn, nên góp công bằng lối riêng của mình. Văn Nghệ sưu tập tài liệu chứng minh chủ quyền của các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa thành cuốn *Đặc Khảo Về Trường Sa Và Hoàng Sa* dày 350 trang. Thi hành phận sự công dân như thế cũng đáng được ghi nhận lắm chứ.

Những lá thư của Dương Thu Hương

Một phần lãnh thổ của dân tộc bị mất, một nỗi đau lớn lao. Nhưng một đất nước Việt Nam mất dần phẩm chất đạo lý là nỗi đau lớn lao gấp bội. Bằng chứng đâu mà bi quan đến thế? Thưa, rành rành đây!

Vài tuần qua, giới cầm bút hải ngoại chuyền nhau đọc các bản sao những lá thư nhà văn Dương Thu Hương gửi cho Hội Nhà Văn; tướng Quan Phòng, nguyên Cục phó cục Phản gián Bộ Nội vụ, nhà văn Nguyễn Quang Sáng và bác sĩ Bùi Duy Tâm. Nội dung các lá thư là phản ứng phẫn nộ của Dương Thu Hương đối với chiến dịch bôi bẩn nhân cách của bà, biện minh cho biện pháp bắt giam nhà văn này năm ngoái. Đọc xong các lá thư, mọi người đều sững sờ.

Sững sờ vì không thể hiểu tại sao guồng máy công an mật vụ Cộng sản Việt Nam, có đầy đủ uy quyền vũ khí trong tay, khi muốn bịt miệng một nhà văn nữ yếu đuối, lại phải dùng đến những biện pháp như thế.

Càng sững sờ hơn nữa là trước chiến dịch bôi bẩn rất hạ cấp của người có súng có còng, mà nạn nhân là một nhà văn nữ, những bạn đồng nghiệp của Dương Thu Hương như Ma Văn Kháng, Nguyễn Thị Ngọc Tú . . . sẵn sàng nhảy vào đánh hôi để lập công. Ma Văn Kháng, tác giả *Mùa Lá Rụng Trong Vườn*! Ma Văn Kháng sắn tay áo lên xin được đánh hôi để đẹp lòng các ông tướng Dương Thông, Quan Phòng! Ma Văn Kháng nào mới "thật" là Ma Văn Kháng? Cả hai. Nói đúng hơn, đó là mẫu người mới sản sinh dưới chế độ: mẫu người sống hai mặt.

Ở hải ngoại gần đây cũng có những lá thư rơi như thế, nhưng may mắn là người thảo thư gửi *fax* chưa phải là Cục trưởng, Cục phó cục Phản gián, mà cũng chưa hề có hiện tượng đánh hôi (quá lắm chỉ "in hôi" mà thôi). Một bên là "sáng kiến" của cá nhân, một bên là chủ trương của cả hệ thống quyền lực. Tuy vậy cũng xin nhắc khẽ: những ai có tham vọng quyền lực đang dọn đường về nước, ngay từ bây giờ hãy bỏ ngay cái lối "Quan Phòng, Dương Thông".

Linh Nghiệm

Để "trị" một nhà văn nữ các ông tướng công an mật vụ dùng *sex* để bôi bẩn nhân cách nạn nhân. Còn đối với người viết nam giới thì sao?

Giới cầm bút đang chờ xem phản ứng của giới công an văn hóa Việt Nam đối với truyện ngắn *Linh Nghiệm* của Trần Huy Quang như thế nào.

Trên tuần báo *Văn Nghệ* số 27, ra ngày 4-7-92, có đăng truyện ngắn *Linh Nghiệm* của Trần Huy Quang. Báo vừa ra, bộ Nội vụ đã ra lệnh tịch thu, nhưng một số ít báo đã bán ra thị trường nên độc giả sao chép, *xerox* ra nhiều bản lưu hành rộng rãi, sau đó *Linh Nghiệm* đã lọt được ra hải ngoại.

Truyện viết theo lối ngụ ngôn, xét lại toàn bộ nhân cách và sự nghiệp chính trị của Hồ Chí Minh. Tác giả dùng lối chơi chữ, nói lái, đặt tên nhân vật chính là Hinh (**Hồ Chí Minh**), kẻ "đa mưu túc kế, lòng dạ thật không bao

giờ lộ ra mặt, bạn bè cùng lứa không ai dám kết làm bằng hữu", con một người có "tính khí thất thường, lòng đầy tham hố nên quan trên không mặn mà gì nên đã bỏ quan, khi đi dạy học ở chốn kinh kỳ, khi ngồi bốc thuốc ở vùng sơn cước". Theo lối kể chuyện của Trần Huy Quang, nhân vật Hinh sở dĩ được cả thiên hạ chẳng qua là vì cứ giả vờ đang đi tìm một cái gì quí giá lắm, khiến những kẻ tò mò tham lam đi theo đông đảo, hết lớp này bị lừa tới lớp khác, dù câu nói "Tìm cái này" của Hinh là tìm cái gì thì không ai biết.

Truyện *Linh Nghiệm* không có giá trị cao về mặt nghệ thuật, nhưng là một sử liệu có giá, chứng tỏ thần tượng Hồ Chí Minh bắt đầu sụp đổ ngay giữa thủ đô Hà Nội, ngay giữa những trí thức văn nghệ sĩ được Bác-Đảng chăm sóc nuôi dưỡng để phục vụ cho "tổ quốc xã hội chủ nghĩa".

Vòng dây đã siết chặt

Những người gần đây mới về thăm Việt Nam đều đồng ý với nhau rằng chính quyền Việt Nam thả nổi về kinh tế, kinh doanh nhưng đã siết chặt hơn mặt tư tưởng, văn hóa, thông tin. Từ tháng 5-92 đã có lệnh các báo không ở trong hệ thống kiểm soát của nhà nước phải đình bản để chờ quyết định cho phép tiếp tục ra báo hay không. Tháng 8 vừa qua, một số báo chí có khuynh hướng "hơi thoải mái" đã không được phép ra tiếp, trong số đó có tờ *Văn Học và Dư Luận*, nơi qui tụ một số khá đông những cây bút trẻ có khuynh hướng độc lập. Sau vụ đánh hôi Trần Quốc Vượng, nhà phê bình Lê Ngọc Trà (người được giải thưởng bộ môn phê bình của Hội Nhà văn năm 1991) lại bị mang ra phê phán, mổ xẻ. Người đoạt giải thưởng phê bình năm 1991 trở thành kẻ "có vấn đề" của năm 1992.

Trong khi đó người viết cần sống, người đọc cần đọc. Sách báo vẫn ra ào ào đáp ứng nhu cầu thị trường, nhưng phải là loại sách báo không có "vấn đề" (nghĩa là không chạm đến uy quyền của nhà nước, của đảng). Có hai dạng: loại sách báo giải trí thuần túy (án mạng, diễm tình, khiêu dâm), và loại sách trở về nguồn (cổ học, dân tộc học).

Giới cầm bút quen chờ nghị quyết chỉ thị bây giờ thẹn không dám viết. Những người có lòng, có lương tâm thì lạc loài vì chưa quen với luật thị trường tàn khốc. Một nhà thơ, Thanh Thảo than:

Giờ chuyển sang kinh tế thị trường
Mua bán bùa xua mặt mày lem luốc
Ta pha loãng mình nhạt hơn nước ốc
Ta hòa trộn lung tung vẫn thấy thế nào!

Xin nhắc khẽ lần nữa, lần này với Thanh Thảo: trước khi chuyển sang kinh tế thị trường, mặt mày giới cầm bút chưa lem luốc, nhưng nhợt nhạt. Vì sợ bể trên đấy mà. Thậm chí đến nay vẫn nhiều người "nhợt nhạt" lắm. Ma văn Kháng là một, Ngọc Tú là hai . . .

văn học cười

Lời Than Vãn Cuối Cùng

Do gợi ý của *Văn Học* trên số trước, nhiều văn hữu và bạn đọc đã gửi về những câu khôi hài xoay quanh chủ đề "Lời than vãn cuối cùng" hoặc "Lời trối trăn" của những nhân vật lịch sử hoặc văn nghệ sĩ Việt Nam. Sau đây là một số ý tưởng dí dỏm Văn Học sưu tập được:

— Lời trối trăn của "nhà thơ" Hồ Chí Minh:

"Bác biết các chú vì thương Bác nên gọi Bác là 'nhà thơ vĩ đại'. Bác chỉ là người thích làm thơ. Gọi bác là 'người làm thơ vĩ đại' thì đúng hơn. Nhưng nhớ đừng in sót chữ 'vĩ'".

— Lời than của Tố Hữu (khi đứng trước quan tài Hồ Chí Minh trong lăng):

"Bác ơi! chúng nó đi nhậu với bọn lái sách hết rồi! Nhà con bây giờ cũng vắng vẻ y như ở đây mà thôi!"

— Sóng Hồng (Trường Chinh):

"Ta mãn nguyện lắm rồi! Được nằm trên giường ngự, sướng thật!"

(Theo tiết lộ của Bùi Tín trong *Hoa Xuyên Tuyết*, Trường Chinh hớn hở khoe là đã nằm trên ngự sàng của cựu hoàng Bảo Đại ở biệt điện Đà Lạt).

— Huy Cận:

"Vừa làm thơ, vừa làm quan, cái gì ta cũng thành công. Chỉ tiếc một điều nhỏ thôi: là đoạn cuối bài thơ Các Vị La Hán Chùa Tây Phương."

— Chế Lan Viên (trối trăn trước lúc mất):

"Đọc thơ của Hoan [tên thật của Chế Lan Viên] đừng đọc cả tập. Đọc từng bài, hay đọc vài câu rồi thôi, thế là thương Hoan!"

Vợ nhà thơ, nhà văn Vũ Thị Thường, thắc mắc hỏi: "Vì sao thế hở anh, em không hiểu?" Nhà thơ gắng hết sức, thều thào: "Mình biết rồi, còn hỏi! Đọc cả tập là đọc nghị quyết Đảng, còn gì!"

— Nguyễn Khải:

"Đời màu đỏ, ta viết không thua ai. Đời màu xanh, văn ta vẫn nhất. Nhưng bây giờ đời chuyển tím, làm sao đây!"

Thành phần nội các văn nghệ sĩ (bổ sung):

Sau khi công bố thành phần nội các văn nghệ sĩ trên *Văn Học* số 77, đã có thêm một số văn hữu hoặc viết thư về xin ứng cử hoặc được đề cử vào các chức vụ sau đây:

—Nhà văn Hoàng Liên: Giám đốc Nha Điện lực, tác giả tập hồi ký *Ánh Sáng* (khi có điện) *Và Bóng Tối* (khi điện bị cúp).

—Nhà văn kiêm họa sĩ Võ Đình: Bộ trưởng Bộ Hải quân (tác giả tập tạp luận *Sao Có Tiếng Sóng*).

— Nhà văn nữ Vũ Quỳnh Hương: Trưởng ty Cảnh sát Công lộ Đô thành (tác giả truyện ngắn *Vận Tốc Trung Bình*).

Nghe nói Nội các vẫn còn nhiều "ghế" trống. Đơn xin gia nhập, nhờ tòa báo chuyển.

*

Nhật sạn

HỒ GIÁM

Ở Việt Nam, Nguyễn Mộng Giác là người đi rất nhiều nơi. Ông đã đi khắp miền Trung, nơi ông ra đời, cũng là nơi ông dậy học và lập gia đình. Ông còn đi gần như khắp miền Nam trong cuộc đời nhà giáo của ông. Rồi chuyến vượt biên đưa ông tới Indonesia, Malaysia và cuối cùng, Bắc Mỹ. Ông cũng đã đi Âu châu chơi mấy năm trước.

Nhưng chắc chắn ông chưa ra Hà Nội.

Điều này tác giả *Sông Côn Mùa Lũ* đã để lộ cho thấy trong chi tiết tìm thấy nơi cuốn số 3 bộ trường thiên tiểu thuyết của ông. Ở trang 1388, Nguyễn Mộng Giác cho nhân vật của ông đi ăn ở một cao lâu bên cạnh hồ Giám. Rồi ông mở ngoặc đơn bên cạnh để ghi chú thêm: Hồ Hoàn Kiếm.

Giả ông không cẩn thận mở ngoặc ở đây, thì độc giả đã đinh ninh nhà văn vô dịch về viết dài này đã đi . . . nát cả đất Bắc, ra cả tới Hà Nội. Chính hai cái ngoặc đơn và cái ghi chú nhỏ đó đã cho thấy những chuyến đi của ông còn thiếu một chuyến ra Hà Nội.

Độc giả tưởng tượng trong một truyện ngắn, người viết cho hai nhân vật đi tìm hoa vườn Bách Thảo rồi cẩn thận mở ngoặc ngay bên cạnh: tức là vườn Bờ Rô, còn được gọi là vườn Lài thì tội nghiệp cho những người biết rõ phố phường Sàigòn và cho đôi tình nhân biết là bao nhiêu.

Hồ Giám là hồ Giám và hồ Hoàn Kiếm là hồ Hoàn Kiếm. Hồ Giám nằm trước Quốc Tử Giám (Văn Miếu). Ở khu này có hai cái hồ. Một ở ngoài, gọi là hồ Giám. Một ở trong, phía Khuê Văn Các ngó xuống, hai bên có những hàng bia tiến sĩ.

Hồ Giám ở góc phố hàng Bột (tên mới là Tôn Đức Thắng) và phố Quốc Tử Giám. Mấy chục năm trước, hồ này bị ô nhiễm nặng vì những lò than và lò thuộc da ở gần, nước đen và hôi thối vô cùng.

Hồ Hoàn Kiếm có tháp Rùa, có cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, nhà Thủy Tạ . . . nằm ở giữa Hà Nội.

Nhắc ông một chút để có dịp đi Hà Nội thật ông khỏi đi lạc, gia đình mất công đăng báo tìm thì phiền lắm.

hộp thư văn học

Anh Trần Long Hồ (Virginia): Đã đổi mẫu quảng cáo từ số này. Thành thực cảm ơn sự đóng góp và cổ động quí báu của anh. Với sự quan tâm đầy thiết tha và nhiệt tình của những văn hữu như anh, chắc chắn tờ báo sẽ không phụ lòng những người vẫn hằng yêu mến nó. Thân.

Anh Nguyễn Văn Hạnh (New Jersey): Lá thư của anh đã làm anh em trong tòa soạn lên tinh thần không ít. Cám ơn anh trước về đề nghị giúp đỡ Văn Học. Sẽ liên lạc với anh sau về việc đó. Thân.

Anh Nguyễn Quang Trúc (Florida): May quá, trận bão Andrew tai ác, với sức gió kinh khiếp như vậy, mà vẫn không thổi bay tờ Văn Học nào. Nhận được thư anh và thơ anh Triều Hoa Đại gửi về, biết quí anh vẫn bằng an vô sự. Đó là niềm vui. Nhìn địa chỉ mới của anh ngoài phong bì, lấy làm lạ. Ở Mỹ mà có đường tên là đường "Thiên Thai" ư? Thiên Thai viết bằng tiếng Việt đàng hoàng! Không hiểu đường đó có dẫn lên tới đào nguyên không? Có thì giờ anh biên thư giải thích giùm. Thân.

Anh Quốc Nam (San Jose, Cali): Cảm ơn anh đã gửi sách tặng. Chúc anh mạnh tiến trong những công tác văn hóa. Thân.

Bài vở nhận được trong tháng:

Văn: Đốm Lửa — Nét Họa Châu Mai — Vài Ý Nghĩ Nhân Dịp Xem... — Từ Cái Thèm Đi Tới... — Văn Hề Du Ký — Kỷ Niệm Ngày Sinh HMT... — Điên.

Thơ: Tưởng niệm NTN — Tình Khúc... — Mưa Nào... — Có Những Vần Thơ... — Rồi Mai... — Công Viên Mùa Xuân... — Ngày Rất Vội... — Nguyệt Tận... — Tiễn Đưa... — Tự Do...

Bài đã gửi báo khác, xin đừng gửi cho Văn Học.

Nhắn tin chung:

- Những bài thơ tưởng niệm nhà thơ quá cố Nguyễn Tất Nhiên sẽ được đăng tải chung vào số báo đặc biệt về nhà thơ này. Văn Học thành thật cảm tạ sự đóng góp bài vở của quí văn thi hữu.
- Dù đã xếp lại kiểu chữ để tăng cường thêm bài vở, Văn Học số này vẫn phải tạm gác một số bài như đã loan báo. Tòa soạn thành thực cáo lỗi.

Đón đọc Văn Học số tới:

Chủ đề về Truyện Ngắn

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẫu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHAM ĐìNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314

Falls Church, VA 22042

(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG

CHUYÊN LO VỀ TAI NẠN XE CỘ

Phòng mạch đầy đủ các máy móc thử nghiệm.

Bệnh nặng sẽ được Nhập Viện và điều trị tại Bệnh Viện.

NHẬN MEDICAID, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC: THEO HẸN. Thứ 2 - 6: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối. Thứ 7: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều.

Nhà **Xuất Bản Minh Văn** trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ:**

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00 US
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00 US
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00 US

Và tác phẩm sẽ xuất bản:

CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của Hồ Trường An

Chi phiếu, thư từ xin gởi về:

MINH VĂN, PO Box 647, Oakton, VA 22124-9998

NXB chịu cước phí và giảm 15% cho độc giả đặt mua sách trực tiếp.

Muốn thực hiện một quyển sách vừa ý, trình bày mỹ thuật và ấn loát toàn hảo!

Hãy gọi: Cơ sở trình bày và Ấn Loát Sách chuyên nghiệp

V&T Graphics - (714) 220-1794

- ❑ Nhận đánh sách và in laser với độ rõ 800x800dpi.
- ❑ Ấn loát các loại sách trên máy in lớn (32 trang), bìa 1 màu đến 6 màu, bìa đóng chỉ, UV Coated,...

- Nhận thực hiện gởi đi các tiểu bang
- Xin liên lạc để nhận sách mẫu

Giá hạ:

Ví dụ: Ấn loát 1,000 quyển sách, 160 trang trên giấy 50lb text, bìa in 4 màu trên giấy 10pt gloss cover C1S, UV coated, đóng gáy và cắt xén chỉ có: **$1.75** một quyển

Những sách đã và đang thực hiện: *Niên giám thương mại 1990, 1991 và 1992 do Phòng Thương Mại VN tại O.C. thực hiện, Trình bày quyển Kỷ Yếu Phong Thánh Tử Đạo VN do Dân Chúa thực hiện, Bộ Kinh Thanh Tịnh Đạo do Chùa Pháp Vân thực hiện, Đời Kinh Doanh Nguyễn Tấn Đời (tái bản), Truyện Phật Giáo ...*

V&T GRAPHICS & COMPUTERS

- ❑ NHẬN THIẾT KẾ HỆ THỐNG **TIẾNG VIỆT** CHO CÁC CƠ SỞ ẤN LOÁT, XUẤT BẢN, BÁO CHÍ, TÔN GIÁO, HÀNH CHÁNH...
- ❑ BÁN, HƯỚNG DẪN, VÀ HUẤN LUYỆN CÁCH DÙNG CÁC SOFTWARE NHƯ **VENTURA, CORELDRAW!, PAGEMAKER...**

Bộ Chữ Việt **$195**
Dos/Windows Version 3.1 (với 50 fonts FREE)
(luôn cước phí, CA cộng 7.75% tax)

714-220-1794
7310 Syracuse Ave. Stanton, CA 90680

- ❑ **Nhận thiết kế gởi đi các tiểu bang.**
- ❑ Bán Video (Anh ngữ) học dùng CorelDRAW! ($65), Ventura ($65), PageMaker 4 (bộ 3 cuốn $165) ...

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

Đã phát hành khắp nơi:

BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ

tập truyện của VĨNH HẢO
CHÂN NGUYÊNxuất bản
giá bán 10 Mỹ kim

Hỏi mua tại các hiệu sách hoặc liên lạc:
CHÂN NGUYÊN
424 S. Ramona Ave.
Monterey Park, CA 91754 USA
Điện thoại: (818) 288-5359

Tìm đọc:

Thanh Xuân

thơ khế iêm

giá 7 mỹ kim
thư từ, tiền bạc xin gửi về địa chỉ:

13600 Imperial Highway, Suite # 7
Santa Fe Springs, CA 90670
Tel: (310) 921-9719

cơ sở văn xuất bản

Phát hành trong tháng chín, 1992

NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY tập 2

NGUYÊN XUÂN HOÀNG

Bụi và Rác

Trần Lâm Thăng 10 năm ở Sài Gòn sau 1975

Thanh Văn xuất bản

Trung cộng đã chiếm Trường sa!
Một phần lãnh thổ thân yêu của dân tộc ta
đã rơi vào tay ngoại bang.
Để thấm thía hơn nỗi đau chung,
Để quyết tâm hơn trong việc tranh đấu bảo
vệ lãnh thổ Việt nam toàn vẹn.
Hãy tìm mua ngay:

Đặc san Sử Địa đặc khảo về

HOÀNG SA

và

TRƯỜNG SA

- Gồm 360 trang tài liệu giá trị chứng minh chủ quyền hai quần đảo của Việt nam.
- Một cuốn sách phải đọc nếu bạn còn quan tâm đến đất nước, giống nòi.

Giá 12MK
Số lượng in có hạn

Văn Nghệ và Khai Trí xuất bản
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Đã phát hành khắp nơi

KHÚC NGUYỆT QUỲNH

Dĩa nhạc CD tuyệt tác gồm 12 ca khúc nghệ thuật
trình bày bởi tiếng hát

QUỲNH GIAO

• trên da tình yêu - LÊ UYÊN PHƯƠNG • đêm nhớ trăng Saigon - PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG / thơ DU TỬ LÊ • tình long lanh FRANCOISBAZIN / QUỲNH GIAO • yêu - VĂN PHỤNG • chiều rơi mênh mang - ENRIQUÉ GRANDOS / TRỊNH Y THƯ • kỷ niệm - PHẠM DUY • hội hoa đăng - DƯƠNG THIỆU TƯỚC • hẹn một ngày về - LÊ HỮU MỤC • mơ tiên - DƯƠNG THIỆU TƯỚC • nhớ bạn - VŨ THÀNH • xuân thì - PHẠM DUY • khúc nguyệt quỳnh - MARGUERITE MONNOT / NGUYỄN XUÂN NGHĨA •

liên lạc:
Quỳnh Giao
4960 Almaden Expwy # 191
San Jose, CA 95118
Trong nước Mỹ: $ 17.00 kể cả cước phí
Ngoài nước Mỹ: $ 19.00 kể cả cước phí

Tôi muốn mua_____ dĩa *Khúc Nguyệt Quỳnh*

Xin gửi về địa chỉ dưới đây:

_____

_____

_____

Đính kèm là chi phiếu $ _____

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAYOUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

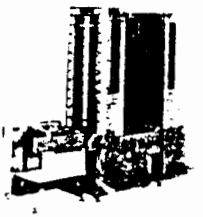

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

SÁCH ĐÃ IN

- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** $13.00
  Hoàng Nguyên Nhuận
- **ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI** $8.00
  Minh Tâm
- **BA TRỤ THIỀN** $20.00
  Philip Kapleau
  Đỗ Đình Đồng dịch
- **NGHỀ LÀM VUA** $12.00
  Truyện dài, Lệ Hằng
- **TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI** $13.00
  Tiệp ký cuả Đỗ Quý Toàn
- **BỤI VÀ RÁC** $13.00
  Truyện dài, Nguyễn Xuân Hoàng
- **NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG** $10.00
  Thơ, Trần Hồng Châu
- **PHẬT HỌC KHÁI LUẬN** $20.00
  Biên khảo, Thích Chơn Thiện

SÁCH SẼ IN

- **ĐẠI CƯƠNG CÂU XÁ LUẬN**
  Thích Thiện Siêu
- **KINH THI**
  Đào Duy Anh dịch và chú giải

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH ĐÃ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — **7.00MK**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc
- **TRUYỆN THẬT NGẮN** – *Võ Phiến* — **6.00MK**
- **NGỤ NGÔN** – *Đoàn Nhật Tấn* — **11.00MK**
- **HỠI ƠI** – *Thơ Ngu Yên* — **6.00MK**
- **SAO CÓ TIẾNG SÓNG...** – *Võ Đình* — **13.00MK**
- **THƠ MIỀN NAM TẬP I** – *Võ Phiến* — **6.00MK**
  (viết về 8 nhà thơ miền Nam – Văn Học Miền Nam)
- **KINH DỊCH** (đạo của người quân tử) — **20.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải
- **HỒI KÍ TẬP II** (trọn bộ 3 cuốn đã in đủ) — **15.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê
- **KHỔNG TỬ** – *Nguyễn Hiến Lê* — **12.00MK**
- **TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I** (Văn Học Miền Nam) — **6.00MK**
  Võ Phiến
- **TÌM PHẬT Ở ĐÂU?** (sách mới tái bản) — **7.00MK**
  Minh Tâm

SẼ IN

- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch
- **TIỂU THUYẾT I** – *Võ Phiến*
  (cuốn chót của Võ Phiến toàn tập)
- **TUẦN TỬ** – *Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê*

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách 12MK. Trên 12MK thêm 2MK

Giá $3.50 MK